



OÁN

LỚP MỘT
PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG - 1976

<https://tieulun.hopto.org>

thuongmaitruongxua.vn



1. Đây là phía trước của một lớp học. Cô giáo đang chỉ vào bảng giảng bài. Bảng đen dùng cho cô giáo dạy học. Bàn cô giáo. Ghế dựa của cô giáo. Cái tủ dùng cho cô giáo đựng sách, vở và đồ dùng dạy học.
2. Trong lớp muốn phát biểu ý kiến phải giơ tay xin phép cô giáo như thế đó.
3. Trong lớp, ngồi viết như em bé gái này.

DÀI, NGẮN, TO, NHỎ, HÌNH TRÒN

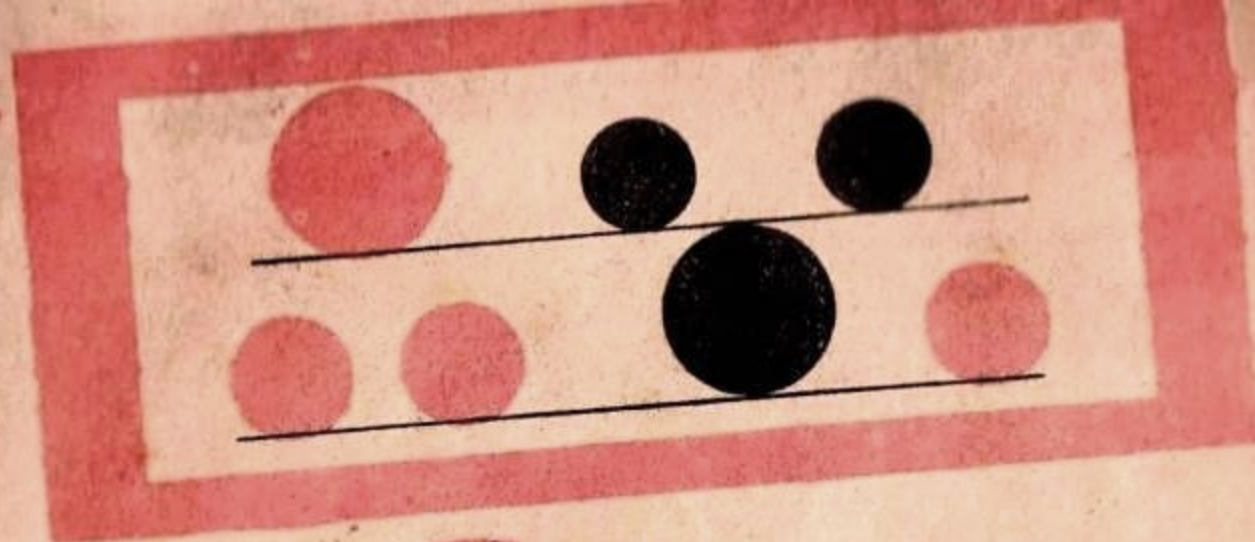


thuongmaitruongxua.vn

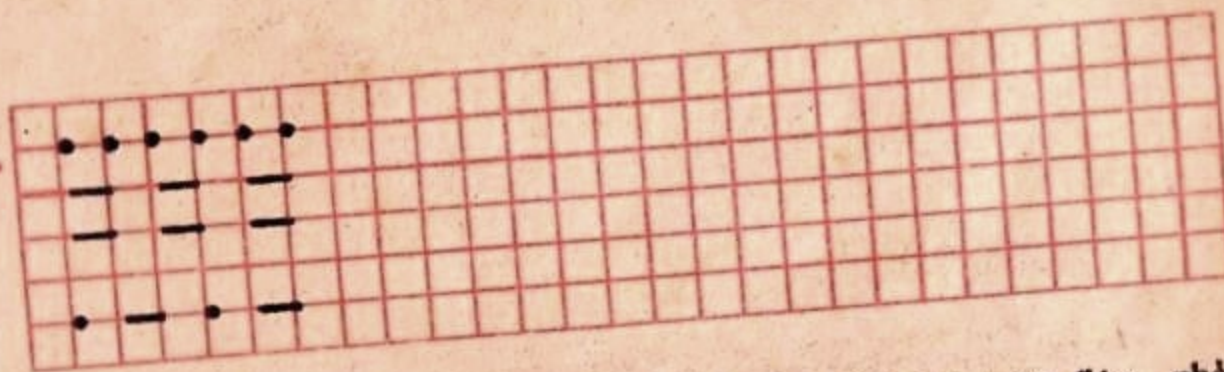


1. Hãy nhận xét : Có mấy em bé chơi bóng bay ? Mấy bóng bay đỏ ? Mấy bóng bay trắng ? Tất cả có mấy bóng bay ? Bóng bay nào nhỏ ? Bóng bay nào to ?
2. Hãy đếm số bút chì. Bút chì nào dài ? Bút chì nào ngắn ?

3.



6.



3. Đây là những hình tròn. Hãy đếm những hình tròn (lớn, nhỏ, đỏ, đen, tất cả).
4. Hãy so sánh hai quả bóng. Quả nào to ? Quả nào nhỏ ?
5. Hãy so sánh hai cái thước. Thước nào dài ? Thước nào ngắn ?
6. Hãy vẽ vào vở những chấm và vạch ngang.

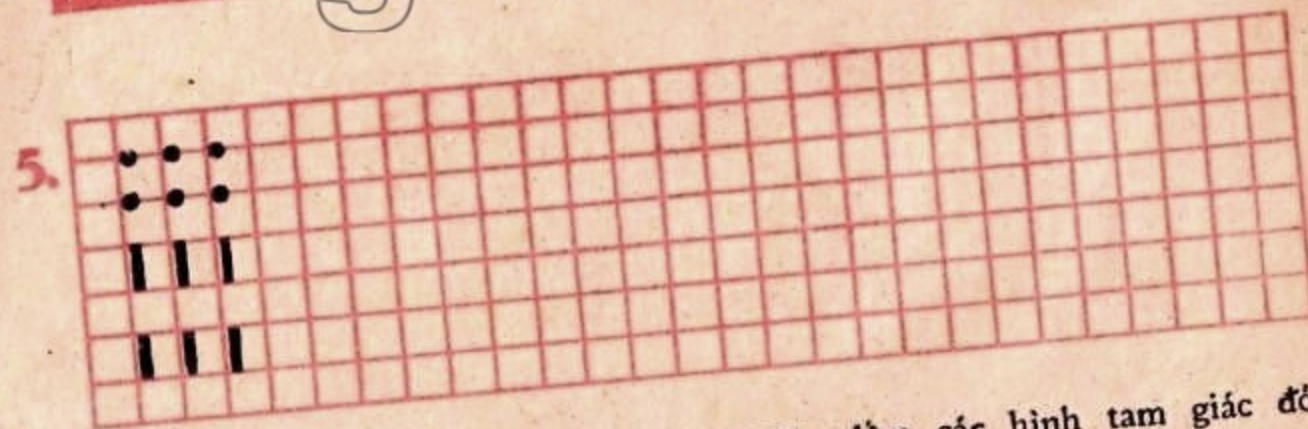
<https://tieulun.hopto.org>

NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU.
RỘNG, HẸP, CÓ, KHÔNG. HÌNH TAM GIÁC



1. Hãy nhận xét : Đường cái có gì ? Đường con có gì ? Đường nào rộng ? Đường nào hẹp ? Đếm những cây dừa bên đường con. Cây nào có quả (1) ? Cây nào không có quả ?
2. Hãy đếm những cái cốc, những cái đĩa. Số cốc và số đĩa bằng nhau. Nói : Có bao nhiêu cái cốc, thì có bằng ấy cái đĩa. Hãy đếm xem có mấy cái thìa ? Số thìa ít hơn số cốc. Số cốc nhiều hơn số thìa.

(1) Ở một số địa phương nhân dân gọi là 'trái'.



3. Đây là những hình tam giác. Hãy đếm các hình tam giác đỏ, đen, tất cả.
4. Hãy đếm số hình tròn trong từng ô (đen rồi đỏ). Ô nào có nhiều hình tròn đỏ hơn ? (ô lớn). Số hình tròn đỏ ở ô nào bằng số hình tròn đen ? (ô nhỏ).
5. Hãy vẽ vào vở những chấm và vạch dọc.

<https://tieulun.hopto.org>

DÀY, MỎNG, CAO, THẤP, HÌNH VUÔNG



1. Hãy nhận xét : Trên bàn có mấy quyển sách ? Quyển nào dày ? Quyển nào mỏng ? Hãy so sánh cái bàn và cái tủ. Cái nào cao hơn ? Cái nào thấp hơn ?
2. Đây là những hình vuông. Hãy đếm xem có mấy hình vuông nhỏ ? Có mấy hình vuông lớn ? Số hình vuông nhỏ và số hình vuông lớn thế nào ?

3.



4.



5.

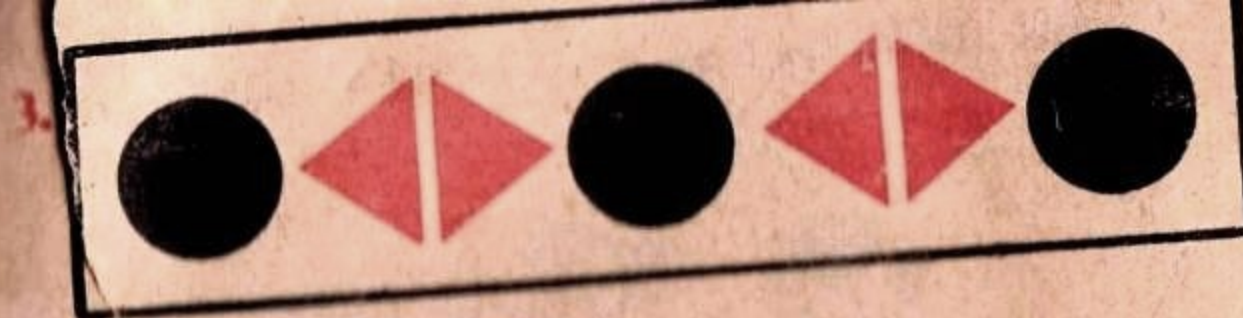


- 3,4. Hãy đếm những quả xoài, những cái đĩa. Làm thế nào cho số xoài và số đĩa bằng nhau ? Hãy đếm những ô-tô màu đỏ, ô-tô màu đen. Số ô-tô màu nào nhiều hơn ? Số ô-tô màu nào ít hơn ? Muốn cho số ô-tô màu đỏ bằng số ô-tô màu đen thì làm thế nào ?
5. Hãy vẽ vào vở những chấm và vạch dọc, những vạch dọc và vạch ngang.

ÔN: HÌNH TRÒN VÀ HÌNH TAM GIÁC



1. Hãy tìm trong hình vẽ: Những cái gì có hình tròn? Những cái gì có hình tam giác?
2. Hãy đếm số hình tam giác, số hình tròn. So sánh số hình tam giác và số hình tròn.

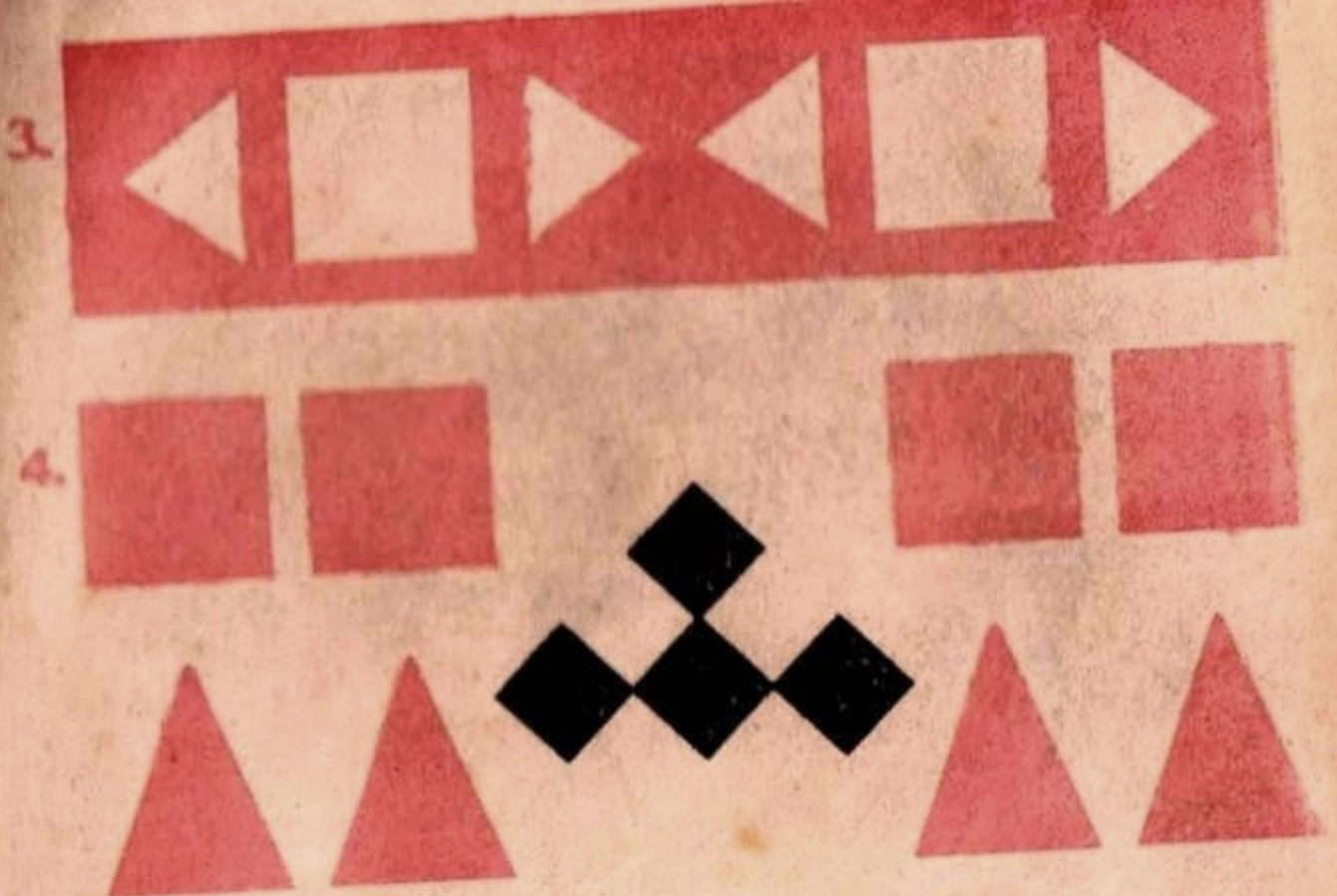


3. Hãy đếm số hình tròn và số hình tam giác. Số hình nào nhiều hơn? Số hình nào ít hơn?
4. Hãy tô màu xanh các hình tròn, tô màu đen các hình tam giác.
5. Hãy vẽ vào vở những chấm và vạch xiên.
Hãy vẽ vào vở một hàng ba hình tam giác và vẽ ở hàng khác bằng ấy hình tròn.

ÔN: HÌNH VUÔNG VÀ HÌNH TAM GIÁC



1. Trong tấm bìa của em bé trai giờ lên có mấy hình vuông và mấy hình tam giác? Em còn xách một tấm bìa hình gì? Trong tấm bìa đó có mấy hình vuông và mấy hình tam giác? Mô hình chiếc tàu thủy của em bé gái có mấy hình vuông và mấy hình tam giác? Hai em bé này đứng trên nền lát bằng gạch hình gì?
2. Hãy đếm số hình vuông và số hình tam giác. Số hình nào nhiều hơn? Số hình nào ít hơn?



3. Hãy tô màu đen các hình vuông, tô màu xanh các hình tam giác. Xong đếm số hình vuông rồi đếm số hình tam giác. So sánh số hình nào nhiều hơn? Số hình nào ít hơn?
4. Hãy dùng những màu khác nhau để tô lên các hình vuông và hình tam giác. Số hình nào nhiều hơn? Số hình nào ít hơn?
5. Hãy vẽ vào vở những vạch ngang, vạch dọc và những hình vẽ dưới chúng.

TRÊN, DƯỚI, TRƯỚC, SAU. HÌNH CHỮ NHẬT

1.



2.

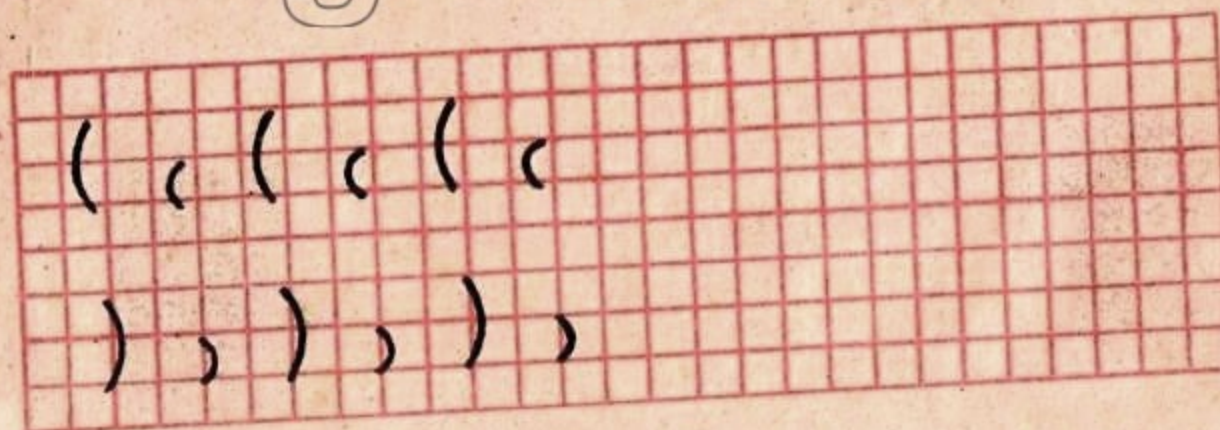


- Hãy đếm những quả xoài chín trên cây, những em bé chơi dưới tán cây. Máy em đã lượm được xoài chín? Máy em chưa lượm được xoài chín? Em nào lượm được hai quả xoài chín? Trước mặt em đó là những ai? Sau lưng em đó có con gì?
- Đây là những hình chữ nhật. Hãy đếm những hình chữ nhật đó.

3.



4.



- Hãy đếm những hình chữ nhật, rồi đếm những hình tròn. Số hình nào nhiều hơn? Số hình nào ít hơn? Hãy tô màu xanh các hình chữ nhật và màu đỏ các hình tròn.
- Hãy vẽ những nét cong vào vở. Hãy vẽ ở một hàng trên ba hình chữ nhật và vẽ ở một hàng dưới bằng ấy hình tròn.

BÊN PHẢI, BÊN TRÁI, Ở GIỮA,
CÙNG PHÍA, KHÁC PHÍA



1. Hãy nhận xét : Tay phải em bé gái cầm gì ? Tay trái em làm gì ? Cô giáo đứng phía bên nào của em bé gái ? Em bé ngồi phía bên nào của em bé gái ? Cô giáo đang chỉ vào chữ gì ? Chữ C nằm bên nào của chữ a ? Chữ o nằm bên nào của chữ a ? Chữ gì nằm ở giữa hai chữ C và o ? Những chữ gì ở hai phía của chữ a ? Những chữ gì cùng nằm bên phải chữ C ? Những chữ gì cùng nằm bên trái chữ o ?

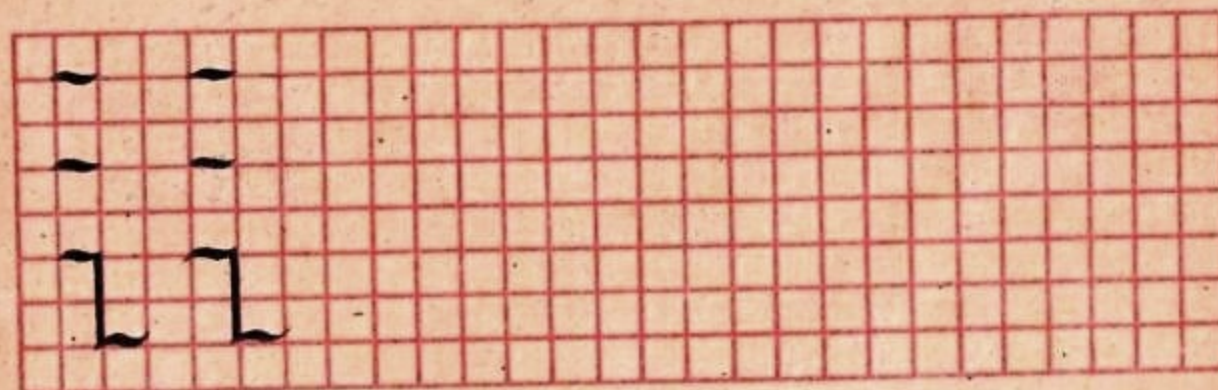
2.



3.



4.



2. Hãy đếm và tô màu vào các hình tam giác và hình chữ nhật.
3. Hãy nhận xét : Những hình gì có trong hai cái nhà và cây bàng ? Hãy vẽ vào vở cái nhà và cây bàng đó.
4. Hãy vẽ vào vở những nét uốn ngang và vạch dọc.



ÔN: MỘT SỐ KHÁI NIỆM BAN ĐẦU.
BẢNG AỠ

1.



2.



1. Hãy nhận xét: Trên đường cái, xe gì chạy trước ô-tô? Xe gì chạy sau ô-tô? Vậy xe gì chạy giữa xe đạp và xe ngựa? Trên đường con, ai đi trước em bé vác cần câu, ai đi sau em bé vác cần câu? Vậy em bé vác cần câu đi giữa những em nào?
2. Bên phải em bé cầm cờ là em bé mang gì? Bên trái em bé cầm cờ là em bé cầm gì? Đi trước em bé cầm cờ là em bé mang gì? Đằng sau em bé cầm cờ có những ai?

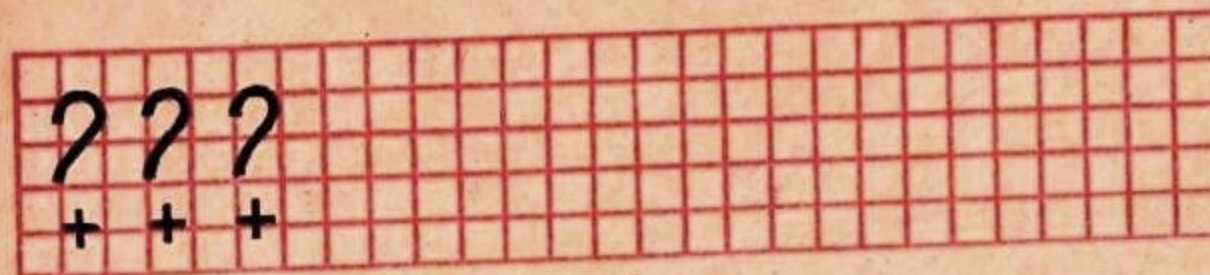
3.



4.



5.



- 3,4. Hãy đếm xem có mấy học sinh và mấy cái ghế? Nhận xét: Mỗi học sinh đứng bên một cái ghế. Dưới mỗi cái dao có một quả xoài. Hãy nói: Có bao nhiêu học sinh thì có bằng ấy cái ghế. Có bao nhiêu quả xoài thì có bằng ấy cái dao.
5. Hãy vẽ vào vở những nét uốn, vạch ngang và vạch dọc.



1.



thuongmaitruongxua.vn

2.



3.



1

1

1,2. Hãy nhận xét : Lớp học có mấy bảng đen ? Mấy lá cờ ?
Mấy cô giáo ? Cô giáo cầm mấy thước kẻ ? Mấy học sinh
đứng lên ? Mấy cái bát ? Mấy con ngựa ? Mấy quả cam ?

3. Mấy con tằm ? Mấy chấm đen ?

4. Chữ số một in ở trên, chữ số một viết ở dưới.

5.



6.



1

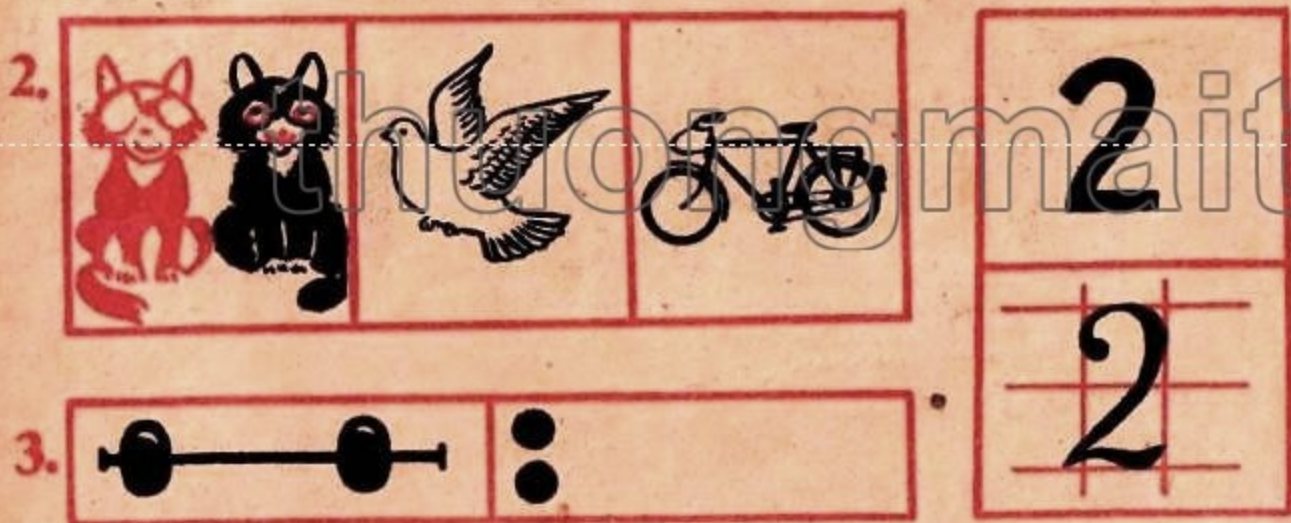
7.



5. Trên cao, một mặt trời chiếu sáng. Bên đường một em bé
rảo bước đèn trường. Hãy nhận xét xem : Đầu em bé đội mấy
cái mũ ? Tay em bé xách mấy cái cặp ?

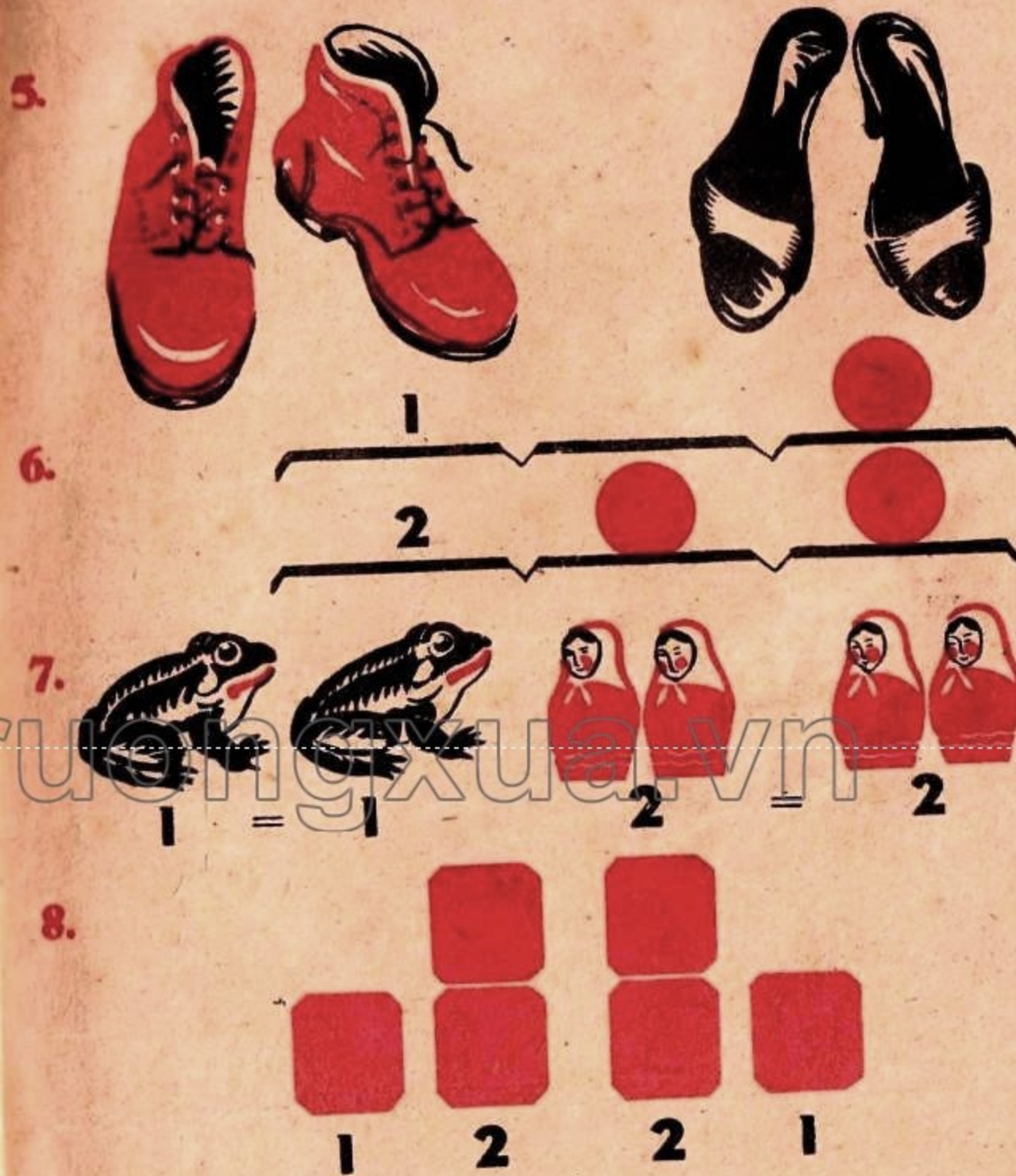
6. Sờ một được ghi bằng chữ số 1.

7. Hãy viết vào vở những vạch dọc và chữ số 1.



Hãy vẽ một hình tròn? Vẽ tiếp một hình tròn nữa. Có mấy hình tròn cả thảy? Hãy đặt ra một que tính. Hãy đặt thêm một que nữa. Tất cả có mấy que tính?

1. Trong hình vẽ có mấy chú Giải phóng quân? Mỗi chú mang mấy khẩu súng? Hai chú mang mấy khẩu súng? Bên cạnh các chú Giải phóng quân có những gì? Tất cả có mấy cây dừa?
2. Hãy đếm xem có mấy con mèo đang ngồi đó? Con chim có mấy cánh? Xe đạp có mấy bánh?
3. Hãy đếm số con tính, số chấm đen.
4. Trên là chữ số 2 in. Dưới là chữ số 2 viết. Hãy viết vào vở chữ số 2.



5. Hãy đếm những chiếc guốc, những chiếc giày. Nói: Hai chiếc guốc còn gọi là một đôi guốc. Hai chiếc giày còn gọi là một đôi giày.
6. Hãy đếm số hình tròn ở hàng trên, số hình tròn ở hàng dưới. Nói: Một ít hơn hai. Hai nhiều hơn một.
7. Hãy đọc: Một bằng một. Hai bằng hai.
8. Hãy đếm từ 1 đến 2 rồi từ 2 đến 1.

PHÉP CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 2

$\square + \square = \square$ $\square - \square = \square$

1.



$$1 + 1 = 2$$

2.



$$2 - 1 = 1$$

3.



$$1 + 1 = \square$$

4.



$$2 - 1 = \square$$

1. Trên cành đã có một hoa, lại nở thêm một hoa; vậy trên cành có cả thảy mấy hoa? Điều đó có nghĩa là 1 hoa, thêm 1 hoa được 2 hoa (1 cộng với 1 được 2). Như thế số nào nhiều hơn? 1 hoặc 2? (2 nhiều hơn 1).
2. Trong đĩa có 2 quả cam, em bé ăn 1 quả cam, còn mấy quả cam? Điều đó có nghĩa là từ 2 quả cam bớt đi một quả cam, còn 1 quả cam (2 trừ đi 1 còn 1). Nhận xét: 1 quả cam ít hơn 2 quả cam.
- 3, 4. Hãy nhận xét các hình vẽ, rồi giải các phép tính dưới mỗi hình vẽ.

5.



$$1 + 1 =$$

6.



$$2 - 1 =$$



$$1 + 1 = 2$$



$$2 - 1 = 1$$

8.



$$2 = 1 + 1$$

- 5, 6, 7. Hãy nhận xét từng hình vẽ, trước khi chép và giải các phép tính vào bảng con.
8. Đọc: 1 cộng với 1 được 2, 2 trừ đi 1 còn 1, 2 là 1 với 1.



1. Mấy bạn gái đang tưới cây? Mấy bạn trai đang tưới cây? Tất cả có mấy bạn đang tưới cây? 2 với 1 là mấy? Mỗi bạn xách mấy thùng tưới? Vậy 1 với 1, với 1 nữa là mấy? Hãy đếm xem, các bạn tưới cho mấy cây?
- 2, 3. Hãy đếm những con gà, những con bướm, những con tính và những chấm đen.
4. Trên là chữ số 3 in, dưới là chữ số 3 viết. Hãy viết chữ số 3 vào vở.

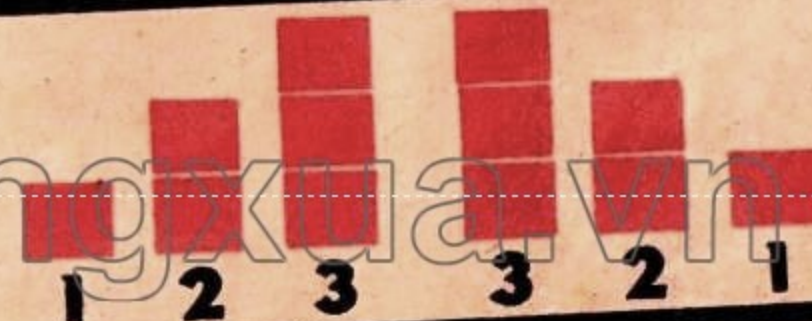
5.



6.



7.



8.



- 5, 6. Ngón tay có mấy đốt? Cái kiềng có mấy chân? Hãy xếp những que tính theo hình vẽ.
7. Hãy đếm từ 1 đến 3 và từ 3 đến 1.
8. Hãy điền những số còn thiếu vào những ô trống.

PHÉP CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 3

1.



$$2 + 1 = 3$$

2.



$$3 - 1 = 2$$

3.



$$2 + 1 = 3$$

4.



$$1 + 2 = 3$$

- Em bé đang cắm mấy hoa? Mẹ em cho thêm mấy hoa? Em bé sẽ được mấy hoa cả thảy? Hãy đọc: 2 cộng với 1 được 3.
- Chị gái có mấy lá cờ? Chị đang cho em mấy lá cờ? Chị sẽ còn mấy lá cờ? Hãy đọc: 3 trừ đi 1 còn 2.
4. Theo ví dụ trên, nhìn vào hình vẽ để đặt câu hỏi và tự trả lời, xong hãy so sánh với kết quả các phép tính.

5.



$$3 - 1 = 2$$

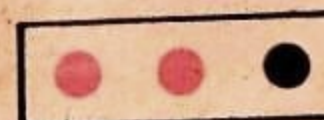
6.



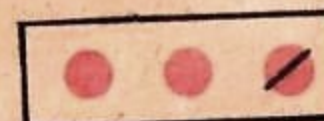
$$3 - 2 = 1$$

BẢNG CỘNG VÀ TRỪ

7.



$$2 + 1 = 3$$



$$3 - 1 = 2$$



$$1 + 2 = 3$$



$$3 - 2 = 1$$

$$3 = 2 + 1 = 1 + 2$$

- Chị vừa hái mấy quả cam? Vậy trên cành còn mấy quả cam? 3 trừ đi 1 còn mấy?
- Chị hái thêm 1 quả cam nữa. Vậy trên cành còn mấy quả cam? 3 trừ đi 2 còn mấy?
- Đây là bảng cộng và trừ trong phạm vi 3. Hãy đọc: 2 cộng với 1 được 3, 1 cộng với 2 được 3; 3 trừ đi 1 còn 2, 3 trừ đi 2 còn 1; 3 là 2 cộng với 1 hoặc 1 cộng với 2.



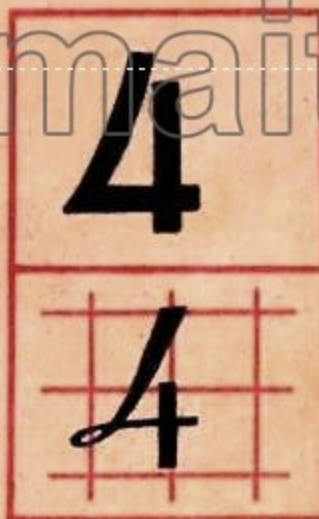
1.



2.



3.



Hãy đặt lên bàn 3 hòn sỏi. Đặt thêm 1 hòn sỏi nữa. Tất cả có mấy hòn sỏi? Hãy đếm những hòn sỏi ấy.

1. Mấy em bé đang học trong phòng? Tìm xem trong phòng còn có cái gì 4 chân?
2. 3 con mèo đang vờn 1 quả bóng. 1 con mèo nữa chạy tới. Vậy có mấy con mèo cả thảy? 3 với 1 là mấy?
3. Hãy đếm những con tính, những chấm đen.
4. Trên là chữ số 4 in, dưới là chữ số 4 viết. Hãy viết chữ số 4 vào vở.

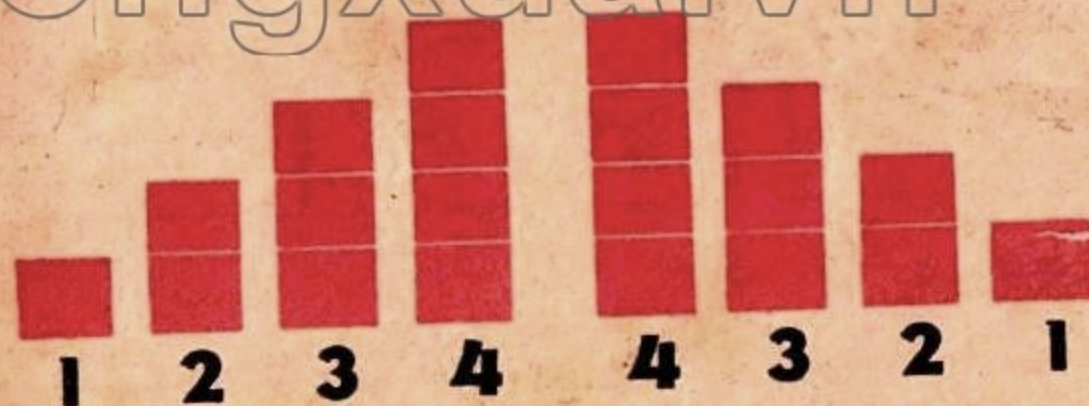
5.



6.



7.



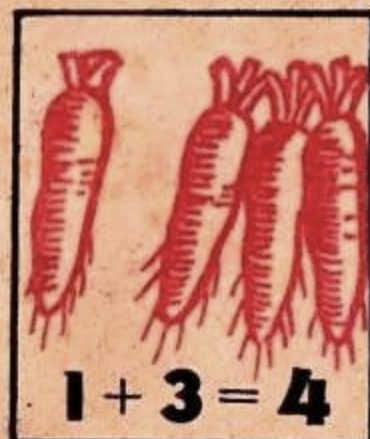
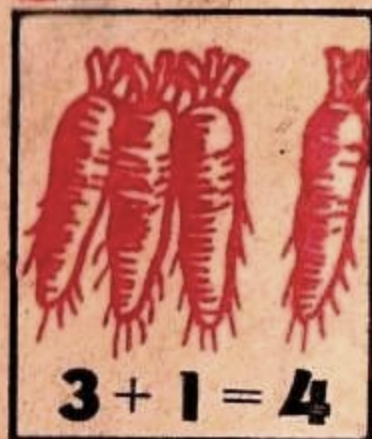
8.



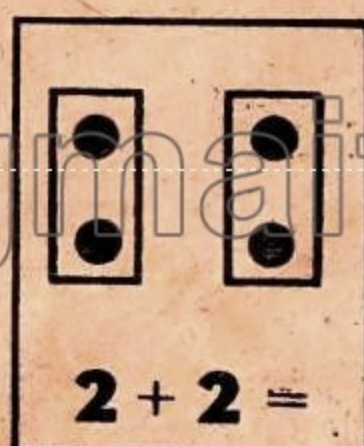
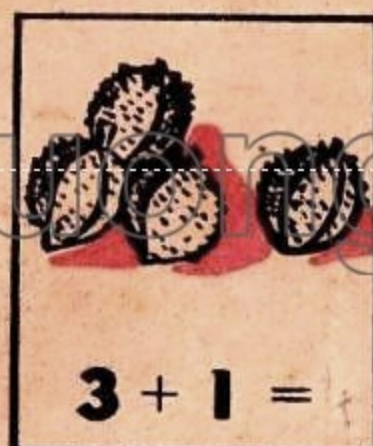
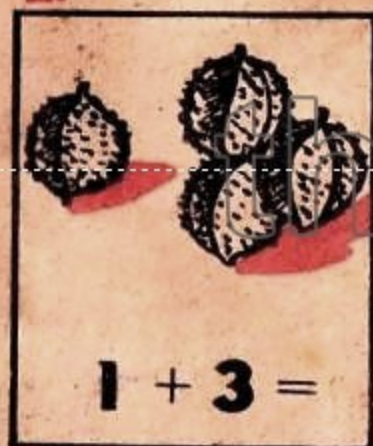
5. Ô-tô có mấy bánh? Con bò có mấy chân?
6. Hãy xếp 4 que tính theo hình vẽ.
7. Hãy đếm từ 1 đến 4 và từ 4 đến 1.
8. Hãy điền các số còn thiếu vào những ô trống.

PHÉP CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 4

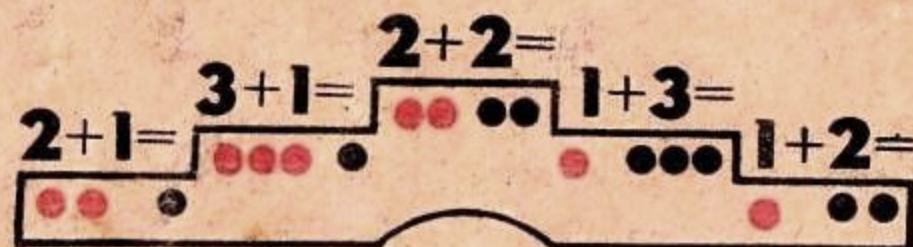
1.



2.



3.



1. Có 3 củ cà-rốt, đưa thêm 1 củ nữa sẽ được mấy củ cà thấy?
Có 1 củ cà-rốt, đưa thêm 3 củ nữa sẽ được mấy củ cà thấy?
Có 2 củ cà-rốt, đưa thêm 2 củ nữa sẽ được mấy củ cà thấy?

2,3. Hãy chép vào bảng con và giải các phép tính.



$$4 - 1 = 3$$



$$4 - 3 = 1$$



$$4 - 2 = 2$$

5.



$$4 - 3 =$$



$$4 - 1 =$$



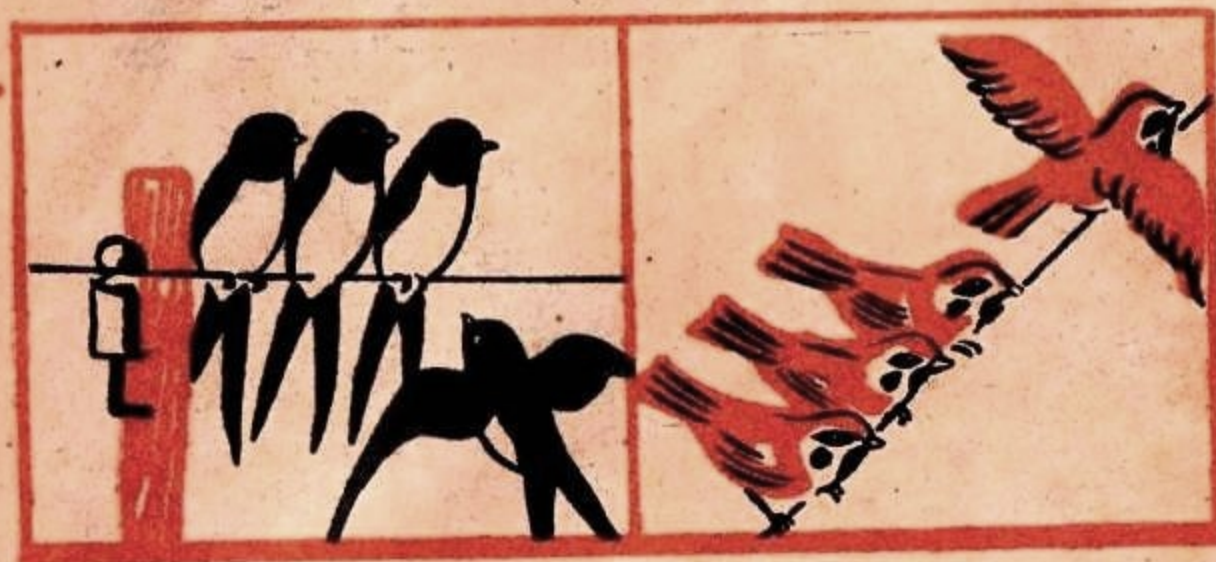
$$4 - 2 =$$

4. Trên bàn có 4 quyển sách, lấy đi 1 quyển, còn mấy quyển sách. Có 4 hình tam giác, xóa đi 3 hình, còn lại mấy hình tam giác? Có 4 quả vú sữa, lấy đi 2 quả, còn lại mấy quả vú sữa?

5. Hãy giải các phép tính.

Hãy vẽ vào vở 4 hình vuông. Hãy tô màu đỏ hình vuông thứ nhất, màu xanh hình cuối cùng. Vậy còn mấy hình vuông chưa tô màu?

PHÉP CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 4



$$3 + 1 = \square$$

$$4 - 1 = \square$$



$$\square + \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

1. Hãy nhận xét từng hình vẽ trước khi giải các phép tính ở dưới.
2. Dựa vào hình vẽ, tự đặt những số thích hợp vào các ô để trông thành những phép tính và giải các phép tính đó.



$$\square + \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

BẢNG CỘNG VÀ TRỪ



$$3 + 1 = 4$$



$$4 - 1 = 3$$



$$2 + 2 = 4$$



$$4 - 2 = 2$$



$$1 + 3 = 4$$



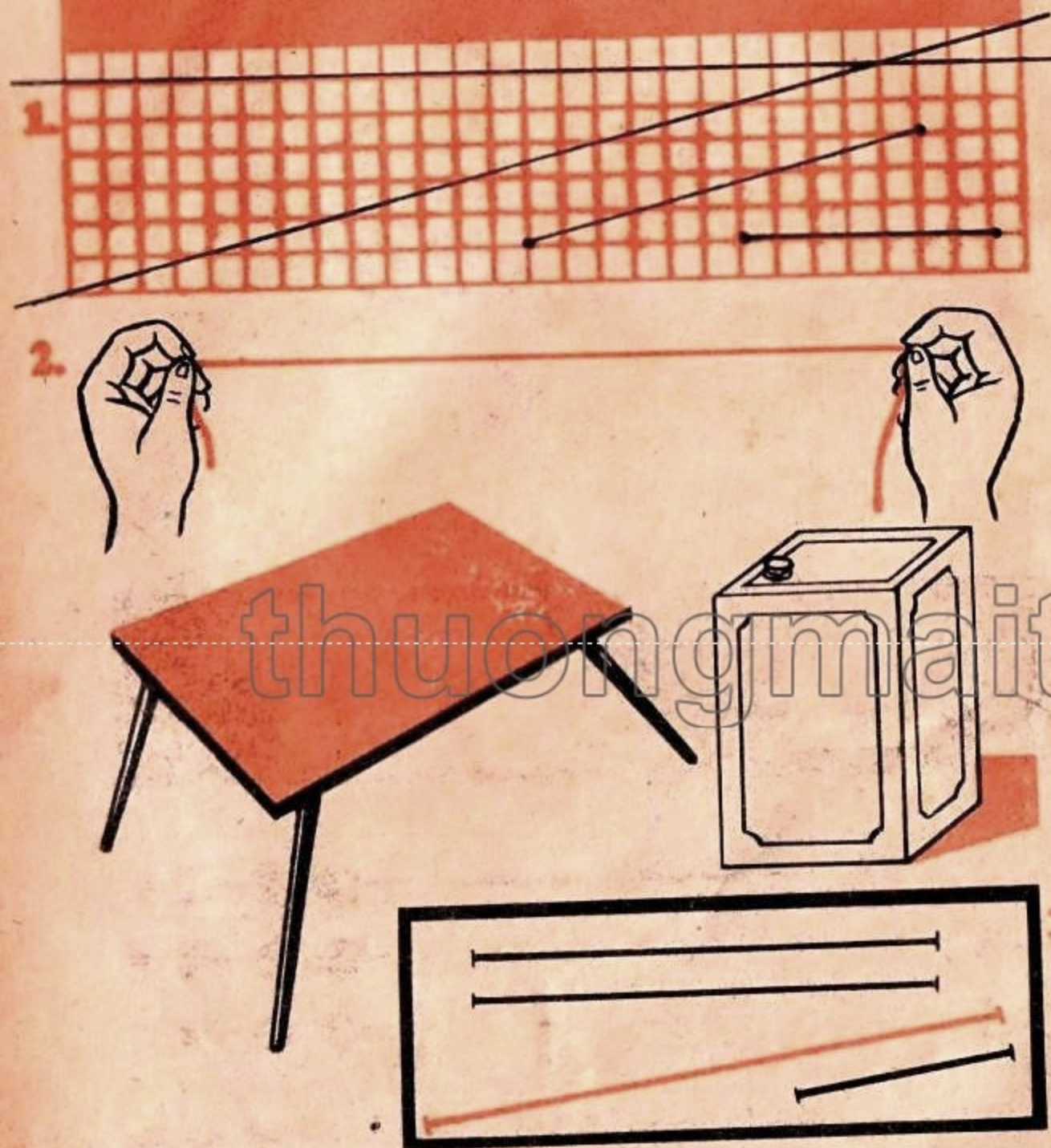
$$4 - 3 = 1$$

$$4 = 3 + 1 = 1 + 3$$

$$4 = 2 + 2$$

3. Như số 2 ở trang bên trái.
4. Đây là bảng cộng và trừ trong phạm vi 4. Hãy đọc bảng đó. Hãy vẽ vào vở một hàng 4 hình tròn, rồi vẽ ở hàng dưới bằng ấy hình tam giác. Hãy tô màu đỏ các hình tròn, màu xanh các hình tam giác.

ĐƯỜNG THẲNG, ĐOẠN THẲNG



1. Trên là hai đường thẳng. Dưới là hai đoạn thẳng. Đường thẳng dài, dài tắp. Đoạn thẳng thì bị cắt ở hai đầu.
2. Khúc dây căng thẳng, cạnh bàn, cạnh thùng là những đoạn thẳng.
3. Hãy chỉ những đoạn thẳng bằng nhau, những đoạn thẳng không bằng nhau. Đoạn thẳng nào dài nhất?



7. $1 + 1 =$ $2 - 1 =$ $8.$

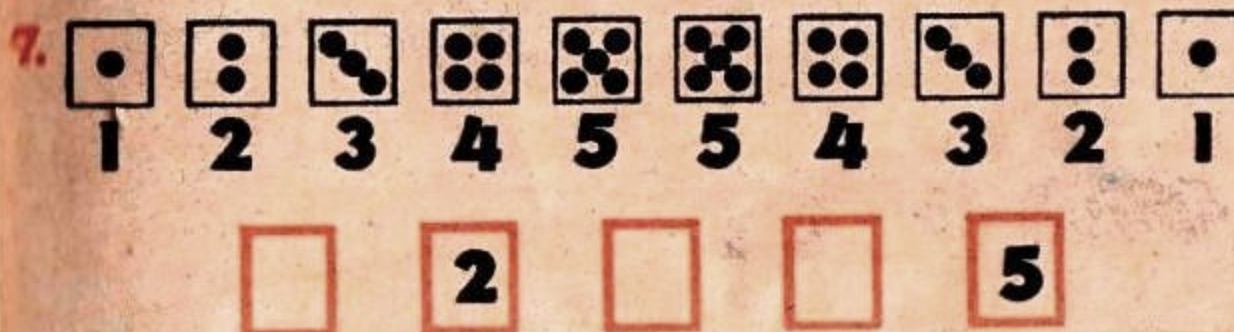
$2 + 1 =$ $3 - 1 =$

$3 + 1 =$ $4 - 1 =$

4. Bé kẻ 3 đoạn thẳng màu cam và 1 đoạn thẳng đen... Hãy nói tiếp câu hỏi rồi đặt phép tính và giải phép tính ấy.
- 5,6. Đây là những hình tam giác và tứ giác. Mỗi cạnh của hình tam giác là một đoạn thẳng. Mỗi cạnh của hình tứ giác cũng là một đoạn thẳng. Hãy đếm xem mỗi hình tam giác có mấy cạnh? Mỗi hình tứ giác có mấy cạnh?
- 7,8. Hãy chép lại các phép tính và giải các phép tính ấy.



1. Ở vườn trường có mấy bạn đang trồng hoa? Mấy bạn đang tưới nước cho hoa? Vậy trong vườn trường có mấy bạn đang lao động? Hãy đếm xem ở sau vườn trường có mấy cây dừa chưa có quả? Mấy cây dừa đã có quả? 4 cây dừa với 1 cây dừa là mấy cây dừa?
2. Hãy đếm xem cái hoa có mấy cánh? Trong đĩa có mấy quả ổi? Bé đưa tới 1 quả ổi nữa thì trong đĩa sẽ có mấy quả ổi? 4 với 1 là mấy?
3. Hãy đếm những con tính, những chấm đen.
4. Trên là chữ số 5 in, dưới là chữ số 5 viết. Hãy viết vào vở số 5.



5. Hãy nhận xét và trả lời ngay: Ngôi sao màu cam có mấy cánh?
6. Hãy xếp 5 que tính theo hình vẽ.
7. Hãy đếm từ 1 đến 5 rồi từ 5 đến 1. Hãy điền các số còn thiếu vào những ô trống.

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 5

1.



$$\square + \square = \square$$

2.



$$\square + \square = \square$$

3.



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

5.

$$\begin{array}{|c|c|} \hline \bullet & \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} \quad 1 + 4 =$$

$$\begin{array}{|c|c|} \hline \bullet \bullet & \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} \quad 2 + 3 =$$

$$\begin{array}{|c|c|} \hline \bullet \bullet \bullet & \bullet \bullet \\ \hline \end{array} \quad 3 + 2 =$$

$$\begin{array}{|c|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet & \bullet \\ \hline \end{array} \quad 4 + 1 =$$

1. Hãy đếm số búa trên bàn và số búa của chú công nhân đưa đến. Ghi kết quả vào vở rồi đặt phép tính và giải phép tính đó.
- 2,3,4. Tiến hành tương tự như 1.
5. Hãy giải các phép tính.

6.



$$4 + 1 = 5$$

7.



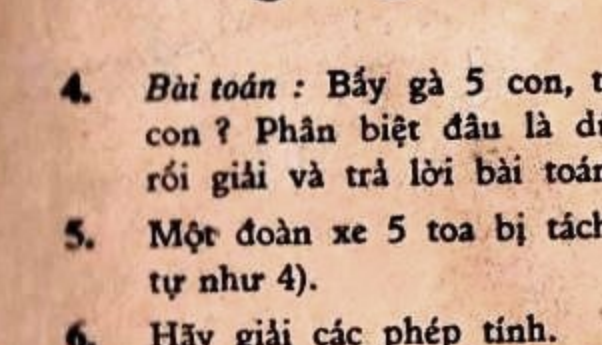
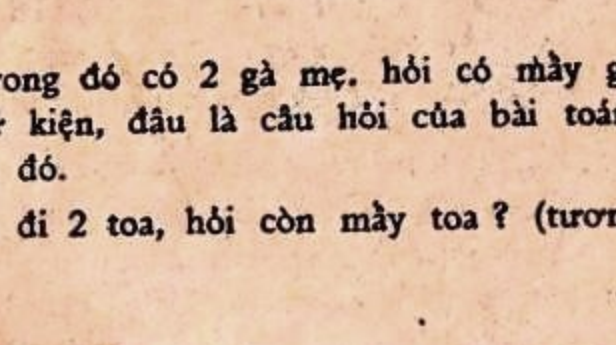
$$4 - 1 = 3$$

6. *Dữ kiện bài toán :* Em bé có 4 lá cờ. Chị cho em bé 1 lá cờ nữa.
Câu hỏi của bài toán : Em bé sẽ có tất cả mấy lá cờ?
Giải bài toán : $4 + 1 = 5$.
Trả lời : Em bé sẽ có tất cả 5 lá cờ.
7. *Lập thành đề toán theo hình vẽ. Phân biệt dữ kiện, câu hỏi, cách giải và trả lời câu hỏi của bài toán.*

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 5

 $4 + 1 = 5$	 $5 - 1 = 4$
 $3 + 2 = 5$	 $5 - 2 = 3$
 $2 + 3 = 5$	 $5 - 3 = 2$

- Hãy đặt 4 quả cam lên bàn. Hãy đặt thêm 1 quả nữa. Tất cả có mấy quả cam? Trên bàn có 5 quả cam, em bé lấy đi một quả. Hỏi còn mấy quả cam?
- Hàng dưới có mấy con chim? Hàng trên có mấy con chim? Cả hai hàng có mấy con chim? 3 con chim cộng với 2 con chim được mấy con chim? 2 con chim bay đi thì còn mấy con chim? 5 trừ đi 2 còn mấy?
- Một nhánh cây có hai chùm quả, chùm 2 quả và chùm 3 quả. Hỏi nhánh cây đó có mấy quả cả thảy? Con chim tha đi chùm 3 quả. Vậy trên nhánh cây còn mấy quả?

	
 $5 - 2$	 $5 - 4$
 $5 - 2$	 $5 - 4$
 $5 - 3$	 $5 - 1$

- Bài toán: Bầy gà 5 con, trong đó có 2 gà mẹ. Hỏi có mấy gà con? Phân biệt đâu là dữ kiện, đâu là câu hỏi của bài toán, rồi giải và trả lời bài toán đó.
- Một đoàn xe 5 toa bị tách đi 2 toa, hỏi còn mấy toa? (tương tự như 4).
- Hãy giải các phép tính.
Hãy vẽ vào vở, ở hàng trên, 5 hình tam giác và vẽ ở hàng dưới bằng ấy hình vuông. Hãy tô màu đỏ các hình tam giác và màu xanh các hình vuông.

ĐẶT CÂU HỎI CHO BÀI TOÁN

1 2 3 4 5 5 4 3 2 1

1.



2.



4 gà mái đang ăn
1 gà mái chạy đến
.....



$$\square + \square = \square$$

- 2 em bé múa, 3 em bé xem; vậy cả thầy có mấy em bé?
- Hãy đọc câu ghi ở hình vẽ, rồi đặt tiếp câu hỏi và giải bài toán.

3.



$$\square - \square = \square$$

BẢNG CỘNG VÀ TRỪ

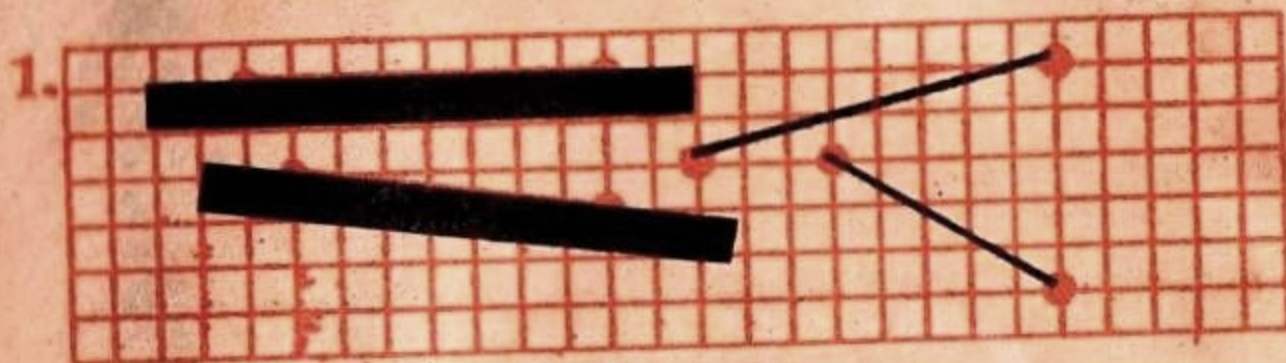
4.

	$4+1=5$	$5-1=4$	
	$3+2=5$	$5-2=3$	
	$2+3=5$	$5-3=2$	
	$1+4=5$	$5-4=1$	

$$5 = 4 + 1 = 1 + 4 \quad \leftarrow \text{---} \rightarrow \quad 5 = 3 + 2 = 2 + 3$$

- Bầy bê 5 con, trong đó có 3 bê màu cam... Hãy dựa vào hình vẽ đặt tiếp câu hỏi cho thành bài toán. Hãy nói rõ đâu là dữ kiện, đâu là câu hỏi, rồi giải và trả lời bài toán.
- Đây là bảng cộng và trừ trong phạm vi 5. Hãy đọc bảng đó. Hãy vẽ ở bên trái trong vở một cột 5 hình vuông, và vẽ ở bên phải trong vở đó một cột bằng ấy hình chữ nhật. Hãy tô màu xanh các hình vuông, màu đỏ các hình chữ nhật.

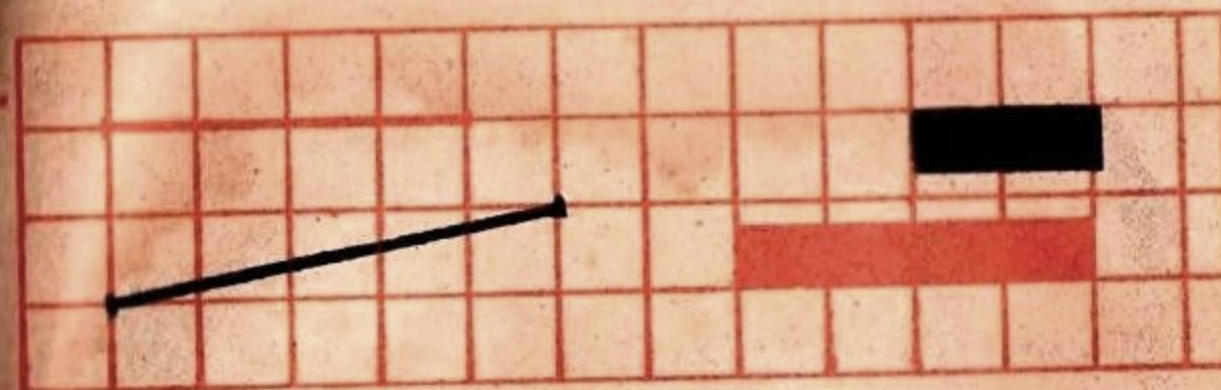
VẼ VÀ ĐO ĐOẠN THẲNG



Cen-ti-mét



- Hãy đánh dấu các điểm rồi dùng thước kẻ và bút chì kẻ thành những đoạn thẳng.
- Hãy so sánh những đoạn thẳng màu cam với nhau, những đoạn thẳng đen với nhau và những đoạn thẳng màu cam với những đoạn thẳng đen.
- Hãy chỉ trên thước đo: 1 cen-ti-mét, 2 cen-ti-mét, ... Hãy vẽ những đoạn thẳng dài 2 cen-ti-mét, 3 cen-ti-mét, ...



		
$3 + 2$	$1 + 4$	$2 + 3$
$5 - 2$	$5 - 1$	$5 - 3$
$5 - 3$	$5 - 4$	$5 - 2$

6.

$4 \square 1 = 5$	$3 + \square = 5$	$4 \square \square = 5$
$5 \square 4 = 1$	$5 - \square = 2$	$5 \square \square = 4$

- Hãy dùng thước đo, đo chiều dài các đoạn thẳng đen, màu cam và đo chiều dài các băng giấy đen, màu cam. Vẽ vào vở những đoạn thẳng và băng giấy đó. Ghi kết quả đo được dưới các đoạn thẳng và băng giấy đã vẽ trong vở.

5,6. Giải các phép tính.



2.



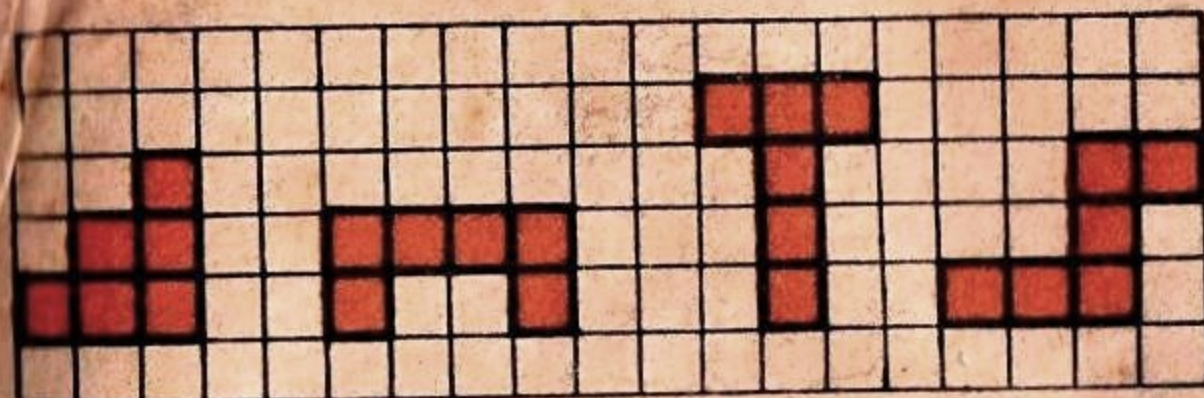
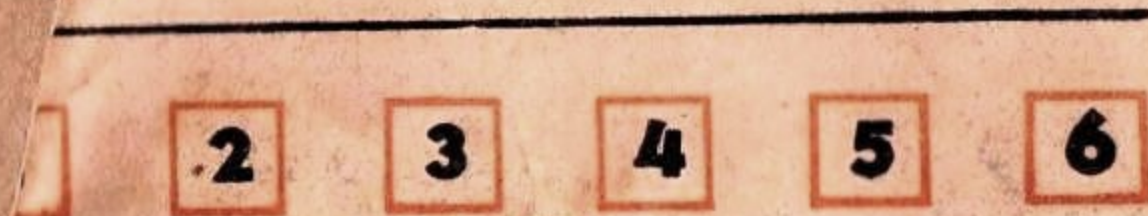
4.



3.

Hãy đặt ra bàn 5 que tính. Hãy đặt thêm 1 que nữa. Cả thảy có mấy que tính ở trên bàn?

1. Trong sân có mấy bạn đang xem ngỗng? Một bạn nữa chạy đến. Vậy trong sân có tất cả mấy bạn đang chơi? 5 bạn với 1 bạn là mấy bạn? Cây dừa ở góc sân có mấy buồng? Mỗi buồng có mấy quả? 5 với 1 là mấy? Trong sân còn có mấy con ngỗng?
2. 5 con tính với 1 con tính là mấy con tính? Hãy đếm số chấm đen.
3. Trên là chữ số 6 in, dưới là chữ số 6 viết. Hãy viết vào vở chữ số 6.
4. Hãy dùng 6 que tính xếp theo hình vẽ.



6 5 4 3 2 1



5. Hãy đếm số ô vuông kẻ ở đầu bậc cầu thang thêm nhà, ở ghề đá vườn hoa, ở chữ T và ở hình con vịt đang bơi. Hãy vẽ vào vở những hình đó.
6. Hãy đếm xuôi các số từ 1 đến 6, rồi đếm ngược các số từ 6 đến 1. Hãy điền các số còn thiếu vào những ô trống.

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6. NHIỀU HƠN

1.



$$5 + 1 = 6$$


$$1 + 5 = 6$$


$$4 + 2 = 6$$

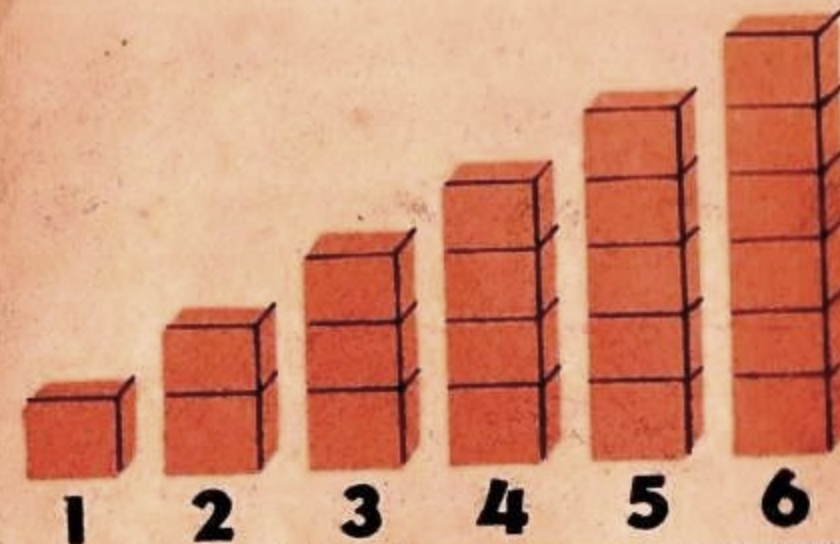

$$2 + 4 = 6$$

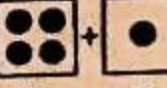
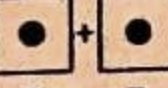
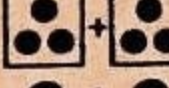
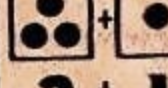
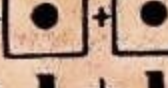
2.



$$3 + 3 = 6$$

- Đếm số em bé ngồi trên ghế (5). Máy em nữa chạy đến? Vậy sẽ có máy em bé ngồi ở ghế? 5 cộng với 1 được bao nhiêu. Tương tự đối với 3 ghế còn lại?
- Trong đĩa có máy quả cà chua? (3). Ngoài đĩa còn bằng ấy quả. Vậy ngoài đĩa còn máy quả cà chua? 3 cộng với 3 được máy?



										
4	+	2	4	+	1	+	1	3	+	3

- Hãy đếm từ 1 đến 6 rồi đếm ngược lại từ 6 đến 1.
- Máy con chim đang đậu ở cành bên trái? (2). Cành bên phải cũng bằng ấy con chim đang đậu. Vậy ở cành bên phải hiện có máy con chim đậu? (2). Ngoài ra ở cành bên phải sẽ có 3 con chim nữa bay tới đậu. Vậy cành bên phải sẽ có máy con chim đậu? $2 + 3 = 5$. Bằng ấy chim (2 chim) ngoài ra còn thêm 3 chim? Vậy phải lấy 2 cộng với 3 được 5. 5 nhiều hơn 2. Nói: « Nhiều hơn » có nghĩa là « bằng ấy, ngoài ra còn thêm ».
- Giải và so sánh kết quả các phép tính.

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6. ÍT HƠN



$$5 + 1 = 6$$

$$6 - 1 = 5$$



$$4 + 2 = 6$$

$$6 - 2 = 4$$



$$3 + 3 = 6$$

$$6 - 3 = 3$$

1. Trên ca-nô có mấy chú bộ đội? Một chú bộ đội nữa bước vào thì trên ca-nô sẽ có mấy chú bộ đội? Trên ca-nô có 6 chú bộ đội; nhưng 1 chú nhảy sang thuyền khác. Vậy trên ca-nô sẽ còn mấy chú bộ đội? 6 trừ đi 1 còn mấy?

2,3. Tương tự như 1.



$$6 - 1 = 5$$

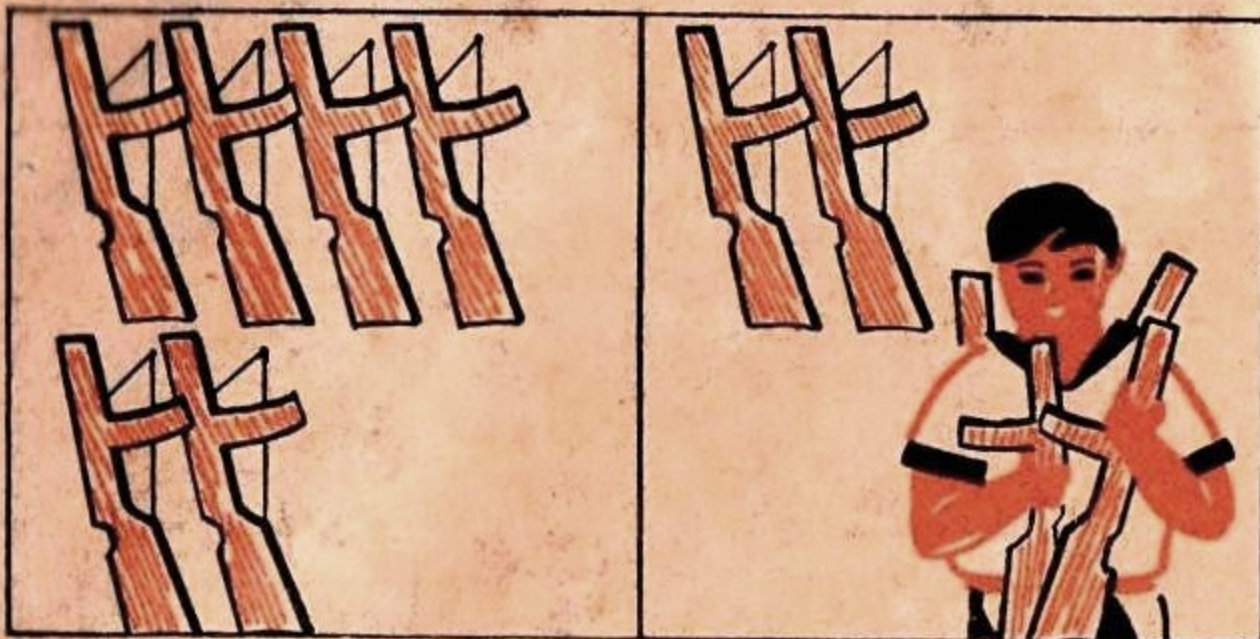
$$\begin{array}{l} 5 + 1 = \\ 4 + 2 = \\ 3 + 3 = \end{array} \quad \begin{array}{l} 6 - 1 = \\ 6 - 2 = \\ 6 - 1 - 1 = \end{array} \quad \begin{array}{l} 6 - 3 = \\ 6 - 1 - 2 = \\ 6 - 1 - 1 - 1 = \end{array}$$

4,5. Cây cam bên trái có mấy quả chín? (6). Cây cam bên phải cũng có bằng ấy quả chín. Vậy cây cam bên phải hiện có mấy quả chín? (6). Ngoài ra, ở cây cam bên phải có em bé đang hái đi 2 quả cam chín. Vậy cây cam bên phải sẽ còn mấy quả chín? $6 - 2 = 4$. Bằng ấy quả (6 quả), ngoài ra sẽ bớt đi 2 quả. Vậy phải lấy 6 trừ đi 2 còn 4. 4 ít hơn 6. Nói: "ít hơn" có nghĩa là "bằng ấy, ngoài ra còn bớt đi".

6. Dựa vào hình vẽ đặt thành bài toán sao cho cách giải sẽ là $6 - 1$.

7. Hãy giải các phép tính và so sánh các kết quả với nhau.

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6



$$4 + 2 = 6$$

$$6 - 4 = 2$$



$$5 + 1 = 6$$

$$6 - 5 = 1$$

- Đếm số súng ở hình bên trái : trên mây khẩu ? dưới mây khẩu ? Tất cả ? Nhận xét hình bên phải : Cũng bằng ấy khẩu súng như hình bên trái ; nhưng em bé mang đi 4 khẩu, thì còn mấy khẩu ? 6 trừ đi 4 còn mấy ?
- Tương tự như 1. 6 trừ đi 5 còn mấy ?

6 5 4 3 2 1



$$3 + 3 = 6 - 2 =$$

$2 + 2 + 2 =$	$6 - 4 =$	$6 - 5 =$
$2 + 3 + 1 =$	$6 - 1 - 3 =$	$6 - 1 - 4 =$
$2 + 4 =$	$6 - 2 - 2 =$	$6 - 2 - 3 =$

- Nhìn vào hình vẽ đặt thành bài toán sao cho cách giải sẽ là $3 + 3$ và giải phép tính đó.
- Tương tự như 3 nhưng cách giải phải là $6 - 2$.
- Giải các phép tính và nhận xét so sánh kết quả theo từng cột.
Hãy dùng bút chì đỏ và thước đo vẽ một đoạn thẳng 6 centi-mét, và dùng bút chì xanh vẽ một đoạn thẳng 4 centi-mét. Đoạn thẳng nào ngắn hơn ? Ngắn hơn mấy centi-mét ?

BẢNG CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 6

Bài toán: Hãy xếp 6 cái hộp này thành hai nhóm



$$5 + 1 = 6$$



$$6 - 1 = 5$$

$$4 + 2 = 6$$



$$6 - 2 = 4$$

$$3 + 3 = 6$$



$$6 - 3 = 3$$

$$2 + 4 = 6$$

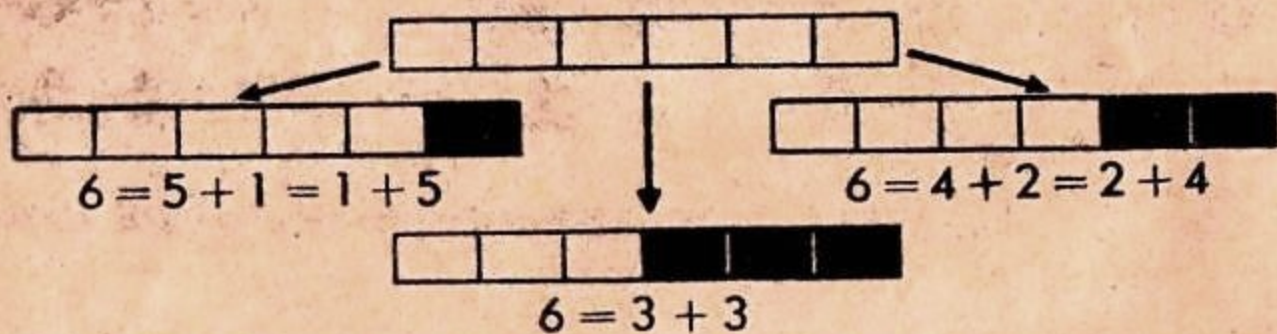


$$6 - 4 = 2$$

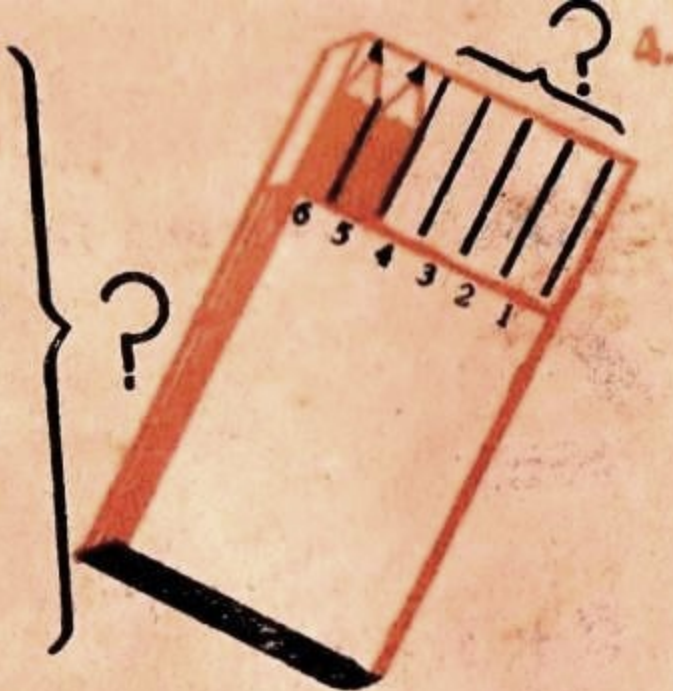
$$1 + 5 = 6$$



$$6 - 5 = 1$$



1. Hãy xếp 6 cái hộp thành hai nhóm. Có mấy cách xếp?
2. Đây là bảng cộng và trừ trong phạm vi 6. Hãy đọc và nhận xét các phép tính theo từng hàng.



$$5 + 1 = 6$$

$$6 - 1 = 5$$

$$6 - 5 = 1$$

$$4 + 2 = 6$$

$$6 - 2 = 4$$

$$6 - 4 = 2$$

$$3 + 3 = 6$$

$$6 - 3 = 3$$

$$6 - 2 - 1 = 3$$

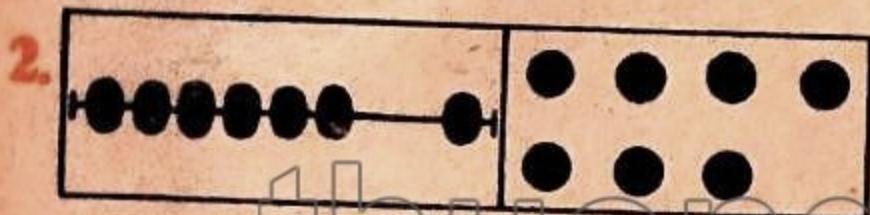
$$1 + 5 = 6$$

$$1 + 1 + 4 = 6$$

$$1 + 2 + 3 = 6$$

3,4,5. Hãy nhìn vào hình vẽ đặt thành những bài toán và giải những bài toán đó.

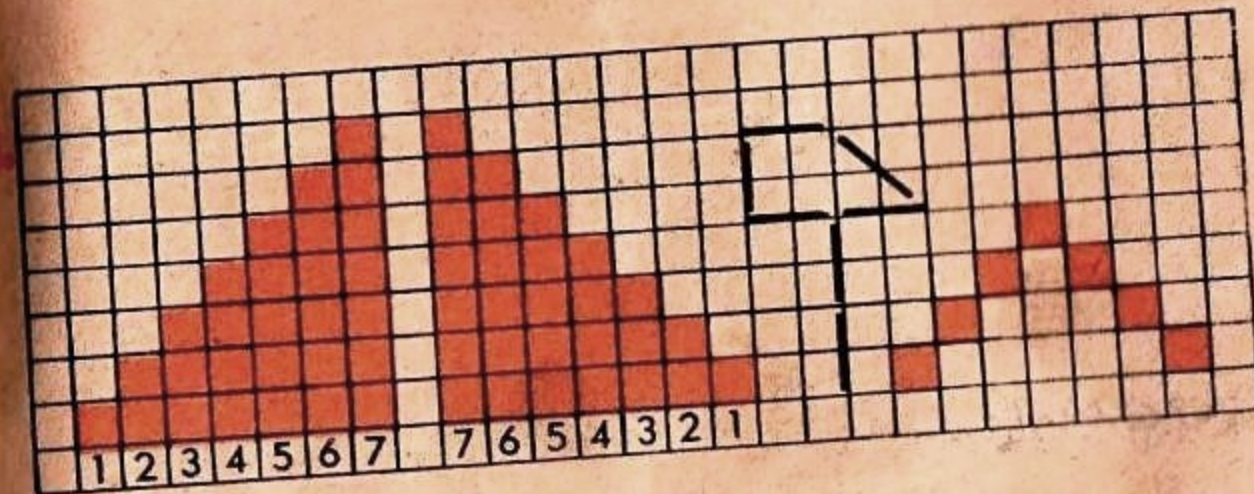
6. Giải các phép tính.
Hãy dùng thước đo và bút chì đỏ kẻ vào vở một đoạn thẳng 5 cen-ti-mét, rồi kẻ ở hàng dưới một đoạn thẳng 6 cen-ti-mét. Đoạn thẳng nào dài hơn? Dài hơn mấy cen-ti-mét?



$$6 + 1 = 7$$



- Hãy đặt ra 6 que tính. Hãy đặt thêm 1 que nữa. Tất cả có mấy que tính?
- Hãy nhận xét các em bé đang chơi rỗng rần. Mấy em bé đang kết với nhau thành một dây? 1 em bé đang chạy ở ngoài nữa là mấy em bé cả thấy?
 - Hãy đếm số con tính, số chấm đen. 6 con tính thêm 1 con tính nữa thì được mấy con tính? Hãy đếm những hình vuông màu cam. Có 6 hình vuông màu cam, thêm 1 hình vuông đen nữa thì được cả thấy mấy hình vuông? 6 thêm 1 được mấy?
 - Trên là chữ số 7 in. Dưới là chữ số 7 viết. Hãy viết chữ số 7 vào vở.



- Hãy đếm xuôi từ 1 đến 7, và đếm ngược từ 7 đến 1. Hãy dùng 7 que tính xếp thành hình cái búa. Vẽ 7 ô vuông theo hình vẽ.
- Điền những số còn thiếu vào những ô trống.
- Hãy đếm số hình tròn, rồi đếm số hình vuông. So sánh số hình tròn với số hình vuông vừa đếm được.

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 7

$$6 + 1 = 7$$

$$1 + 6 = 7$$

$$5 + 2 = 7$$

$$2 + 5 = 7$$

$$4 + 3 = 7$$

$$3 + 4 = 7$$

- 6 chấm màu cam thêm 1 chấm màu cam được mấy chấm màu cam ? 1 chấm màu cam thêm 6 chấm màu cam được mấy chấm màu cam ? Hãy đếm lại xem có đúng không ? Tương tự đối với các phép tính tiếp theo.
- Hàng bên trái có mấy hình tròn màu cam ? Ngoài ra hàng đó còn có mấy hình tròn đen ? Vậy hình bên trái có tất cả mấy hình tròn. 3 cộng với 4 được mấy ? Hàng bên phải có mấy hình tam giác màu cam ? Mấy hình tam giác đen ? 2 cộng với 5 được mấy ?



4



$$4 + 3 = 7$$



$5 + 2 =$	$2 + 2 + 3 =$	$4 + 3 =$	$3 + 1 + 3 =$
$5 + 1 + 1 =$	$2 + 3 + 2 =$	$4 + 2 + 1 =$	$3 + 2 + 2 =$
$2 + 1 + 4 =$	$2 + 5 =$	$4 + 1 + 2 =$	$3 + 4 =$

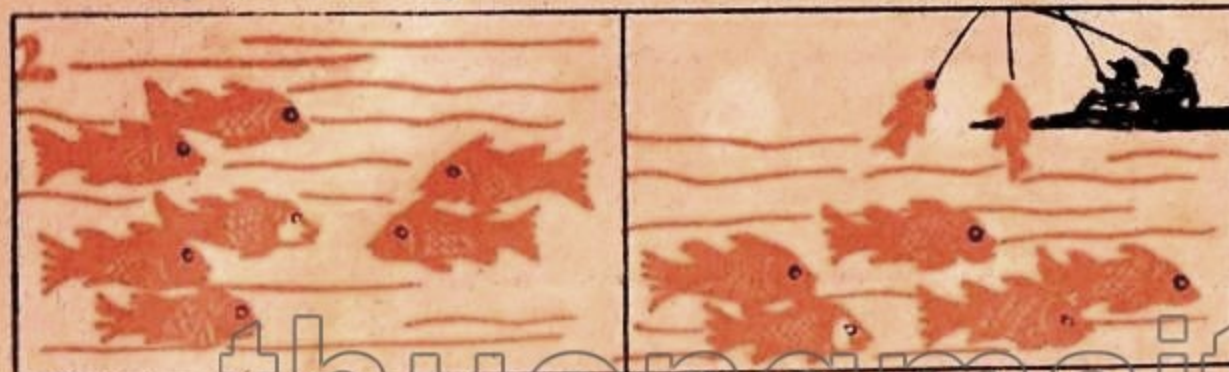
- Em đi trước vác mấy quả dừa ? Anh đi sau vác mấy quả dừa ? Ngoài ra anh còn xách thêm mấy quả nữa ? Vậy ai đưa về nhà nhiều dừa hơn ?
- Ô-tô trước chở mấy kiện hàng ? Ô-tô sau chở nhiều hơn ô-tô trước 1 kiện hàng. Vậy ô-tô sau chở mấy kiện hàng ?
- Kẻ các hình vuông trên giấy và cắt dán theo hình vẽ.
- Giải các phép tính.

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7



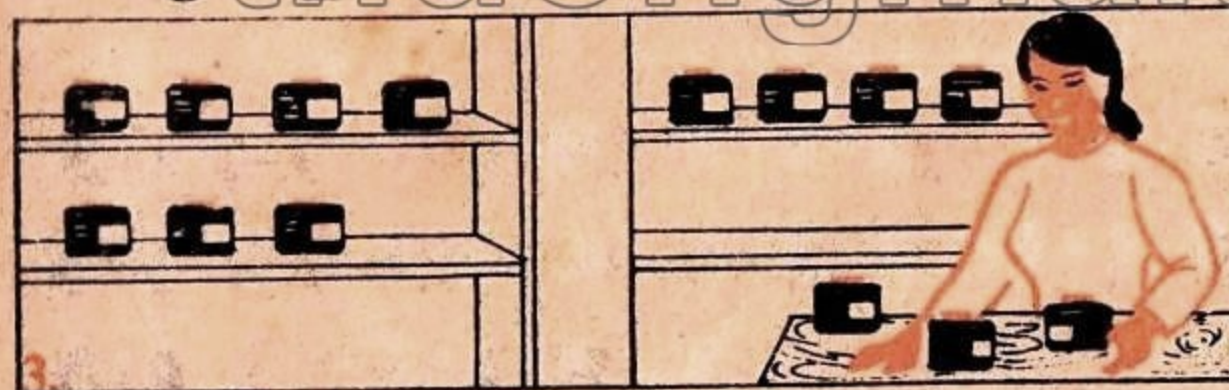
$$6 + 1 = 7$$

$$7 - 1 = 6$$



$$5 + 2 = 7$$

$$7 - 2 = 5$$



$$4 + 3 = 7$$

$$7 - 3 = 4$$

1. Bảy gà có mấy gà con? Mấy gà mẹ? Tất cả bảy gà có mấy con? 1 gà con ham ăn rơi xuống sông. Vậy bảy gà còn mấy con trên bờ?
2. Cả đàn cá có mấy con. Người ta câu được 2 con. Vậy đàn cá còn mấy con?
3. Cả hai hàng mực có mấy lọ? Cô bán hàng lấy đi mấy lọ? Còn mấy lọ?



$$\begin{array}{l}
 5 - 1 = \quad 7 - 1 = \quad 7 - 3 = \quad 7 - \square = 5 \\
 6 - 1 = \quad 7 - 2 = \quad 7 - 1 - 2 = \quad 7 - \square = 4 \\
 7 - 1 = \quad 7 - 1 - 1 = \quad 7 - 1 - 1 - 1 = \quad \square - 1 = 6
 \end{array}$$

4. Đếm số lá ép ở hàng trên. Đếm số lá ép ở hàng dưới. Số lá ép ở hàng nào ít hơn? Hàng trên ít hơn hàng dưới mấy cái lá ép?
5. Đếm số cốc (ly) ở hàng trên. Đếm số cốc ở hàng dưới. Hàng nào nhiều cốc hơn? Nhiều hơn bao nhiêu?
6. Giải các phép tính.

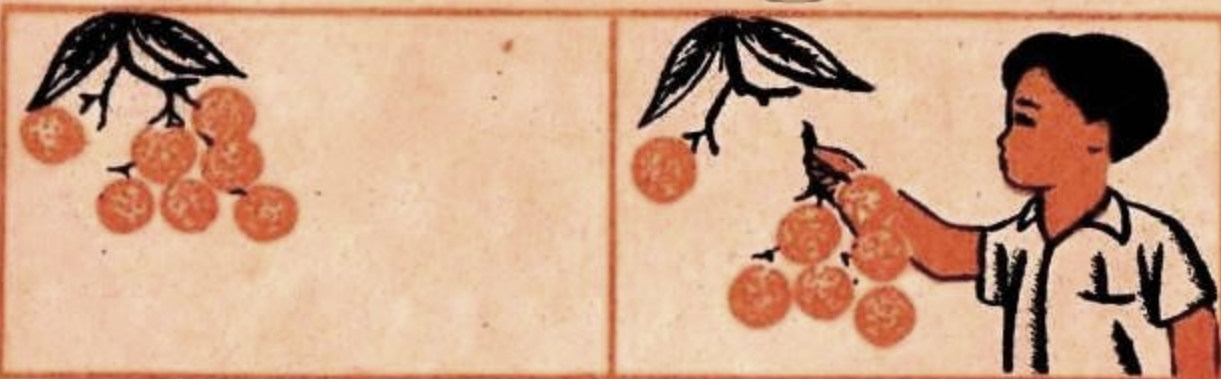
PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7



1. $3 + 4 = 7$ $7 - 4 = 3$



2. $2 + 5 = 7$ $7 - 5 = 2$



3. $1 + 6 = 7$ $7 - 6 = 1$

- Hai bó hoa sen có mấy hoa cả thảy? Chị cho em gái bó 4 hoa. Vậy còn mấy hoa sen?
- Buồng dừa có mấy quả? Bà hái đi năm quả. Hỏi buồng dừa còn mấy quả?
- Chùm nhãn có 7 quả. Em bé hái đi 6 quả thì còn mấy quả?

7 5 3 1



4. $7 - 4 =$ $7 - 5 =$ $7 - 6 =$
 $7 - 2 - 2 =$ $7 - 1 - 4 =$ $7 - 3 - 3 =$
 $7 - 3 - 1 =$ $7 - 2 - 3 =$ $7 - 4 - 2 =$

- Hãy điền các số còn thiếu vào những ô trống, và đọc các số đó từ trái sang phải.
- Hãy đếm số bò câu trên chuồng. Đếm số bò câu dưới sân. Số bò câu ở đâu nhiều hơn? Nhiều hơn bao nhiêu?
- Hãy đếm số ớt ở đĩa trên. Đếm số ớt ở đĩa dưới. Số ớt nào ít hơn? Ít hơn bao nhiêu? (2 quả). Người ta nói: số ớt ở đĩa dưới ít hơn số ớt ở đĩa trên là 2 quả. Hãy nói: số ớt ở đĩa dưới kém số ớt ở đĩa trên là 2 quả. « Ít hơn » cũng có nghĩa như « kém ».
- Giải các phép tính.

BẢNG CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 7



$$6 + 1 = 7$$



$$7 - 1 = 6$$

$$5 + 2 = 7$$



$$7 - 2 = 5$$

$$4 + 3 = 7$$



$$7 - 3 = 4$$

$$3 + 4 = 7$$



$$7 - 4 = 3$$

$$2 + 5 = 7$$

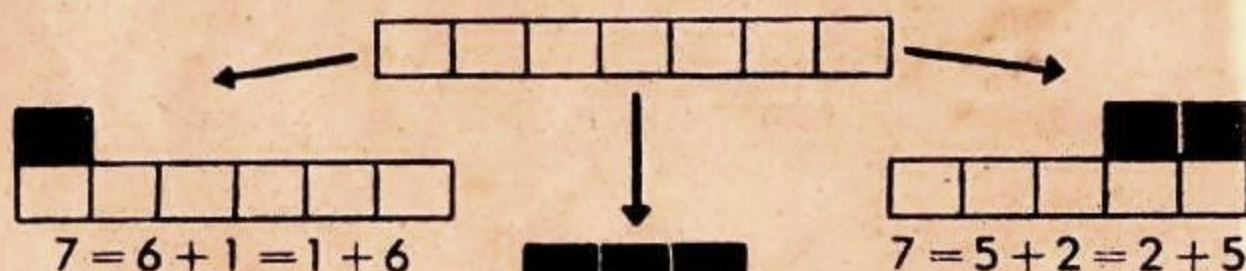


$$7 - 5 = 2$$

$$1 + 6 = 7$$



$$7 - 6 = 1$$

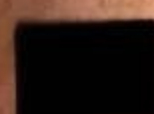


$$7 = 4 + 3 = 3 + 4$$

1. Dựa vào những hình vẽ đặt thành những bài toán phù hợp với các phép tính dưới mỗi hình vẽ ; xong hãy giải các bài toán đó.
2. Đây là bảng cộng và trừ trong phạm vi 7. Hãy đọc bảng đó và nhận xét các phép tính theo từng hàng ngang.



$$7 - 3 = 7 - 1 - 1 - 1$$

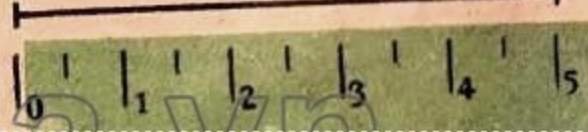
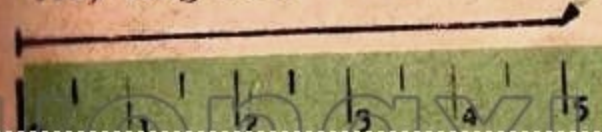


$$7 - 4 = 7 - 2 - 2$$

$$7 - 4 = 7 - 1 - 1 - 1 - 1$$

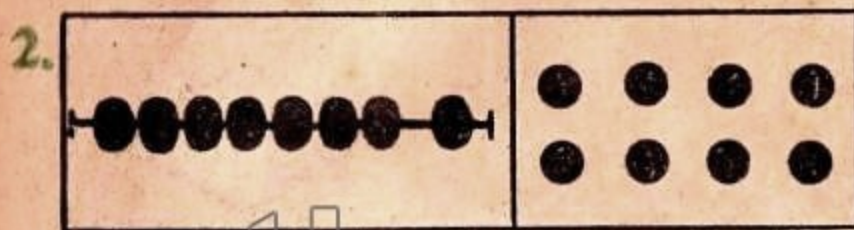
Hãy tăng thêm 2 cen-ti-mét

Hãy giảm bớt 2 cen-ti-mét

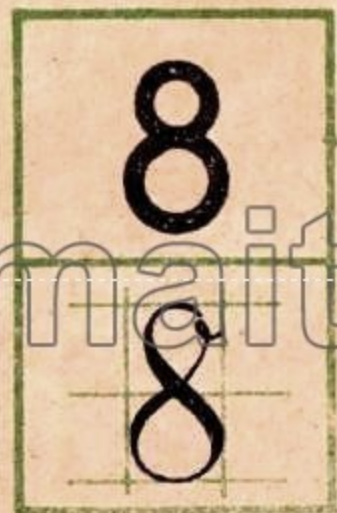


5. $5 + 2 =$	$6 - 1 =$	$7 - 2 =$	$7 - \square = 3$
$2 + 5 =$	$7 - 1 =$	$7 - 5 =$	$7 - \square = 2$
$3 + 4 =$	$7 - 6 =$	$7 - 3 =$	$\square + 3 = 7$
$4 + 3 =$	$5 + 1 =$	$7 - 4 =$	$2 + \square = 7$

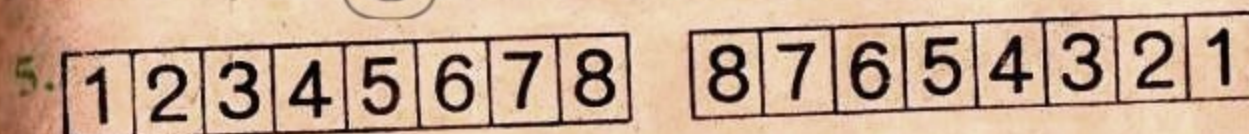
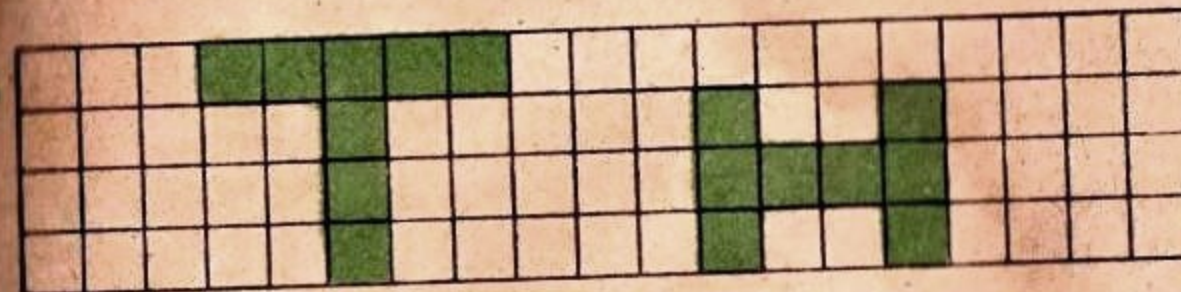
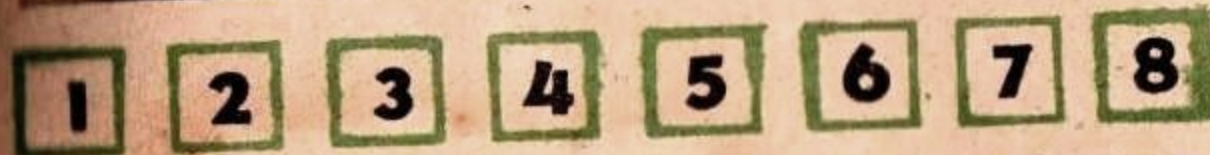
3. 7 mà bớt đi 3 có nghĩa là gì ? 7 mà bớt đi 4 có nghĩa là gì ?
4. Hãy đặt thước đo lên giấy trắng kẻ một đoạn thẳng dài 5 cen-ti-mét. Đánh dấu ở hai đầu đoạn thẳng đó ; xong tăng thêm đoạn thẳng vừa kẻ lên 2 cen-ti-mét. Như thế đoạn thẳng cuối cùng kẻ được dài mấy cen-ti-mét ? Tương tự như thế, nhưng giảm bớt đi 2 cen-ti-mét.
5. Giải các phép tính.



$$7 + 1 = 8$$



- Hãy đặt lên bàn 7 que tính. Đặt thêm 1 que nữa. Tất cả có mấy que tính trên bàn? Hãy dùng thước đo kẻ một đoạn thẳng dài 7 cen-ti-mét. Hãy tăng thêm lên 1 cen-ti-mét nữa. Vậy đoạn thẳng dài cả thảy mấy cen-ti-mét?
1. Mấy em bé đang chơi kéo co? Hãy đếm số em bé đó?
 2. 7 con tính thêm 1 con tính nữa thì được mấy con tính? Đếm tất cả con tính. Đếm tất cả chấm đen. Đếm số hình vuông xanh, đếm số hình vuông đen. 7 thêm 1 được mấy? Hãy đếm lại tất cả hình vuông.
 3. Trên là chữ số 8 in, dưới là chữ số 8 viết. Hãy viết chữ số 8 vào vở.



4. Hãy kẻ hình chữ H và chữ T hoa theo hình vẽ. Hãy dùng 8 que tính xếp theo hình vẽ.
- 5,6. Hãy đếm xuôi, đếm ngược và điền những số còn thiếu vào các ô trống.
Hãy vẽ vào vở một hàng 4 quả cam. Vẽ tiếp ở hàng dưới bảng này quả cam. Như thế bạn đã vẽ cả thảy mấy quả cam? Hãy vẽ trên mỗi quả cam 1 cái lá. Như thế bạn đã vẽ mấy cái lá?

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 8

1. **Phép tính cộng:** Số hạng Số hạng Tổng số

$$\begin{array}{c} 3 \\ \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array} + \begin{array}{c} 2 \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array} = 5$$

2. $\begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \bullet \\ \hline \end{array} = 8$

$\begin{array}{|c|} \hline \bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} = 8$

$\begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \\ \hline \end{array} = 8$

$\begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} = 8$

$\begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} = 8$

$\begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \\ \hline \end{array} = 8$

$5 + 3 = 8$

$3 + 5 = 8$

$\begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \bullet \bullet \\ \hline \end{array} = 8$

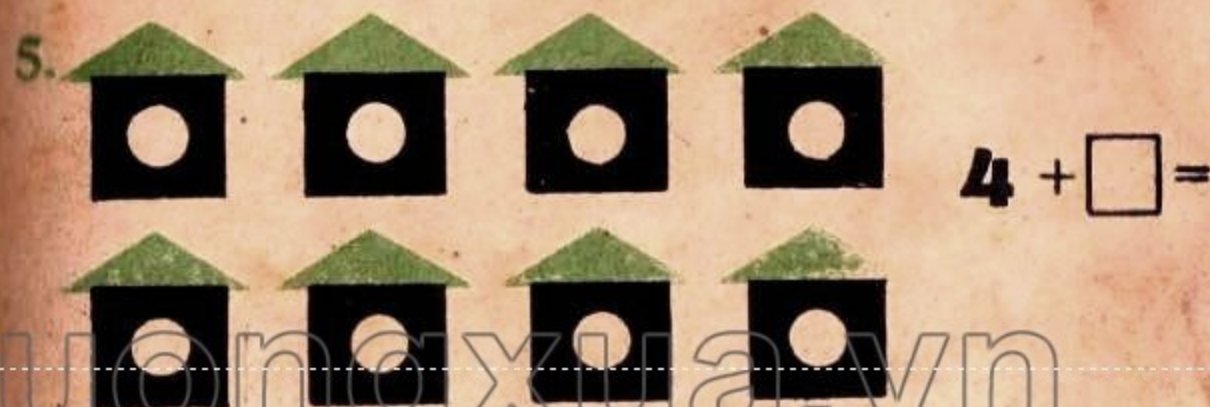
3. $\begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 8 \\ \hline \end{array}$

1. Đây là tên các số trong phép tính cộng.
2. 7 chấm đen thêm 1 chấm đen được mấy chấm đen ? 1 chấm đen thêm 7 chấm đen được mấy chấm đen ? Hãy đếm lại xem có đúng không ? Tương tự đối với các phép tính còn lại.
3. Điền các số còn thiếu vào những ô trống và đọc lại từ 1 đến 8 rồi từ 8 đến 1.



$\square + 3 =$

$\square + 5 =$



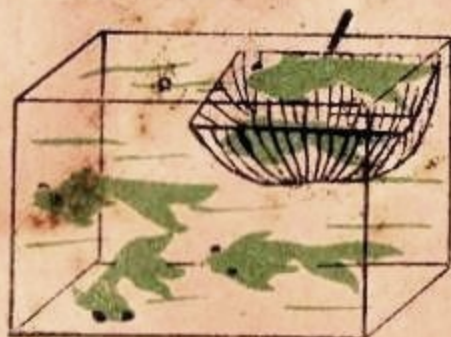
Số hạng thứ nhất	2	6	2	2	3	4
Số hạng thứ hai	4	2	6	5	5	4
Tổng số						

- 4,5. Nhìn vào hình vẽ đặt thành những bài toán và giải những bài toán đó (Phân biệt : dữ kiện, câu hỏi, cách giải, trả lời).
6. Đọc tên các số trong phép cộng và giải các phép tính đó. Hãy vẽ ở hàng trên 3 hình tam giác, và vẽ ở hàng dưới bằng 5 hình tam giác. Xong hãy vẽ ở hai đầu hàng dưới hai hình tam giác nữa. Như thế bạn đã vẽ cả thảy mấy hình tam giác ? $3 + 5 = ?$

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 8

1. Phép tính trừ:

$$5 - 2 = 3$$



5 Sò bị trừ

2 Sò trừ

3 Hiệu sò



$$7 - 1 = 6$$

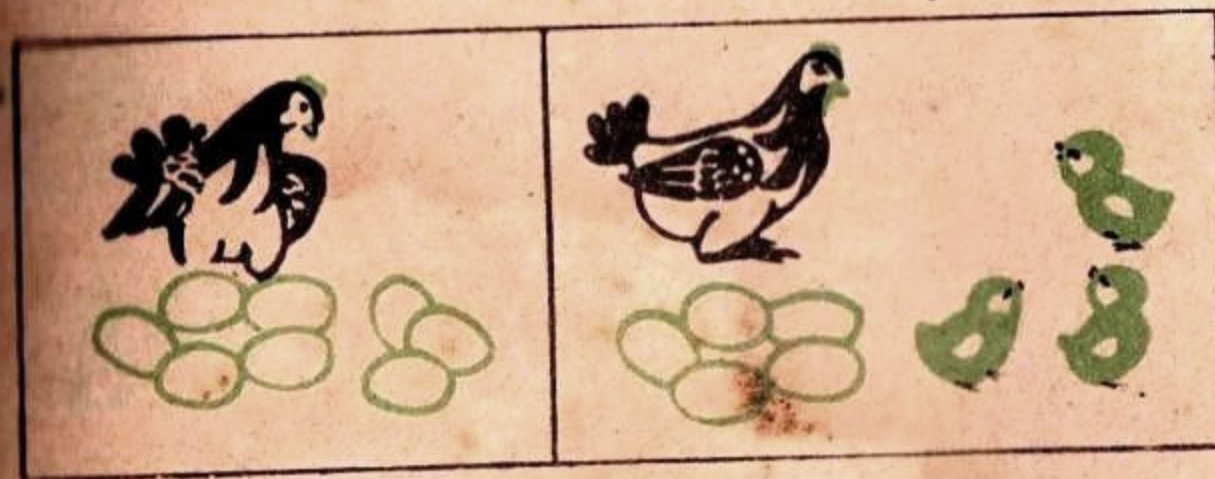
$$8 - 1 = 7$$



$$6 + 2 = 8$$

$$8 - 2 = 6$$

1. Đây là tên các sò trong phép tính trừ. Hãy nhận xét các sò trong phép tính trừ $5 - 2 = 3$ và đọc tên các sò ấy.
2. Ban đầu, đàn chim có mấy con? Đàn chim bị bắn rớt mấy con? Còn mấy con? Đếm thử xem.
3. Trong tổ có mấy chim con đòi ăn? Mấy chim lớn tha mồi về? Tất cả có mấy chim lớn và chim con? Ăn xong đàn chim có mấy con ra khỏi tổ? Mấy con còn trong tổ? 8 trừ đi 2 còn mấy?



$$5 + 3 = 8$$

$$8 - 3 = 5$$



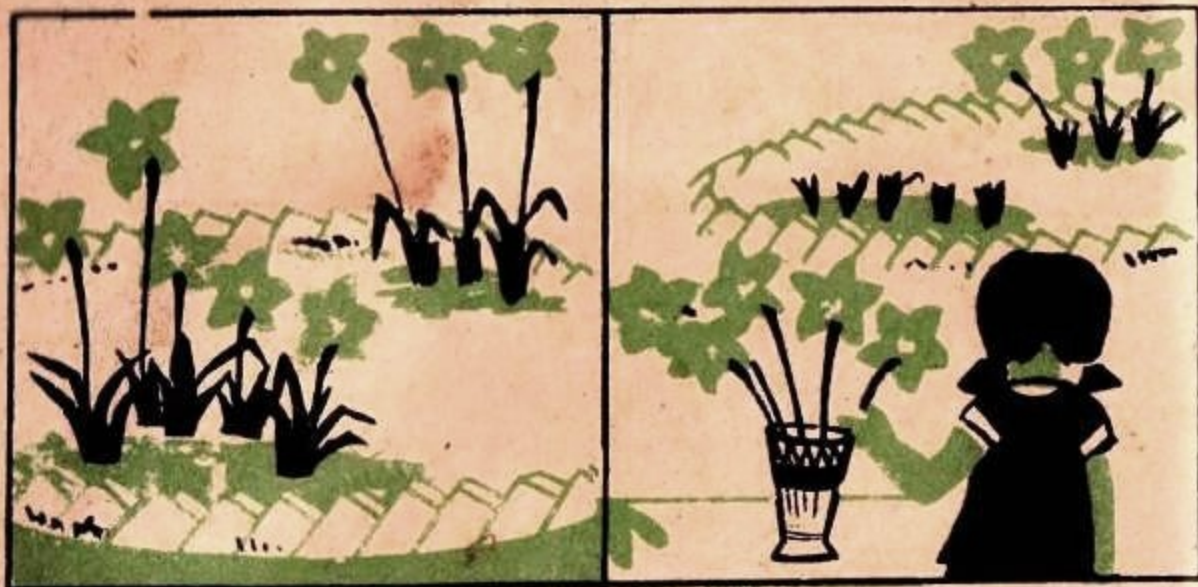
$$4 + 4 = 8$$

$$8 - 4 = 4$$

Tăng thêm 3 vào :	1	2	3	4	5
Giảm bớt 3 ở :	8	7	6	5	4

4. Ô gà có mấy trứng? Gà nở mấy con? Vậy ô gà còn mấy trứng?
5. Đếm sò toa khách, sò toa than. Tất cả đoàn tàu có mấy toa? Nếu người ta cắt đi 4 toa than thì đoàn tàu sẽ còn mấy toa? 8 trừ đi 4 còn mấy?
6. Tăng thêm 3 vào 1 được mấy? ... Bớt đi 3 ở 8 thì còn mấy?

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 8



$$3 + 5 = 8$$

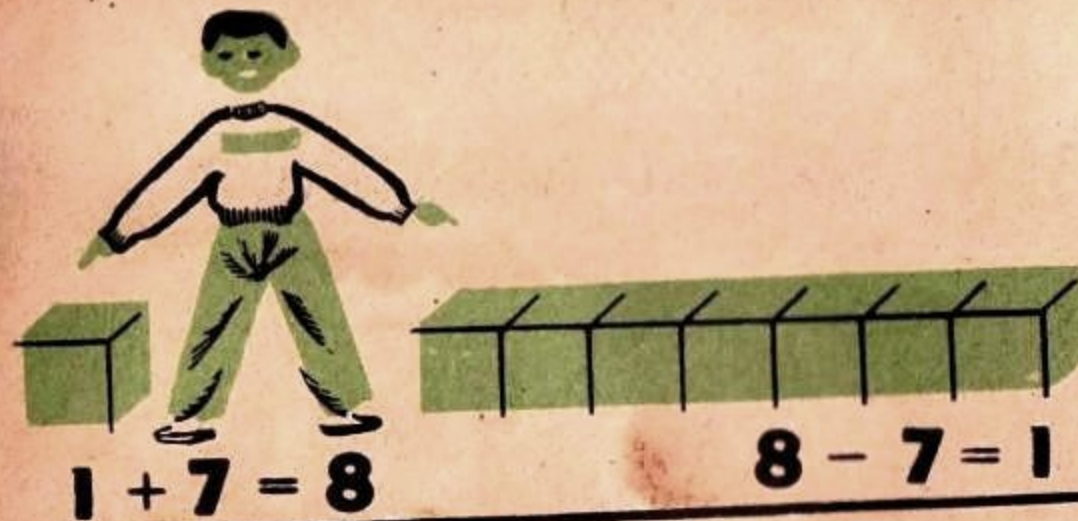
$$8 - 5 = 3$$



$$2 + 6 = 8$$

$$8 - 6 = 2$$

1. Bốn hoa có mấy bông hoa? Em bé hái cắm vào bình mấy hoa? Bốn còn mấy hoa? 8 trừ đi 5 còn mấy?
2. Hai tay em bé cầm tất cả mấy bóng bay? Em thả mấy bóng bay lên? Em còn giữ mấy bóng bay?



$$1 + 7 = 8$$

$$8 - 7 = 1$$



5. Đã có : 6 quyển, Đã có : 8 quyển,



Tăng thêm 2 quyển,
Mấy quyển tất cả?

Bớt đi 3 quyển,
Còn mấy quyển?

Số bị trừ	6	7	8	8	8	8	8	8	8
Số trừ	4	5	1	2	3	4	5	6	7
Hiệu số									

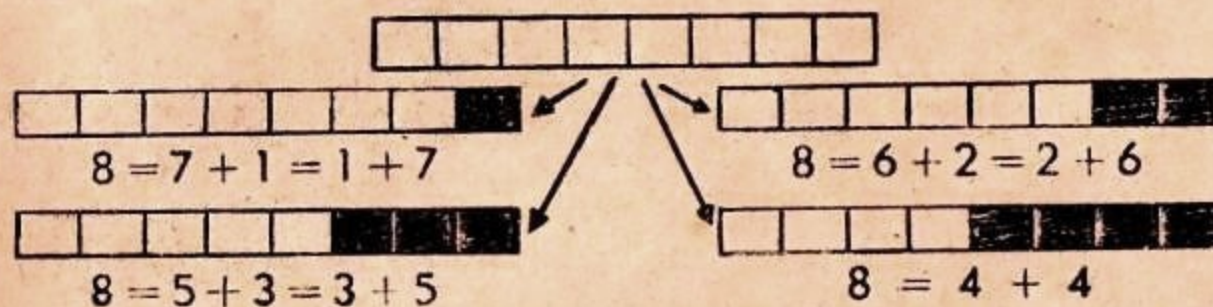
3. Hai hàng thùng có tất cả mấy cái thùng? 1 cộng với 7 được bao nhiêu? Cũng số thùng ấy, nếu bớt đi 7 cái thì còn mấy cái thùng? 8 trừ đi 7 còn mấy?
4. Hãy điền những số còn thiếu vào các ô trống và đọc các số đó từ trái sang phải.
5. Nhìn vào các hình vẽ và đọc những câu ghi ở mỗi hình vẽ. Hãy phân biệt dữ kiện, câu hỏi và trả lời các câu hỏi.
6. Tìm các hiệu số.

BẢNG CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 8



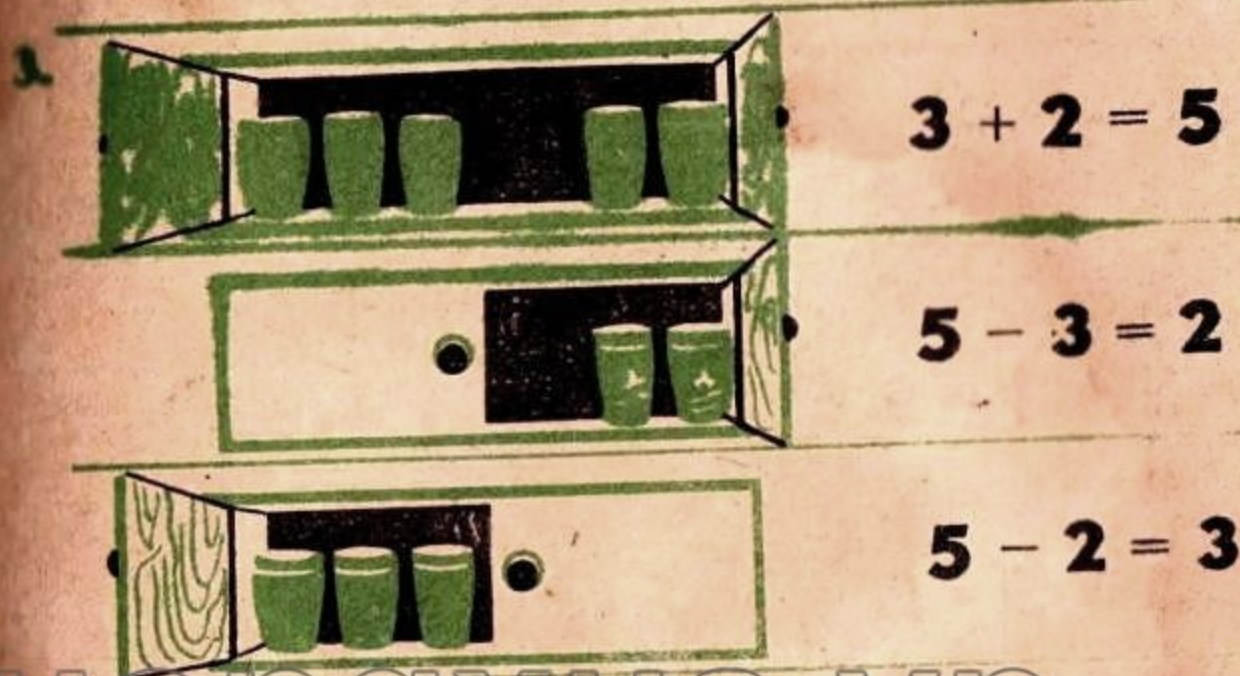
2.

$7 + 1 = 8$		$8 - 1 = 7$
$6 + 2 = 8$		$8 - 2 = 6$
$5 + 3 = 8$		$8 - 3 = 5$
$4 + 4 = 8$		$8 - 4 = 4$
$3 + 5 = 8$		$8 - 5 = 3$
$2 + 6 = 8$		$8 - 6 = 2$
$1 + 7 = 8$		$8 - 7 = 1$



- Hãy chỉ các cạnh, các đỉnh của hình a. Hình a gọi là hình gì? Vậy hình tứ giác a có mấy cạnh, mấy đỉnh? Hình b là hình gì? Chỉ các cạnh, các đỉnh của hình tứ giác b. Hình tứ giác a và hình tứ giác b có tất cả mấy cạnh, mấy đỉnh?
- Đọc bảng cộng và trừ trong phạm vi 8. Hãy nhận xét các số hạng, tổng số; số bị trừ, số trừ và hiệu số của từng cặp phép tính cộng và trừ theo hàng ngang.

QUAN HỆ GIỮA PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ



4.

$7 + 1 =$	$6 + 2 =$
$8 - 1 =$	$8 - 2 =$
$8 - 7 =$	$8 - 6 =$
$5 + 3 =$	$4 + 3 = \square$
$8 - 3 =$	$\square - 4 = \square$
$8 - 5 =$	$\square - 3 = \square$

- Nhận xét số cốc, liên hệ với phép tính khi mở cả hai cánh tủ và khi đóng một bên tủ. Nói: *Phép cộng và phép trừ có quan hệ ngược lẫn nhau.*
- Giải và nhận xét các phép tính.

TÊN CÁC SỐ TRONG PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

Phép tính cộng

Số hạng. Số hạng. Tổng số

$$5 + 1 = 6$$

$$6 + 2 = 8$$

Phép tính trừ

Số bị trừ. Số trừ. Hiệu số

$$5 - 2 = 3$$

$$8 - 3 = 5$$

2. Đàn gà có 1 gà mẹ và 7 gà con. Hỏi tất cả có mấy con gà ?



3. Trong một bồn hoa có hai khóm hoa : một khóm 3 hoa cúc và một khóm 5 hoa cúc. Hỏi trong bồn có mấy hoa cúc ?



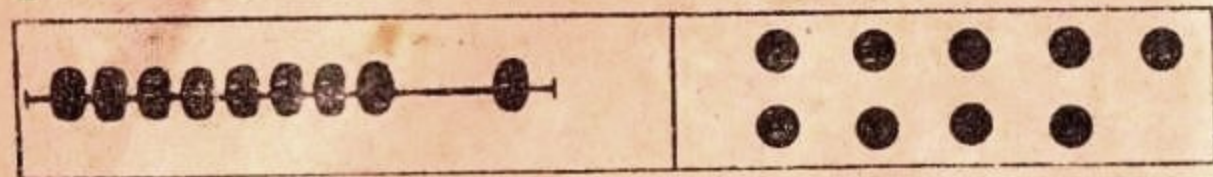
1. Đọc tên và nhận xét các số có trong các phép tính cộng và tính trừ.
- 2.3. Nhận xét các hình vẽ, đọc các đề toán, phân biệt : dữ kiện và câu hỏi của bài toán. Giải các bài toán đó.



$7 + 1 =$	$6 + 2 =$	$5 + 3 =$	$4 + 4 =$
$8 - 1 =$	$8 - 2 =$	$8 - 3 =$	$2 + 2 + 4 =$
$8 - 7 =$	$8 - 6 =$	$8 - 5 =$	$8 - 4 =$
$1 + 7 =$	$2 + 6 =$	$3 + 5 =$	$8 - 2 - 2 =$
$1 + \square = 3$	$\square - 5 = 1$	$\square - 4 = 4$	
$\square + 3 = 6$	$4 - \square = 3$	$8 - \square = 6$	

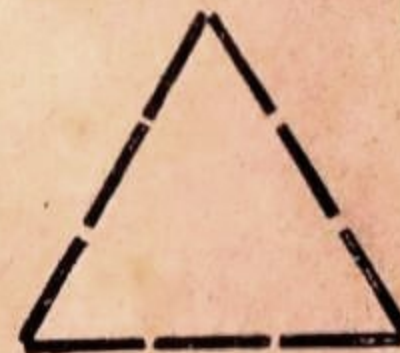
- 4,5. Dựa vào các hình vẽ đặt thành những bài toán và giải các bài toán đó.

- 6,7. Giải các phép tính.



Hãy cầm bên tay trái 8 que tính. Hãy dùng tay phải lấy thêm 1 que tính nữa. Đếm tất cả số que tính.

1. Máy em bé đang hát? Máy em đang điều khiển? Đếm xem tất cả có mấy em bé?
2. Đếm số hình vuông xanh, đen, rồi tất cả. Đếm số con tính, số chấm đen. 8 con tính thêm 1 con tính được mấy con tính? 8 với 1 là mấy?
3. Trên là chữ số 9 in. Dưới là chữ số 9 viết. Hãy viết vào vở chữ số 9.



1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	8	7	6	5	4	3	2	1

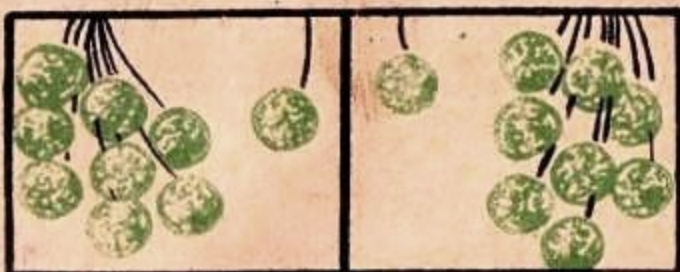
1			4		6			9
---	--	--	---	--	---	--	--	---

4. Hãy dùng những màu gỗ (hay bìa cứng) vuông xếp theo các hình vẽ. Đếm xem mỗi hình có mấy màu gỗ (bìa) vuông? Dùng 9 que tính xếp thành hình tam giác như hình vẽ.
5. Đếm xuôi, đếm ngược các số từ 1 đến 9.
6. Điền các số thích hợp vào những ô trống rồi đọc xuôi và đọc ngược dãy số đó.

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 9

1.

$$8 + 1 = 9$$



$$1 + 8 = 9$$

2.

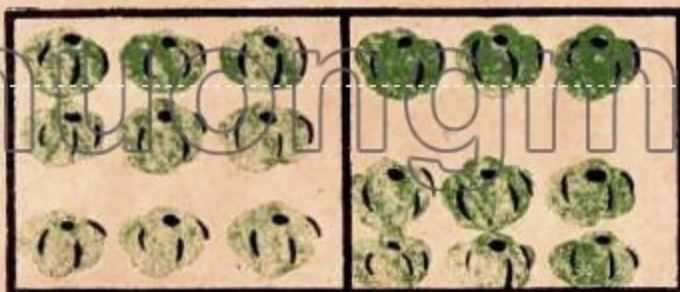
$$7 + 2 = 9$$



$$2 + 7 = 9$$

3.

$$6 + 3 = 9$$



$$3 + 6 = 9$$

4.

$$5 + 4 = 9$$



$$4 + 5 = 9$$

1. 8 quả nhãn với 1 quả nhãn là mấy quả nhãn ? 8 cộng với 1 được mấy ? 1 quả nhãn với 8 quả nhãn là mấy quả ? 1 cộng với 8 bằng mấy ? Hãy nhận xét xem hai phép tính cộng ở hai bên mỗi hình vẽ có gì giống nhau, có gì khác nhau ?

2, 3, 4. Tương tự như 1.

$$1 + 8 = 9$$

$$3 + 6 = 9$$

$$5 + 4 = 9$$

$$8 + \square = 9$$

$$6 + \square = 9$$

$$4 + \square = 9$$

Khi thay đổi thứ tự các số hạng thì tổng số vẫn không đổi

1		3		5		7		9
---	--	---	--	---	--	---	--	---



$$8 + 1 = 7 + 2 = 6 + 3 = 5 + 4 =$$

$$5 + 1 = 7 + 1 + 1 = 6 + 1 + 2 = 5 + 2 + 2 =$$

$$4 + 1 = 2 + 7 = 6 + 2 + 1 = 4 + 5 =$$

$$1 + 8 = 2 + 1 + 6 = 3 + 6 = 4 + 2 + 3 =$$

5. Hãy giải những phép tính còn lại. Hãy nhận xét những số hạng và tổng số của từng cặp phép tính theo cột dọc. Tại sao tổng số của chúng không đổi ?
6. Điền các số còn thiếu vào các ô trống và đọc xuôi, đọc ngược dãy số đó.
7. Nhìn vào hình vẽ đặt thành bài toán và giải bài toán đó.
8. Giải các phép tính.

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 9



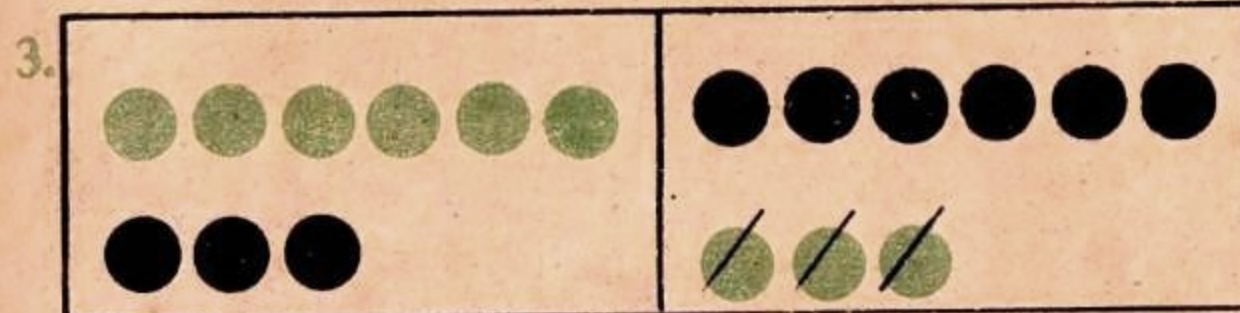
$$8 + 1 = 9$$

$$9 - 1 = 8$$



$$7 + 2 = 9$$

$$9 - 2 = 7$$

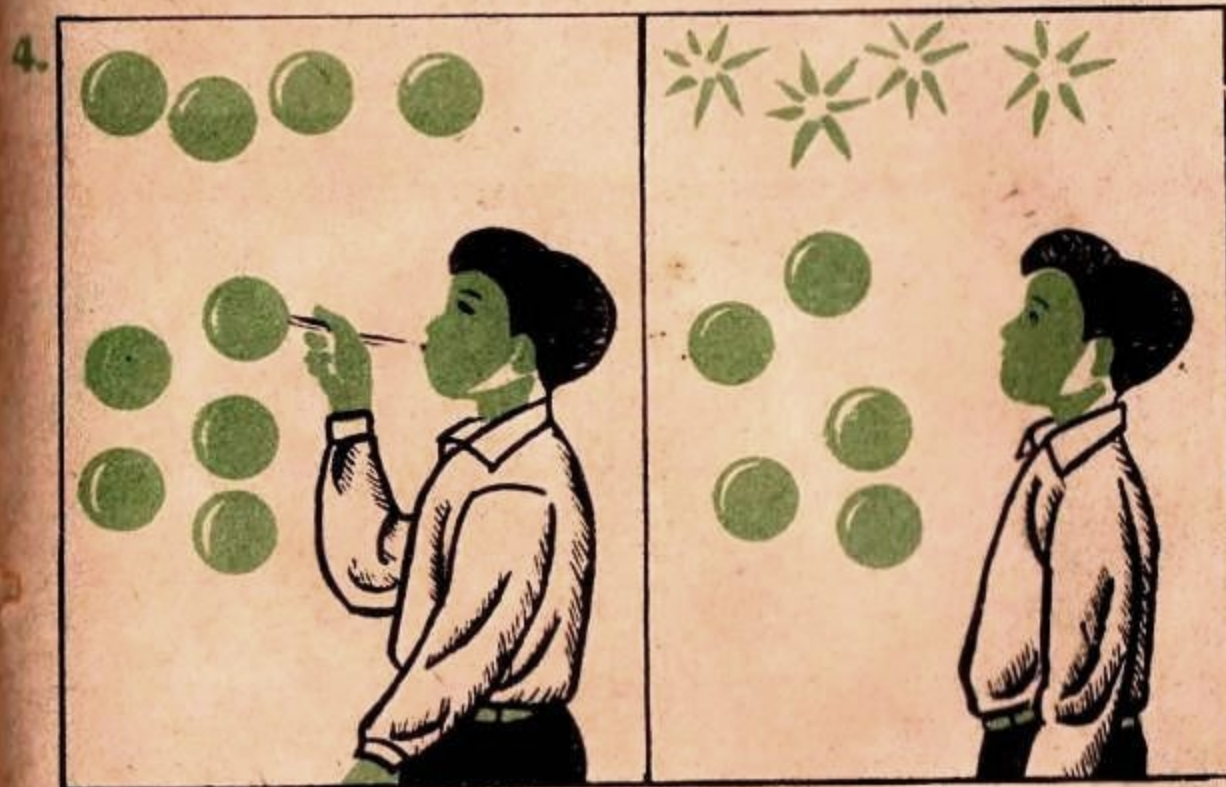


$$6 + 3 = 9$$

$$9 - 3 = 6$$

1. Hình bên trái : Bé đặt thêm 1 bắp ngô nữa thì trên bàn có tất cả mấy bắp ngô? Hình bên phải : Cũng 9 bắp ngô ấy, nhưng Bé lấy đi 1 bắp ngô thì trên bàn còn mấy bắp ngô?

2, 3. Tương tự như 1.



$$5 + 4 = 9$$

$$9 - 4 = 5$$

5. Vân có 9 hòn bi. Hoa ít hơn Vân 4 hòn. Hỏi Hoa có mấy hòn bi?

6. Thái và Lê có cả thảy 9 quyển sách. Lê có 3 quyển. Hỏi Thái có mấy quyển sách?

7. $9 - 3 =$	$9 - 4 =$	$9 - \square = 5$	$9 - \square = 7$
$9 - 1 - 2 =$	$9 - 1 - 3 =$	$9 - \square = 8$	$7 + \square = 9$
$9 - 2 - 1 =$	$9 - 2 - 2 =$	$\square - 3 = 6$	$3 + \square = 9$

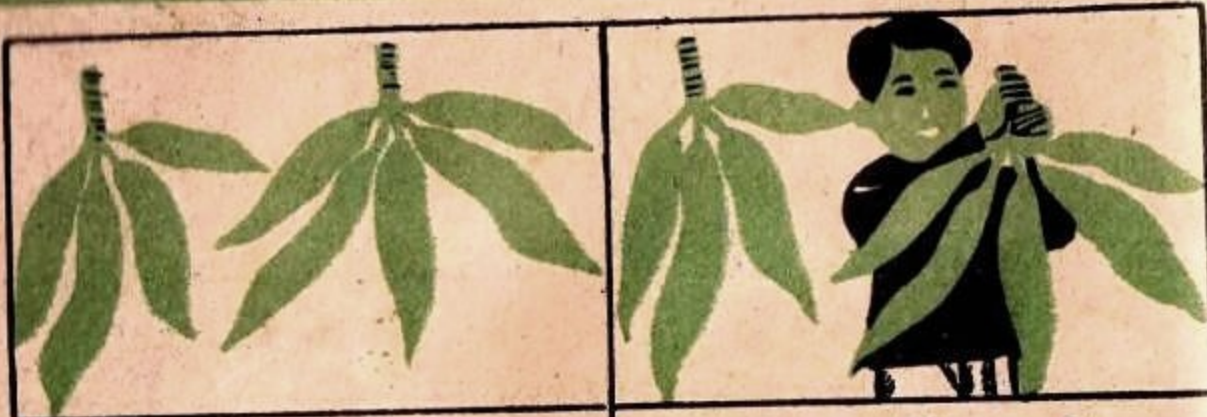
4. Nam thổi thành hai nhóm bóng. Mỗi nhóm có mấy quả bóng? Cả hai nhóm có mấy quả bóng? Nhóm bóng bay cao đã nổ tung; vậy còn mấy quả bóng đang bay?

5, 6. Hãy phân biệt dữ kiện, câu hỏi của bài toán trước khi giải.

7. Giải các phép tính.

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 9

1.



$$4 + 5 = 9$$

$$9 - 5 = 4$$

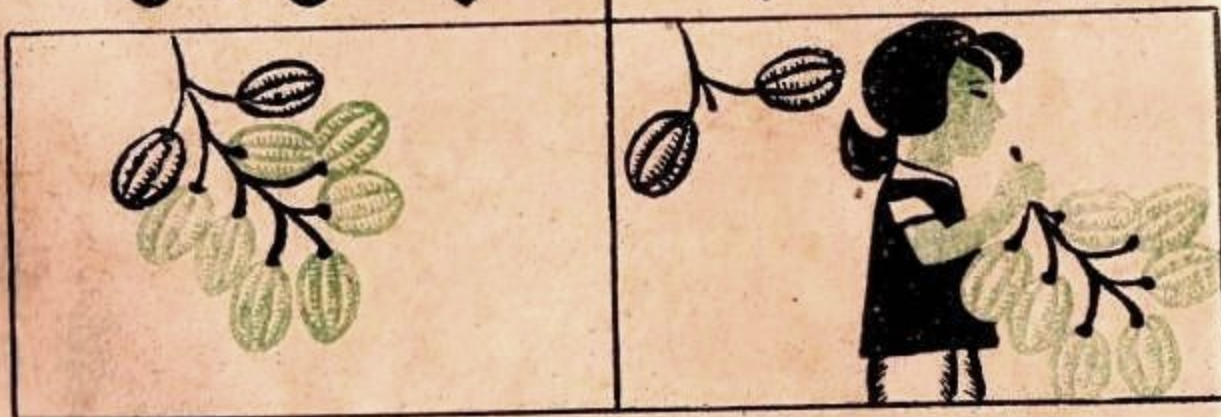
2.



$$3 + 6 = 9$$

$$9 - 6 = 3$$

3.

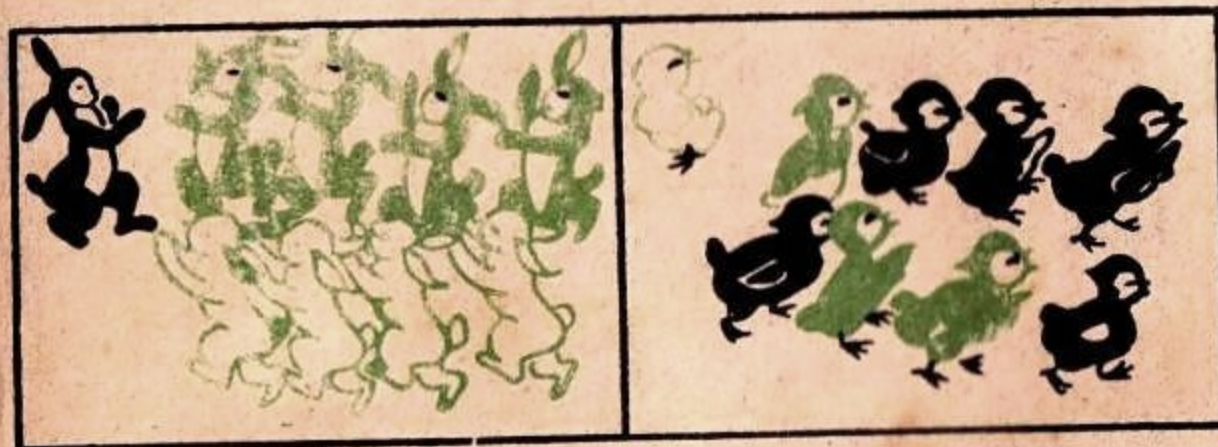


$$2 + 7 = 9$$

$$9 - 7 = 2$$

1. Hai gốc sắn (mì) có mấy củ? Em bé lấy đi gốc sắn 5 củ. Vậy còn gốc sắn mấy củ?

2,3. Tương tự như 1.



$$1 + 8 = 9$$

$$9 - 8 = 1$$

5.



$$4 + 5 = 9$$

$$9 - 4 = 5$$

$$9 - 5 = \square$$

Phép trừ là phép tính ngược của phép cộng

Hàng trước có 9 cái ghế. Hàng thứ hai ít hơn hàng trước 4 cái ghế. Hỏi hàng thứ hai có mấy cái ghế?

$$7. \begin{array}{|l|l|l|l|} \hline 9-5= & 9-6= & 9-7= & 9-8= \\ \hline 9-1-4= & 9-3-3= & 9-3-4= & 9-4-4= \\ \hline \end{array}$$

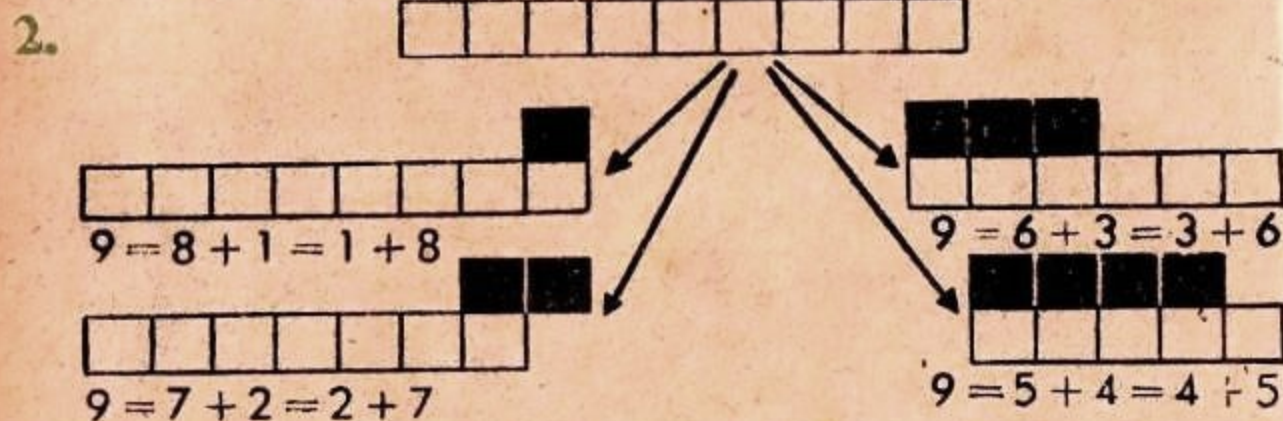
4. Bầy thỏ có mấy thỏ đen? Vậy bầy thỏ có tất cả mấy con? 1 cộng với 8 bằng mấy? Bầy gà có mấy con? 8 con quay đi thì còn lại mấy con? 9 trừ đi 8 còn mấy?

5. Hãy đếm số hình tròn xanh, đen, tất cả. Có nhận xét gì về các phép tính cộng và trừ dưới những hình tròn? Tại sao người ta nói: phép trừ là phép tính ngược của phép cộng?

6,7. Giải bài toán và các phép tính trừ.

BẢNG CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 9

1. $8+1=9$		$9-1=8$
$7+2=9$		$9-2=7$
$6+3=9$		$9-3=6$
$5+4=9$		$9-4=5$
$4+5=9$		$9-5=4$
$3+6=9$		$9-6=3$
$2+7=9$		$9-7=2$
$1+8=9$		$9-8=1$



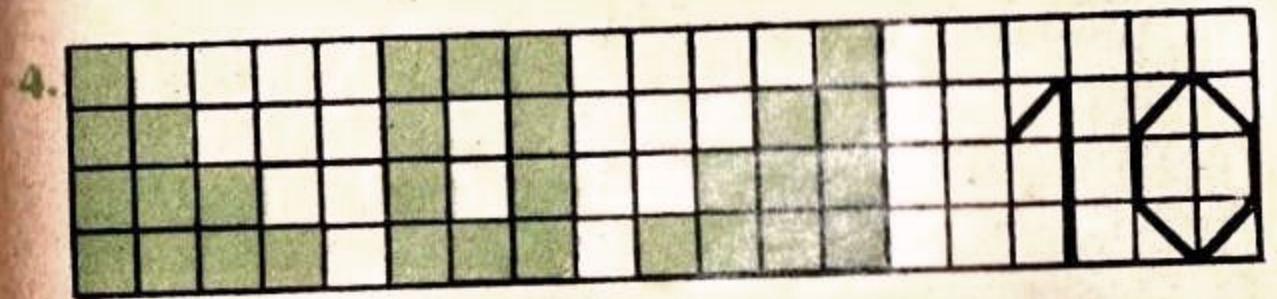
1, 2. Đọc bảng cộng và trừ. Nhận xét, so sánh các phép tính cộng và trừ theo từng hàng ngang. 9 là mấy với mấy ?



- Lan kẻ đoạn thẳng 5 cen-ti-mét. Muốn đoạn thẳng đó dài 9 cen-ti-mét thì phải kéo thêm mấy cen-ti-mét ?
- Một đoạn thẳng dài 9 cen-ti-mét. Đoạn thứ hai kém đoạn đó 2 cen-ti-mét. Hỏi đoạn thứ hai dài mấy cen-ti-mét ?
- Bút chì xanh dài 6 cen-ti-mét. Như thế nó kém bút chì đỏ 3 cen-ti-mét. Hỏi bút chì đỏ dài mấy cen-ti-mét ?
- So sánh độ dài đoạn thẳng đen và đoạn thẳng xanh. Hãy tăng độ dài đoạn thẳng xanh lên 4 cen-ti-mét.
- Đọc đề toán. Bài toán hỏi gì ? Dữ kiện của bài toán như thế nào ? Hãy giải bài toán đó.
- Tương tự như 4.
Tự đặt 4 phép tính cộng sao cho tổng là 9 và một phép tính trừ sao cho số bị trừ là 9, hiệu là 2.



1. Kìa em bé đưa cao hai tay mừng cho chúng ta đã học đến số 10. Đếm xem hai bàn tay em bé có mấy ngón? Ở sân trường có mấy bạn đang nắm tay nhau hát bài «Kết đoàn»? Cây dừa ở góc sân trường có tất cả mấy quả?
2. Tính xem: Mấy con tính đặt sát nhau bên trái? 9 con tính đặt sát nhau với 1 con tính đặt rời ra là mấy con tính cả thảy? 9 với 1 là mấy? Hãy đếm số chấm đen và số ngón tay ở hai bàn tay.
3. Trên là chữ số 10 in, dưới là chữ số 10 viết. Hãy viết vào vở chữ số 10.



4.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----
5.

10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
----	---	---	---	---	---	---	---	---	---

6.

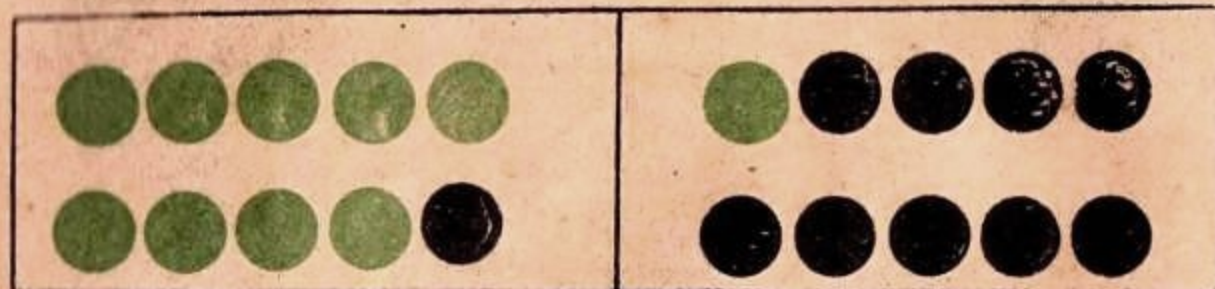
1		3		5		7			10
---	--	---	--	---	--	---	--	--	----



10 quả trứng còn gọi là một chục trứng

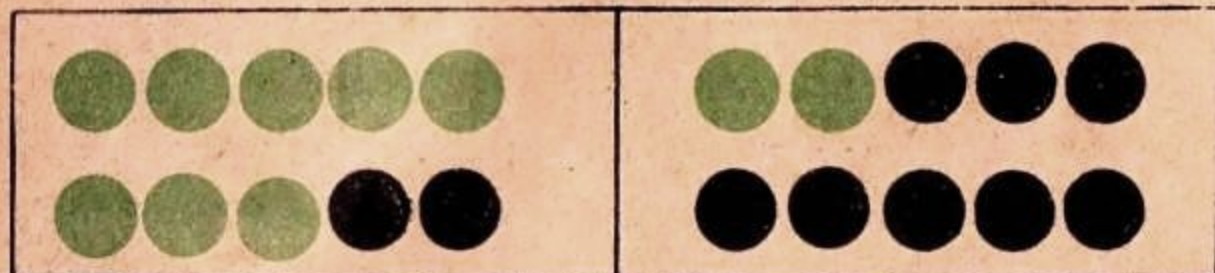
4. Hãy đếm những ô vuông xanh trong các hình vẽ, và vẽ vào vở những ô vuông đó. Hãy xếp 10 que tính thành chữ số 10.
5. Hãy đếm xuôi từ 1 đến 10 và đếm ngược từ 10 đến 1.
6. Điền những số còn thiếu vào các ô trống.
7. Tất cả có mấy quả trứng? 10 quả trứng còn gọi là gì?

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10



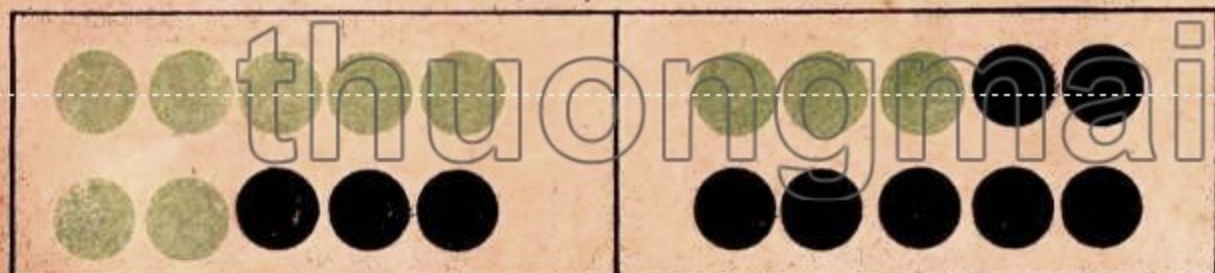
$$9 + 1 = 10$$

$$1 + 9 = 10$$



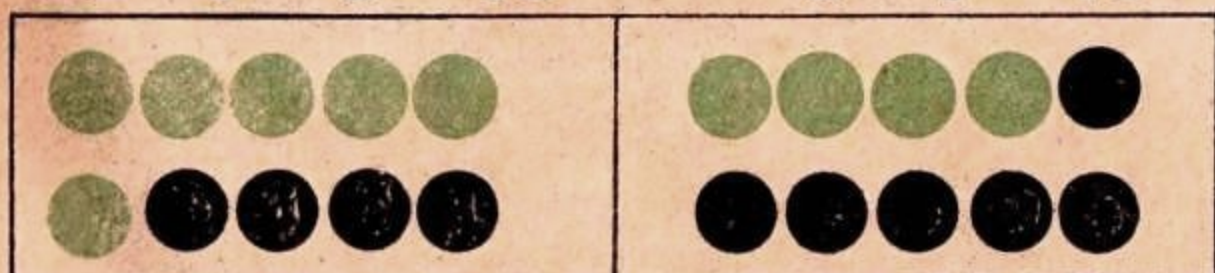
$$8 + 2 = 10$$

$$2 + 8 = 10$$



$$7 + 3 = 10$$

$$3 + 7 = 10$$

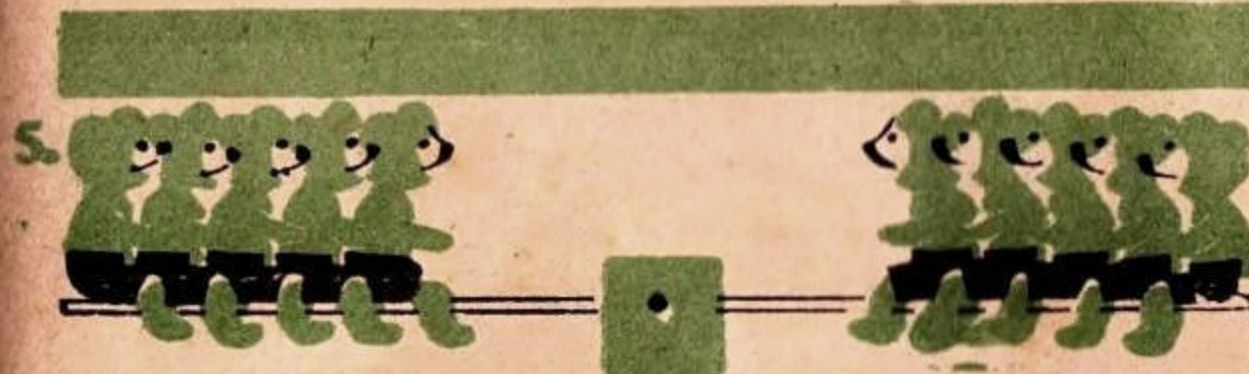


$$6 + 4 = 10$$

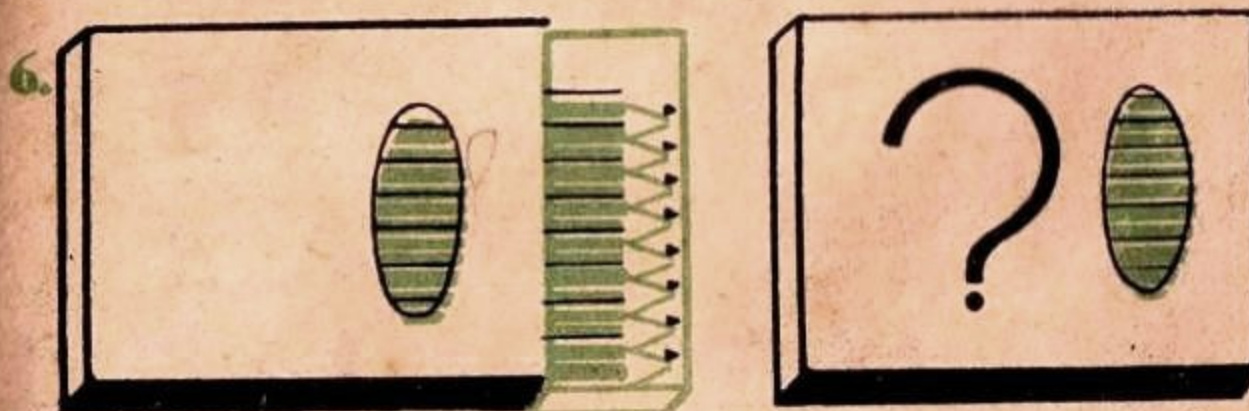
$$4 + 6 = 10$$

1. Đếm số hình tròn xanh. Đếm số hình tròn đen. Tất cả có mấy hình tròn ở hình bên trái ?...

2,3,4. Tương tự như 1.



$$5 + 5 = 10$$



Nhiều hơn 2

9 + 1 =	8 + 2 =	7 + 3 =	6 + 4 =	5 + 5 =
1 + 9 =	8 + 1 + 1 =	7 + 1 + 2 =	6 + 2 + 2 =	5 + 1 + 4 =
2 + 1 + 7 =	2 + 8 =	7 + 2 + 1 =	4 + 6 =	5 + 2 + 3 =

- Mỗi bên cầu thăng bằng có mấy gấu con ? Vậy trên cầu thăng bằng có tất cả mấy con gấu ? 5 cộng với 5 bằng mấy ?
- Nhìn vào hình vẽ đặt thành bài toán và tự giải bài toán đó.
- Giải các phép tính. Nhận xét vị trí các số hạng và kết quả của các phép tính trong cùng một cột.

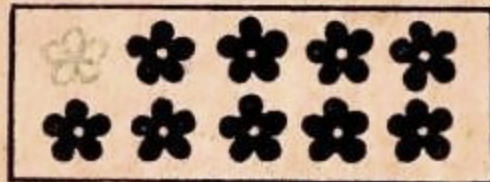
PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1.  $10 - 1 = 9$  $10 - 2 = 8$

2.  $10 - 3 = 7$  $10 - 4 = 6$

3.  $10 - 5 = 5$  $10 - 6 = 4$

4.  $10 - 7 = 3$  $10 - 8 = 2$

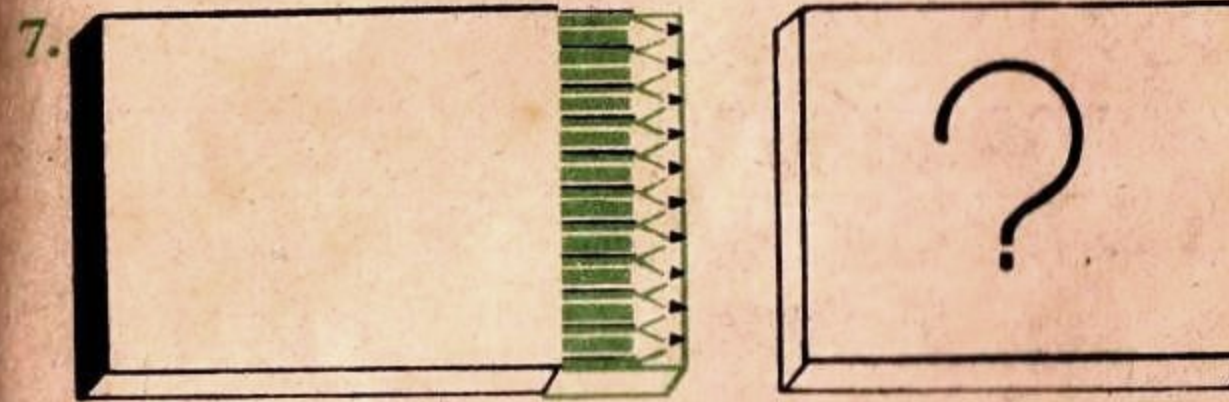
 $10 - 9 = 1$

1. Hãy nhận xét hình bên trái : Đếm số hoa trong ô. Mấy hoa bị ố đen ? Vậy còn mấy hoa tươi ? 10 bớt đi 1 còn mấy ?

2,3,4,5. Tương tự như 1.

6.

10		8		6		4		2	
----	--	---	--	---	--	---	--	---	--



It hơn 4

8. Bút chì đen dài hơn bút chì đỏ 2 cen-ti-mét. Bút chì đen dài 10 cen-ti-mét. Hỏi bút chì đỏ dài mấy cen-ti-mét ?
Hộp xà-bông có 10 bánh, chị đã dùng hết 6 bánh. Hỏi hộp xà-bông còn mấy bánh ?

10. $10 - 4 =$ $10 - 5 =$ $10 - 6 =$ $10 - 7 =$
 $10 - 1 - 3 =$ $10 - 1 - 4 =$ $10 - 3 - 3 =$ $10 - 1 - 6 =$
 $10 - 3 - 1 =$ $10 - 4 - 1 =$ $10 - 4 - 2 =$ $10 - 6 - 1 =$

6. Điền những số còn thiếu vào các ô trống. Đọc các số đó từ trái sang phải.

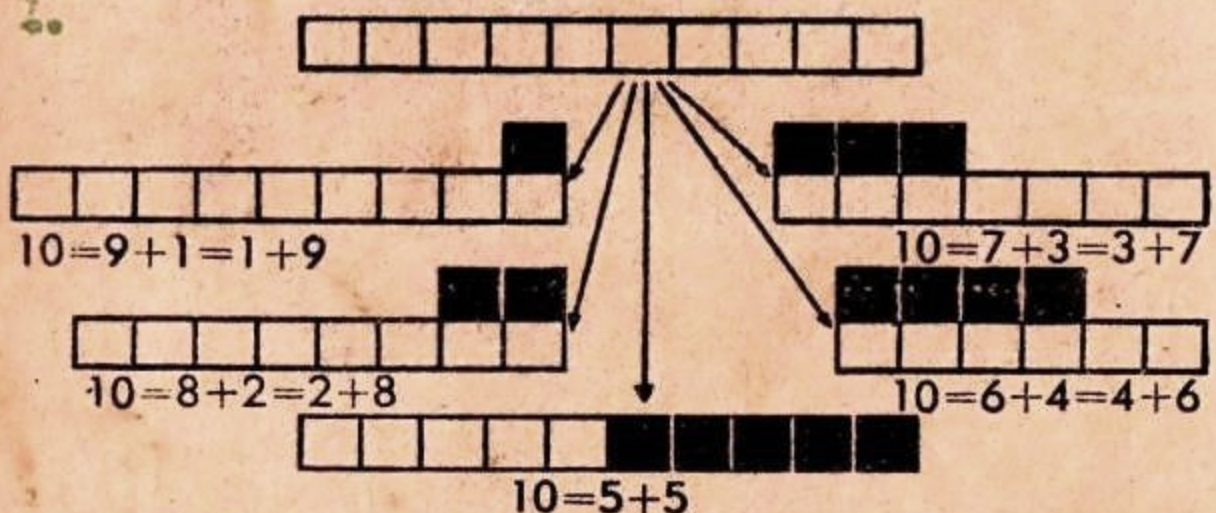
7. Nhìn vào hình vẽ đặt thành bài toán và giải bài toán đó.

8, 9. Đọc đề toán. Phân biệt dữ kiện, câu hỏi trước khi giải từng bài toán.

10. Giải các phép tính và nhận xét so sánh hiệu số, số bị trừ và số trừ của những phép tính trong cùng một cột.

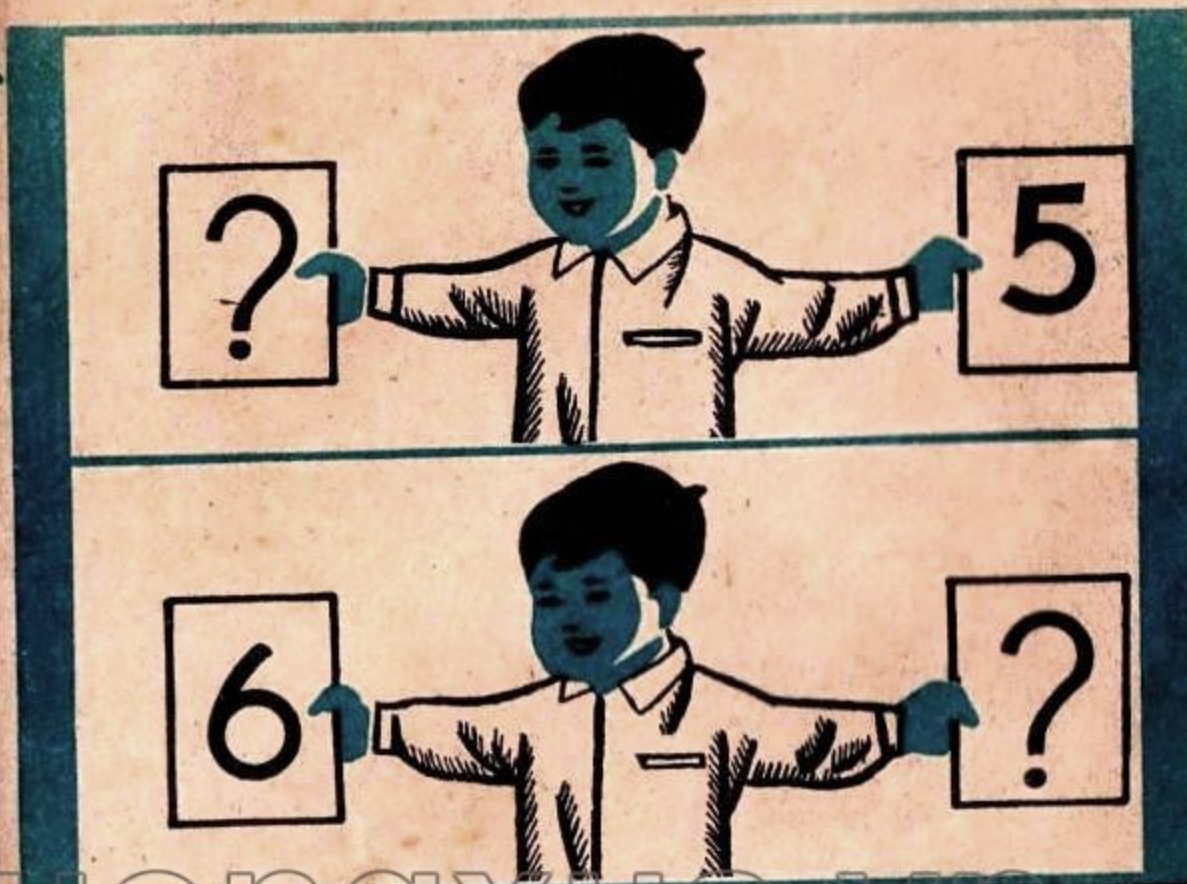
BẢNG CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 10

$9 + 1 = 10$		$10 - 1 = 9$
$8 + 2 = 10$		$10 - 2 = 8$
$7 + 3 = 10$		$10 - 3 = 7$
$6 + 4 = 10$		$10 - 4 = 6$
$5 + 5 = 10$		$10 - 5 = 5$
$4 + 6 = 10$		$10 - 6 = 4$
$3 + 7 = 10$		$10 - 7 = 3$
$2 + 8 = 10$		$10 - 8 = 2$
$1 + 9 = 10$		$10 - 9 = 1$



- Đọc bảng cộng và trừ. Hãy nhận xét các phép tính theo hàng ngang.
- 10 là mấy với mấy?

3.



4. Cộng với 4	1, 2, 3, 4, 5, 6
Trừ đi 3	10, 9, 8, 7, 6, 5

5. $9 + 1 =$	$10 - 9 =$	$8 + 2 =$	$10 - 8 =$
$10 - 1 =$	$1 + 9 =$	$10 - 2 =$	$2 + 8 =$

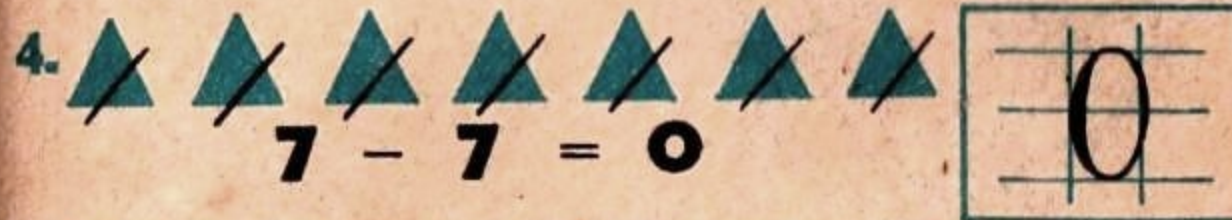
6. $\square + 3 = 10$	$10 - \square = 4$	$1 + \square = 10$
$\square - 3 = 7$	$\square + 4 = 10$	$10 - \square = 1$

- Số nào đứng liền bên trái số 5? Đứng liền bên phải số 6 là số nào? 5 bớt đi mấy thì còn 4? 6 thêm mấy thì được 7?
- 1 cộng với 4 được mấy? ... 10 trừ đi 3 còn mấy? ... (Tương tự đối với các số còn lại).
- 5, 6. Hãy giải các phép tính và nhận xét từng cặp phép tính theo cột dọc.



1. Hãy nhận xét hai bác nông dân đang cắt vó. Bác nào cắt vó lên có cá? Bác nào cắt vó lên không có cá?
2. Hãy nhận xét số lá và các phép tính trong từng ô một. Đền ô thứ tư, lá rụng thế nào? Vậy 1 mà trừ đi 1 thì còn gì không?

3.



6. $6-6=$	$2+0=$	$7-0=$	$3-2-1=$
$8-8=$	$0+6=$	$10-0=$	$2-1-1=$
$1-1=$	$4+0=$	$10-10=$	$10-9-1=$

7. $7-4-\square=0$	$9-\square-5=0$
$8-5-\square=0$	$10-\square-7=0$

- 3,4. Tương tự như 2.
Chữ số không viết thế nào? Hãy viết chữ số không vào vở
5. Hãy đọc các số từ 0 đến 10 và từ 10 đến 0.
- 6,7. Hãy giải các phép tính.

SỐ KHÔNG VIẾT BẰNG CHỮ 0



$$\square - \square = \square$$



$$\square - \square = \square$$

3. Sáng, em Trà ăn 3 quả quýt. Chiều, em ăn 2 quả. Hỏi cả ngày ấy em ăn mấy quả quýt?

4. Sáng hôm sau, em Trà ăn 3 quả quýt. Chiều em không ăn quả nào. Hỏi cả ngày hôm sau em ăn mấy quả quýt?

5. Một đĩa có 7 cái kẹo, đĩa thứ hai không có cái kẹo nào. Hỏi cả hai đĩa đó có mấy cái kẹo?

6. Hôm qua Hòa có 5 cái kẹo. Hôm nay Hòa không ăn cái kẹo nào. Hỏi hôm nay Hòa còn mấy cái kẹo?

1,2. Nhìn vào hình vẽ đặt thành những bài toán phù hợp với phép tính dưới mỗi hình vẽ và giải các bài toán đó.

3,4,5,6. Đọc kỹ đề toán. Tóm tắt dữ kiện và câu hỏi của bài toán trước khi giải.

7.

Số hạng thứ nhất	2	4	6	0	6	7	8
Số hạng thứ hai	7	5	0	7	2	2	2
Tổng số							

8.

$8 = 7 + \square$	$7 = 5 + \square$	$10 = 8 + \square$
$8 = 5 + \square$	$7 = 1 + \square$	$10 = 7 + \square$
$8 = \square + 4$	$7 = 7 + \square$	$0 = 9 - \square$

9.

Số bị trừ	7	10	10	10	9	10	6	9
Số trừ	0	7	6	5	8	8	6	9
Hiệu số								

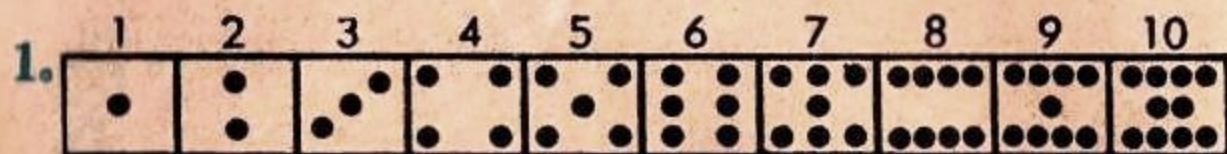
10.

$10 - 9 =$	$10 - 5 =$	$7 - 0 =$	$8 - 2 =$
$10 - 8 =$	$10 - 5 - 5 =$	$3 + 0 =$	$8 + 2 =$

7,8,9,10. Hãy giải các phép tính và so sánh, nhận xét các kết quả.

Hãy đặt một bài toán sao cho khi giải bài toán đó ta có kết quả là số không. Hãy tự giải để kiểm tra lại xem có đúng kết quả là số không hay không?

SỐ CHẴN, SỐ LẺ

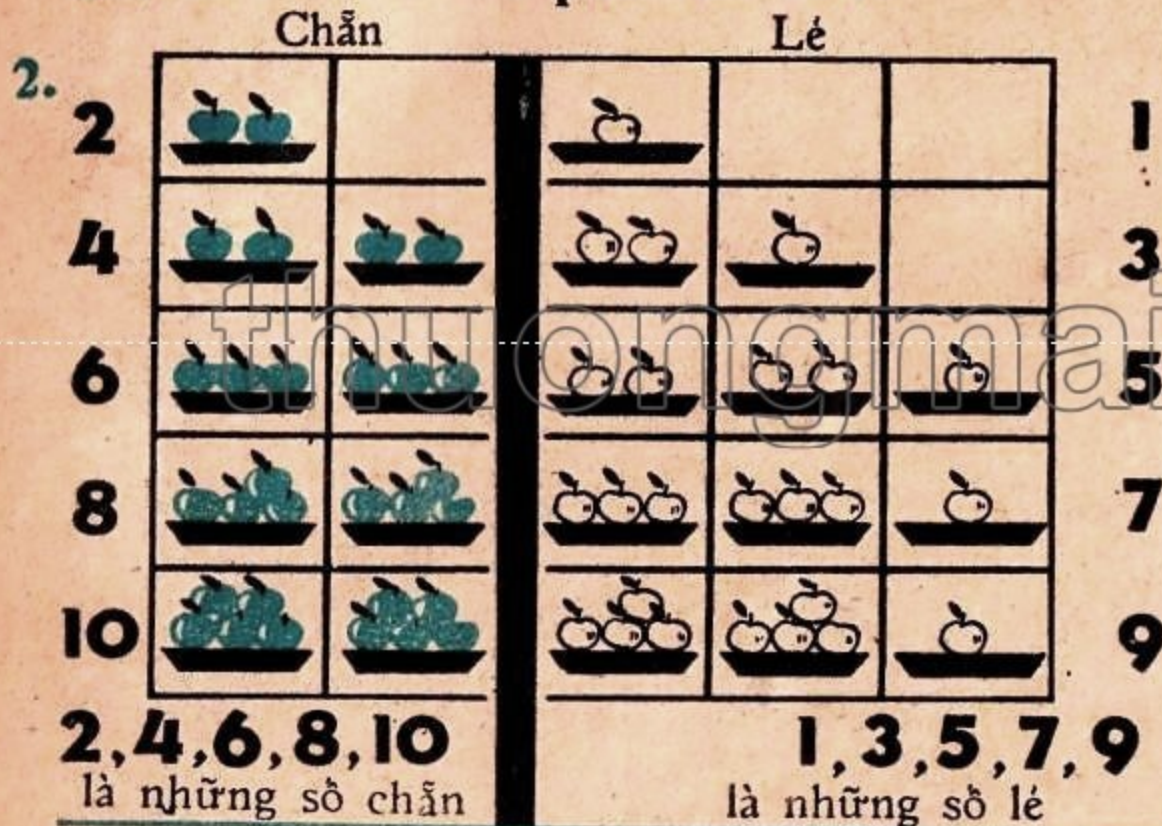


0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

Tất cả có 10 chữ số.

Số 10 viết bằng 2 chữ số: chữ số 0 và chữ số 1.

Chữ số 0 viết ở bên phải chữ số 1.



- Đếm các chấm đen trong từng ô vuông. Đọc xuôi, đọc ngược các số từ 1 đến 10 ghi trên các chấm đen. Hãy viết các số từ 0 đến 9 vào vở.
Tất cả có mấy chữ số? Số 10 viết bằng những chữ số gì?
- Hãy đếm những quả cam bên trái theo từng hàng và đối chiếu với số ghi ở ngoài có đúng không? Xong đọc tất cả các số đó. Tương tự đối với những quả cam bên phải.
Vậy những số nào là số chẵn? Những số nào là số lẻ?



Ngày hôm nay, bác thợ gò định
gò cho xong ☐ cái thùng tưới.
Nhưng sáng nay bác mới gò
xong ☐ cái. . .

4.

$10 - \square = 7$	$\square - 2 = 2$	$\square + 2 = 9$
$9 - \square = 5$	$\square - 4 = 3$	$\square + 3 = 9$
$8 - \square = 3$	$\square - 1 = 6$	$\square + 4 = 9$

- Trước trường có một chục cây phượng vì mới trồng. Cô giáo tưới được 8 cây. Vậy bạn Lan giúp cô tưới mấy cây nữa cho xong?
- Cái ca cao 10 cen-ti-mét. Cái bát (chén) cao 6 cen-ti-mét. Hỏi cái nào cao hơn và cao hơn bao nhiêu cen-ti-mét?
- Dựa vào hình vẽ để điền các dữ kiện còn thiếu và câu hỏi của bài toán, rồi giải bài toán đó.
- 4, 5, 6. Hãy giải các phép tính và các bài toán.

BẢNG CẤU TẠO CÁC SỐ ĐẾN 10

1.

2 là	1 với 1				
3 là	2 với 1				
4 là	3 với 1	2 với 2			
5 là	4 với 1	3 với 2			
6 là	5 với 1	4 với 2	3 với 3		
7 là	6 với 1	5 với 2	4 với 3		
8 là	7 với 1	6 với 2	5 với 3	4 với 4	
9 là	8 với 1	7 với 2	6 với 3	5 với 4	
10 là	9 với 1	8 với 2	7 với 3	6 với 4	5 với 5

2. $8 = 6 + \square$ | $10 = \square + 7$ | $9 = 3 + 4 + \square$
 $7 = 3 + \square$ | $9 = \square + 3$ | $10 = 4 + 3 + \square$
 $5 = 2 + \square$ | $6 = \square + 4$ | $8 = 5 + 2 + \square$

1. Đọc và học thuộc bảng cấu tạo các số đến 10.

2. Giải các phép tính.

3.



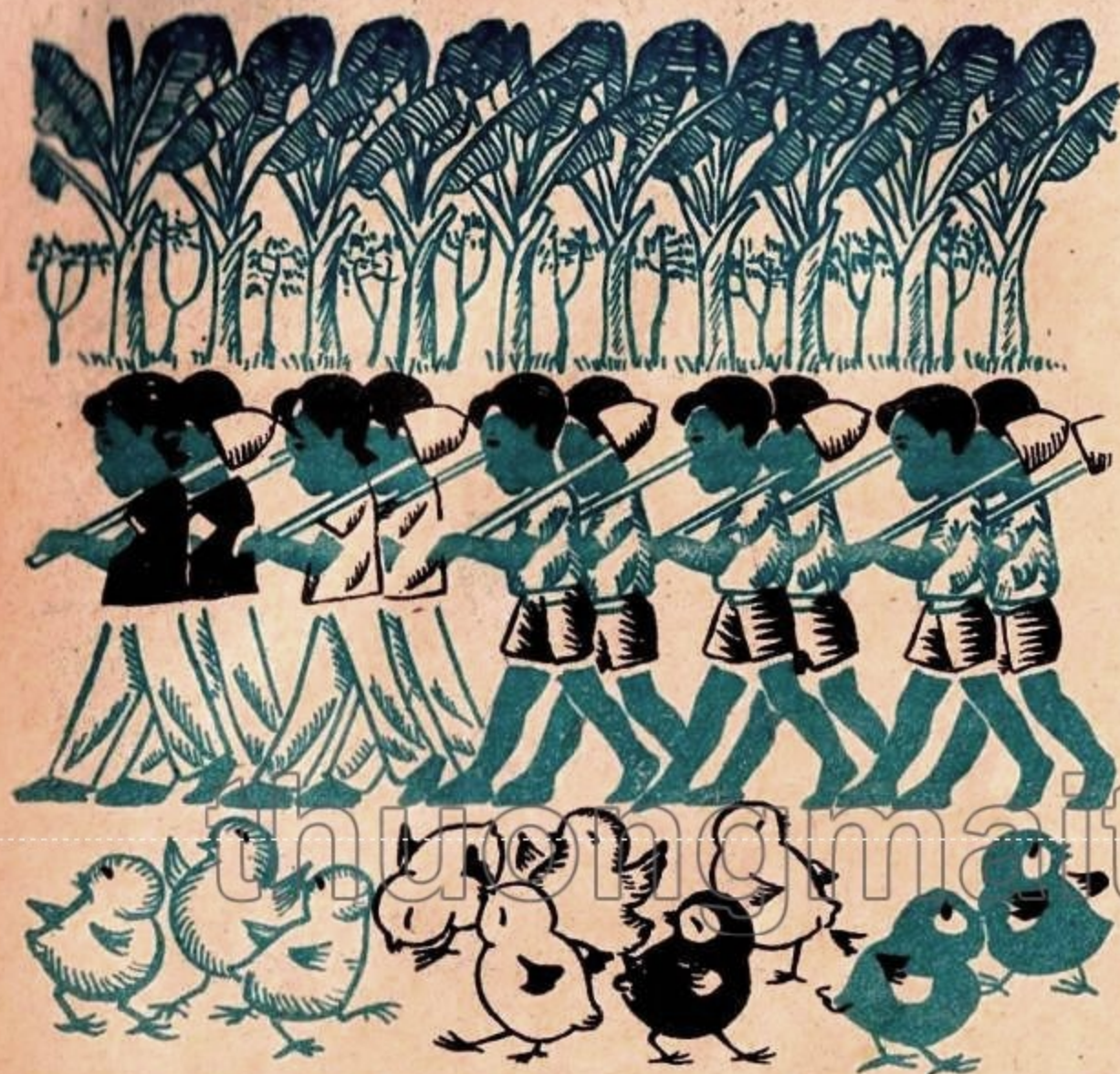
4. Lý có hai chồng sách : chồng thứ nhất 4 quyển, chồng thứ hai 6 quyển. Hỏi Lý có tất cả mấy quyển sách ?

5. Bầy chim bồ câu có 5 con. Bầy chim sẻ hơn bầy chim bồ câu 4 con. Hỏi bầy chim sẻ có mấy con ?

6. Hôm nay bác Tư rèn được 5 cái búa. Như thế bác Tư rèn được ít hơn anh Tám 3 cái. Hỏi anh Tám rèn được mấy cái búa ?

3. Dựa vào hình vẽ đặt thành bài toán và giải bài toán đó.

4,5,6. Đọc kỹ đề toán, phân biệt rõ dữ kiện, câu hỏi trước khi giải từng bài toán.



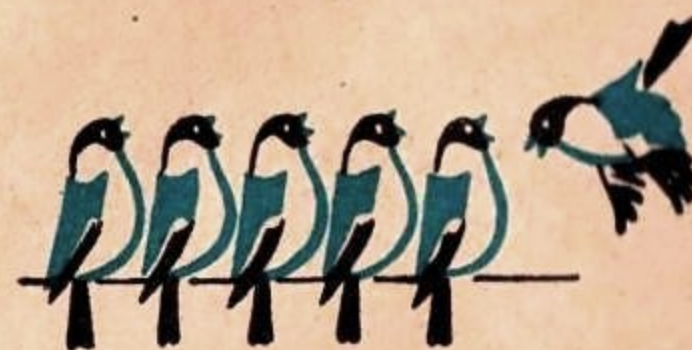
THI ĐUA HỌC TẬP VÀ LAO ĐỘNG

Toàn đội thi đua.
Đội có 10 người,
Vừa tròn một chục,
Học tập tích cực,
Trồng cũng khá nhiều :
Chục cây chuối tiêu,
Sẵn hàng chục gốc,
Chăn nuôi cũng tốt :

Một chục gà con,
Chúng «chiếp ! chiếp !» luôn
Ăn rồi lại bới !
Thứ gì trong đội
Cũng một chục tròn
Chúng tôi luôn luôn
Thi đua đúng mực.

NHỮNG BÀI TẬP VỀ THÊM, BỚT VÀ CỘNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

THÊM 1 VÀ BỚT 1



5 con chim thêm 1 con chim
được 6 con chim

5 cộng với 1 được 6

$$5 + 1 = 6$$



5 con chim bớt 1 con chim
còn 4 con chim

5 trừ 1 còn 4

$$5 - 1 = 4$$

★1.	1 + 1	3 + 1	5 + 1	7 + 1	9 + 1
	2 + 1	4 + 1	6 + 1	8 + 1	
2.	10 - 1	8 - 1	6 - 1	4 - 1	2 - 1
	9 - 1	7 - 1	5 - 1	3 - 1	

3.

Em Ngoan
có



Em mua
thêm



Hãy đặt thêm câu hỏi và giải bài toán.

4. $1 + 1$ $3 + 1$ $5 + 1$ $7 + 1$ $9 + 1$
 $2 - 1$ $4 - 1$ $6 - 1$ $8 - 1$ $10 - 1$

$2 + 1$ $4 + 1$ $6 + 1$ $8 + 1$
 $3 - 1$ $5 - 1$ $7 - 1$ $9 - 1$

$2 + 1$ $4 + 1$ $6 + 1$ $8 + 1$
 $2 - 1$ $4 - 1$ $6 - 1$ $8 - 1$

★ 1. $3 + 1$ $5 + 1$ $7 + 1$ $9 + 1$
 $3 - 1$ $5 - 1$ $7 - 1$ $9 - 1$

2. $1 - 1$ $5 + 1 - 1$ $5 - 1 + 1$
 $2 - 1$ $6 + 2 - 1$ $2 - 1 - 1$
 $3 - 1$ $7 + 2 - 1$ $3 - 1 - 1$

3. Trên một bãi có 6 con trâu đang ăn cỏ, 1 con nữa đi tới.
Hỏi trên bãi có mấy con trâu cả thảy?

4. Trên một cành cây có 9 con chim đậu, 1 con bay đi. Hỏi
trên cành còn mấy con chim đậu?

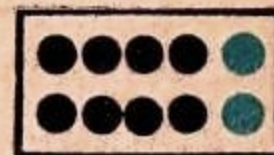
THÊM 2 VÀ BỚT 2

a) Thêm 2:



2 thêm 2 bằng

hay $2 + 2 =$



1. $2 + 1 + 1$ $4 + 1 + 1$ $6 + 1 + 1$ $8 + 1 + 1$
 $2 + 2$ $4 + 2$ $6 + 2$ $8 + 2$

$$\begin{array}{ccccc}
 2 + 2 & 8 + 2 & 2 + 2 & 6 + 2 & 4 + 2 \\
 4 + 2 & 6 + 2 & 6 + 2 & 2 + 2 & 6 + 2 \\
 6 + 2 & 4 + 2 & 4 + 2 & 8 + 2 & 2 + 2 \\
 8 + 2 & 2 + 2 & 8 + 2 & 4 + 2 & 8 + 2
 \end{array}$$

2. $2 + 8$ $4 + 2$ $9 + 1$ $8 + 2$ $7 + 2$
 $6 + 2$ $2 + 2$ $6 + 2$ $6 + 2$ $3 + 2$

3. a) Đếm cách 2 : 2, 4 ... 10

Đếm cách 2 : từ 1 đến 7.

b)



$$\begin{array}{cccc}
 1 + 1 + 1 & 3 + 1 + 1 & 5 + 1 + 1 & 7 + 1 + 1 \\
 1 + 2 & 3 + 2 & 5 + 2 & 7 + 2
 \end{array}$$

4. Hãy kẻ một đoạn thẳng dài 5 cen-ti-mét, xong tăng thêm đoạn thẳng đó 2 cen-ti-mét. Như vậy em sẽ được một đoạn thẳng dài mấy cen-ti-mét ?

5. Hãy kẻ một đoạn thẳng dài 8 cen-ti-mét và một đoạn thẳng dài 2 cen-ti-mét. Hai đoạn thẳng đó dài cả thảy mấy cen-ti-mét ? Em hãy dùng thước đo kiểm tra lại xem có đúng không ?



Thêm các dữ kiện để cùng với câu hỏi sau cho thành bài toán : Vậy có mấy cái máy bay cả thảy ? $4 + 2$

7. $1 + 2$ $7 + 2$ $5 + 2$ $2 + 2$ $6 + 2$
 $3 + 2$ $3 + 2$ $1 + 2$ $4 + 2$ $5 + 2$
 $5 + 2$ $1 + 2$ $7 + 2$ $8 + 2$ $8 + 2$

8. $1 + 2$ $4 + 2$ $6 + 2$ $8 + 2$
 $2 + 2$ $5 + 2$ $7 + 2$ $3 + 2$

9. Em Toàn có 3 quyển sách. Em được thưởng 2 quyển nữa. Hỏi em Toàn có tất cả mấy quyển sách ?

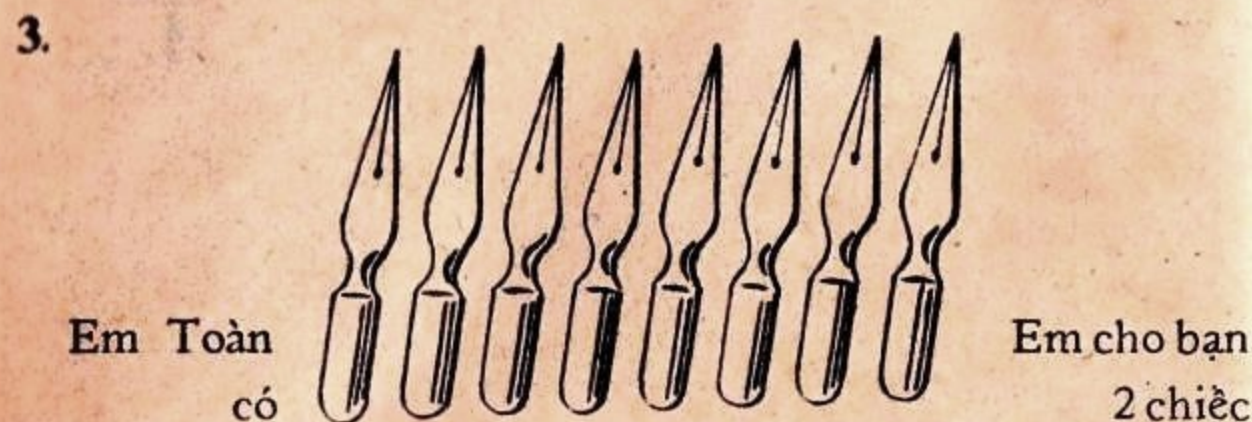
10. Em Lý ép được 7 con bướm. Em lại ép thêm 2 con bướm nữa. Hỏi em Lý đã ép được tất cả mấy con bướm ?

b) Bớt 2 :



1. $4 - 1 - 1$ $6 - 1 - 1$ $8 - 1 - 1$ $10 - 1 - 1$
 $4 - 2$ $6 - 2$ $8 - 2$ $10 - 2$

2. $2 - 2$ $10 - 2$ $3 - 2$ $6 - 2$ $8 - 2$
 $4 - 2$ $8 - 2$ $7 - 2$ $3 - 2$ $7 - 2$
 $6 - 2$ $4 - 2$ $5 - 2$ $4 - 2$ $9 - 2$



Hỏi em Toàn còn mấy ngòi bút ?

4. Mẹ nuôi 8 con chim bồ câu. Mẹ bán bớt một đôi. Hỏi mẹ còn nuôi mấy con chim bồ câu ?

5. Chị có 4 con gà. Chị cho em một đôi. Hỏi chị còn mấy đôi gà ?

6. Mẹ nhổ một chục củ cải. Mẹ bớt lại 2 củ để ăn, còn bao nhiêu để bán. Hỏi mẹ đem bán mấy củ cải ?



$3 - 1 - 1$ $5 - 1 - 1$ $7 - 1 - 1$ $9 - 1 - 1$
 $3 - 2$ $5 - 2$ $7 - 2$ $9 - 2$

8. $5 - 2$ $9 - 2$ $8 - 2$ $5 - 2$
 $7 - 2$ $6 - 2$ $7 - 2$ $4 - 2$
 $3 - 2$ $4 - 2$ $9 - 2$ $8 - 2$

9. $6 - 1$ $5 - 1$ $7 - 2$ $8 - 1$
 $6 - 2$ $10 - 2$ $7 - 1$ $7 - 2$
 $9 - 1$ $3 - 1$ $9 - 2$ $6 - 2$

c) Bài tập:

★1. Đếm cách 2 từ 10 đến 2. Đếm cách 2 từ 9 đến 1.

2. Tổ em có 9 người. Hai em là tổ trưởng và tổ phó. Hỏi tổ em có mấy tổ viên ?

3. Cây hoa hồng nhà em Vân nở 9 hoa. Vân bẻ hai hoa. Hỏi cây hoa hồng còn mấy hoa ?

4. $4 - 1 - 1$ $6 - 2 - 2$ $7 - 2 - 2$
 $6 - 1 - 1$ $10 - 2 - 2$ $7 - 2 - 2$
 $7 - 1 - 1$ $8 - 2 - 2$ $9 - 2 - 2$

5. $5 - 1 - 1$ $7 - 1 - 1$ $6 - 1 - 1$
 $7 - 1 - 1$ $8 - 2$ $6 - 2$
 $8 - 2$ $10 - 1 - 1$ $9 - 1 - 1$

THÊM 3 VÀ BỚT 3

a) Thêm 3:



$$1 + 3$$

★1.

$1+1+1+1$	$2+1+1+1$	$3+1+1+1$	$4+1+1+1$
$1+2+1$	$2+2+1$	$3+2+1$	$4+2+1$
$1+3$	$2+3$	$3+3$	$4+3$

$5+1+1+1$	$6+1+1+1$	$7+1+1+1$
$5+2+1$	$6+2+1$	$7+2+1$
$5+3$	$6+3$	$7+3$

2. $1+3$	$2+3$	$7+3$	$6+3$	$1+3$
$3+3$	$4+3$	$5+3$	$4+3$	$6+3$
$5+3$	$6+3$	$3+3$	$7+3$	$2+3$

- Loan mua 1 quyển sách. Em mua thêm 3 quyển nữa. Hỏi Loan đã mua mấy quyển sách ?
- Đội em đỡ được 5 thùng khoai, đội bạn được 3 thùng. Hỏi cả hai đội đỡ được mấy thùng khoai ?
- Một đội thiếu niên có 6 em. Nay có thêm 3 em vào đội nữa. Hỏi đội ấy có tất cả mấy em ?
- Trước đây tổ em có 5 bạn được khen. Nay lại thêm 3 bạn được khen nữa. Hỏi tổ em có tất cả mấy bạn được khen ?

b) Bớt 3:

★1.

$4-1-1-1$	$5-1-1-1$	$6-1-1-1$	$7-1-1-1$
$4-2-1$	$5-2-1$	$6-2-1$	$7-2-1$
$4-3$	$5-3$	$6-3$	$7-3$

$8-1-1-1$	$9-1-1-1$	$10-1-1-1$
$8-2-1$	$9-2-1$	$10-2-1$
$8-3$	$9-3$	$10-3$

3. $4 - 3$ $6 - 3$ $8 - 3$ $10 - 3$ $6 - 3$
 $5 - 3$ $7 - 3$ $9 - 3$ $8 - 3$ $4 - 3$

4. Hợi nuôi 7 con vịt. Nay em bán bớt đi 3 con để lấy tiền mua sách vở. Hỏi Hợi còn nuôi mấy con vịt ?

5. Con gà mái của em Tiên đẻ được 9 trứng. Em đã ăn 3 cái. Hỏi em Tiên còn mấy trứng ?

6. Tý trồng được một chục hốc bí, Sửu trồng được 3 hốc. Hỏi Tý trồng được nhiều hơn Sửu mấy hốc bí ?

7. Một tổ sản xuất chuyển 7 bao thóc đến kho. Chuyển đầu, tổ chuyển được 3 bao. Hỏi chuyển sau tổ phải chuyển mấy bao thóc ?

8. Em Hòa nói rằng : « Hai tay tôi cầm 8 quả mận. Tay phải cầm 3 quả, vậy đồ biết tay trái tôi cầm mấy quả ? »

c) Bài tập:

★1. $4 + 3 + 3$ $2 + 3 + 3$ $1 + 3 + 3$
 $3 + 2 + 3$ $4 + 2 + 3$ $4 + 1 + 3$

2. $7 - 3 - 3$ $10 - 3 - 3$ $4 - 3$ $6 - 3$
 $8 - 3 - 3$ $8 - 3 - 3$ $5 - 3$ $8 - 3$
 $7 - 3 - 3$ $9 - 3 - 3$ $7 - 3$ $10 - 3$

3. Đội em diệt được 10 con chuột. Đội bạn diệt kém đội em 3 con. Hỏi đội bạn diệt được mấy con chuột ?

4. $4 + 2 - 3$ $10 - 3 + 2$ $8 - 1 - 2$ $9 + 1 - 3$
 $6 + 2 - 3$ $8 - 2 + 3$ $6 + 3 - 2$ $8 + 2 - 1$
 $3 + 3 - 2$ $4 + 3 - 1$ $7 - 3 + 2$ $10 - 3 + 2$

5. Lấy mỗi số ở chung quanh rồi cộng hay trừ đi số ở giữa vòng tròn.



6. Tồi hôm trước, bà kể cho cháu Ái nghe 2 truyện cổ tích. Tồi hôm sau bà kể thêm 3 truyện nữa. Hỏi bà đã kể mấy truyện cổ tích ?

7. Hai hộp bút chì có 10 bút chì. Hộp thứ nhất có 7 bút chì. Hỏi hộp thứ hai có mấy bút chì ?

8. Cuối tháng vừa qua, lớp Hai có 5 em được khen thưởng. Lớp Một có 3 em. Hỏi hai lớp có tất cả mấy em được khen thưởng ?

THÊM 4 VÀ BỚT 4

a) Thêm 4:

★1.



$$1 + 2 + 2$$

$$1 + 4$$



$$2 + 2 + 2$$

$$2 + 4$$



$$3 + 2 + 2$$

$$3 + 4$$



$$4 + 2 + 2$$

$$4 + 4$$



$$5 + 2 + 2$$

$$5 + 4$$



$$6 + 2 + 2$$

$$6 + 4$$

2.

$$2 + 4$$

$$4 + 4$$

$$6 + 4$$

$$1 + 4$$

$$3 + 4$$

$$5 + 4$$

$$4 + 4$$

$$3 + 4$$

$$6 + 4$$

$$6 + 4$$

$$3 + 4$$

$$5 + 4$$

3. Đầu tháng trước tổ em có 5 bạn được quà khăn đỏ. Tháng này có thêm 4 bạn nữa. Hỏi có tất cả mấy bạn được quà khăn đỏ?

4. Mẹ Lan mua cho Lan 4 quyển vở. Cô Lan lại mua cho Lan 3 quyển vở nữa. Hỏi Lan có mấy quyển vở?

5. Tuần lễ trước, con mèo nhà em bắt được 6 con chuột. Tuần lễ này nó bắt được 4 con nữa. Hỏi con mèo ấy đã bắt được mấy con chuột?

6.a) Số hạng thứ nhất là 5, số hạng thứ hai là 4, tính tổng số.

b) Số hạng thứ nhất là 6, số hạng thứ hai là 4, tính tổng số.

b) Bớt 4:

★1.



$$5 - 4$$



$$6 - 4$$



$$7 - 4$$



$$8 - 4$$



$$9 - 4$$



$$10 - 4$$

2. Em nhẩm :

$$\begin{array}{r} 5 - 4 = \\ 5 - 2 - 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 - 4 = \\ 7 - 2 - 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 - 4 = \\ 9 - 2 - 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 - 4 = \\ 6 - 2 - 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 - 4 = \\ 8 - 2 - 2 \end{array}$$

3.

$$9 - 4$$

$$10 - 4$$

$$7 - 4$$

$$6 - 4$$

$$5 - 4$$

$$7 - 4$$

$$9 - 4$$

$$8 - 4$$

$$6 - 4$$

$$8 - 4$$

$$10 - 4$$

$$5 - 4$$

4.

$$5 - 3$$

$$6 - 3$$

$$7 - 3$$

$$8 - 3$$

$$5 - 4$$

$$6 - 4$$

$$7 - 4$$

$$8 - 4$$

$$9 - 4$$

$$9 - 3$$

$$10 - 3$$

$$10 - 4$$

5. Em **Cập** nuôi 6 con gà trong đó có 4 con gà mái. Hỏi em **Cập** nuôi bao nhiêu gà trống ?
6. Một tổ học sinh có 7 em. Trong tiết kiểm tra Toán, 4 em đạt điểm mười, số còn lại đạt điểm tám. Hỏi có mấy em đạt điểm tám ?
7. Trong vườn trẻ có 1 chục em bé trong đó có 4 em bé gái. Hỏi trong vườn trẻ có mấy em bé trai ?

c) Bài tập:

★1.

Đàn gà em có 9 con.

Bán đi 4 chú, hỏi còn bao nhiêu ?

2. $3 + 2 + 4$ $4 + 4 + 1$ $1 + 2 + 4$
 $1 + 2 + 3$ $1 + 3 + 4$ $3 + 3 + 4$
 $3 + 4 + 3$ $3 + 4 + 2$ $5 + 1 + 4$
3. $6 - 4 - 1$ $5 - 3 - 1$ $9 - 3 - 3$
 $8 - 4 - 2$ $9 - 4 - 3$ $6 - 1 - 4$
 $10 - 4 - 1$ $10 - 4 - 2$ $8 - 4 - 3$

4. Em cộng hay trừ những số ở trong mỗi hình dưới đây với số ở ngoài.

4	2	6
1	5	3

 $+ 4$

6	10	8
5	9	7

 $- 4$

5. Anh **Lâm** đã nghĩ được 4 sáng kiến trong số 10 sáng kiến của tổ. Hỏi những người khác trong tổ có bao nhiêu sáng kiến ?

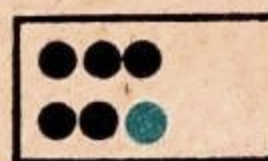
6. $4 + 1 - 3$ $8 - 2 + 3$ $8 - 2 - 3$
 $2 + 3 - 4$ $9 - 1 - 4$ $7 - 4 + 2$
 $1 + 4 - 2$ $10 - 2 - 1$ $6 - 1 - 4$
 $7 + 3 - 4$ $3 + 4 - 2$ $10 - 3 - 2$

7. Một xưởng làm xong 5 toa xe chở dầu và 4 toa xe chở than. Hỏi xưởng đã làm xong bao nhiêu toa xe ?

THÊM 5 VÀ BỚT 5

a) Thêm 5:

★1.



$5 + 1$
 $1 + 5$



$5 + 2$
 $2 + 5$



$5 + 3$
 $3 + 5$



$5 + 4$
 $4 + 5$



$5 + 2 + 3$
 $5 + 5$

2. Em nhẩm :

$\frac{1 + 5 =}{1 + 2 + 3}$	$\frac{2 + 5 =}{2 + 3 + 2}$	$\frac{3 + 5 =}{3 + 3 + 2}$
$\frac{4 + 5 =}{4 + 3 + 2}$	$\frac{5 + 5 =}{5 + 2 + 3}$	

3.

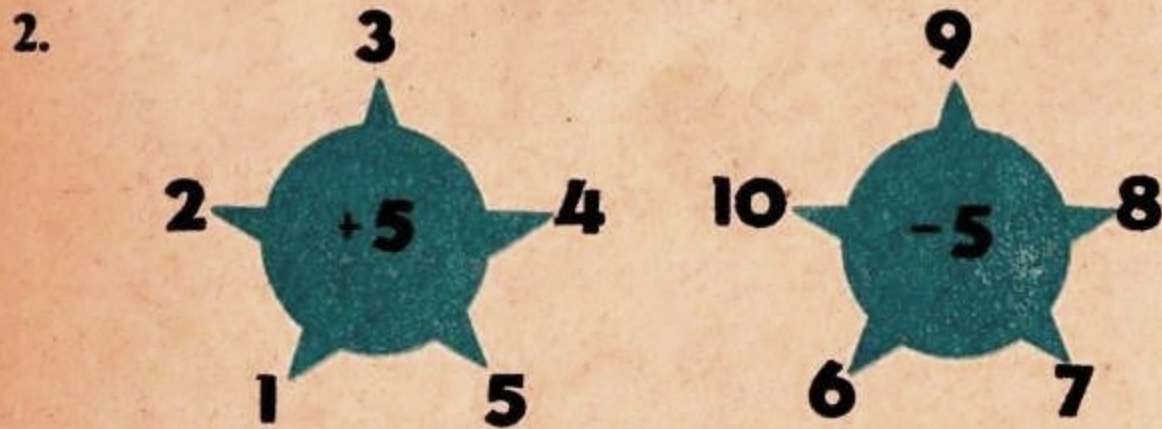
$1 + 5$	$3 + 5$	$5 + 5$	$5 + 2$	$5 + 4$
$2 + 5$	$4 + 5$	$5 + 1$	$5 + 3$	$3 + 5$

4. Buổi tối Lan đọc 3 trang sách. Buổi sáng Lan đọc nhiều hơn buổi tối 5 trang sách. Hỏi buổi sáng Lan đọc mấy trang sách ?

b) Bớt 5 :

1. Em nhẩm :

$\frac{6 - 5 =}{6 - 3 - 2}$	$\frac{7 - 5 =}{7 - 2 - 3}$	$\frac{8 - 5 =}{8 - 2 - 3}$	$\frac{9 - 5 =}{9 - 3 - 2}$
-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------



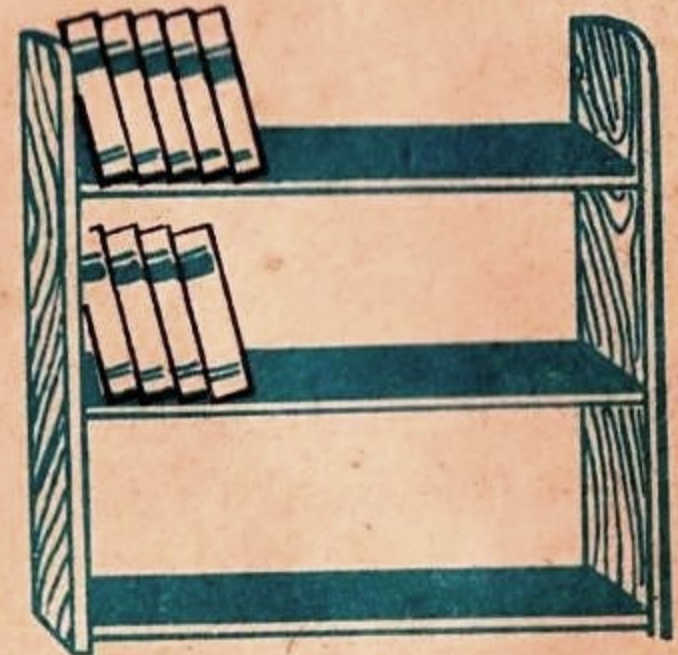
3.

$5 - 5$	$7 - 5$	$9 - 5$	$7 - 2$
$6 - 5$	$8 - 5$	$10 - 5$	$8 - 3$

4. Nam câu được 8 con cá rô vừa rô vừa giếc. Có 5 con cá rô. Hỏi Nam câu được mấy con cá giếc ?

5. Nhóm em Xuân chẵn được 9 con trâu. Nhóm em Thu chẵn được 5 con. Hỏi nhóm em nào chẵn được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu con ?

6. Nhìn vào hình vẽ đặt thành bài toán và giải bài toán đó.



c) Bài tập :

★1. a) Lúc đầu em Lý cắt được 4 con chim hòa bình, sau em cắt thêm 5 con nữa. Hỏi em Lý có mấy con chim ?

b) Em biếu bạn 2 con. Hỏi em còn mấy con chim ?

2. Đặt một dấu bài toán trong đó có 4 thêm 5.
Đặt một dấu bài toán trong đó có 7 bớt đi 5.

3.

$6 + 1 - 5$	$5 + 3 - 2$	$9 - 4 + 5$
$1 + 5 - 4$	$7 - 4 + 5$	$4 + 3 - 5$
$2 + 4 + 4$	$10 - 5 + 3$	$6 - 5 + 2$
$3 + 5 - 4$	$8 - 3 - 4$	$10 - 4 - 3$

4.

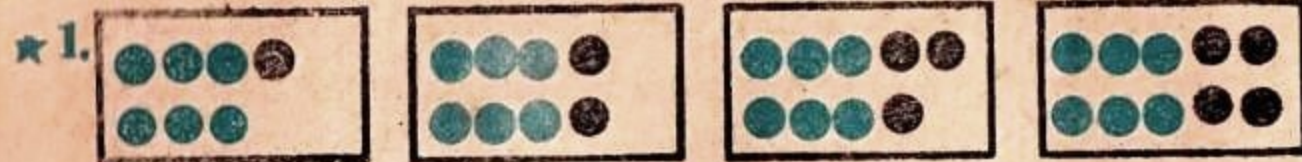
$3 + 2 + 5$	$2 + 4 - 5$	$6 - 5 + 5$
$4 + 5 + 1$	$4 + 3 - 5$	$5 + 3 - 4$
$2 + 4 - 5$	$9 - 5 - 3$	$10 - 2 - 3$
$8 - 5 + 3$	$2 + 5 - 3$	$8 - 5 - 2$

5. a) Số bị trừ là 9, số trừ là 5. Tính hiệu số.

b) Số bị trừ là 10, số trừ là 5. Tính hiệu số.

THÊM 6 VÀ BỚT 6

a) Thêm 6:



$6 + 1$	$6 + 2$	$6 + 3$	$6 + 4$
$1 + 6$	$2 + 6$	$3 + 6$	$4 + 6$

2.

$\frac{1 + 6 =}{1 + 3 + 3}$	$\frac{2 + 6 =}{2 + 2 + 4}$	$\frac{3 + 6 =}{3 + 3 + 3}$	$\frac{4 + 6 =}{4 + 4 + 2}$
-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------

3.

$1 + 6$	$3 + 6$	$6 + 1$	$6 + 3$
$2 + 6$	$4 + 6$	$6 + 2$	$6 + 4$

4. Trong vườn rau của thiếu niên có 2 luống rau cải và 6 luống cà. Hỏi vườn rau có tất cả mấy luống?

5. Hai chị em đi hái hoa kết vào ảnh Bác Hồ. Em hái được 4 bông hoa, chị hái được 6 bông hoa. Hỏi hai chị em hái được tất cả mấy bông hoa?

b) Bớt 6:

★ 1. a) Xem hình vẽ, đặt thành bài toán rồi giải bài toán đó.



b)

$\frac{7 - 6 =}{7 - 4 - 2}$	$\frac{8 - 6 =}{8 - 4 - 2}$	$\frac{9 - 6 =}{9 - 3 - 3}$	$\frac{10 - 6 =}{10 - 2 - 4}$
-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	-------------------------------

c)

$7 - 6$	$9 - 6$	$7 - 1$	$9 - 3$
$8 - 6$	$10 - 6$	$8 - 2$	$10 - 4$

2. Nhân ngày Quốc khánh 2-9, Thanh và Vân làm được 8 lá cờ. Thanh làm được 6 lá. Hỏi Vân làm được mấy lá cờ?

3. Anh có 10 tuổi. Em ít hơn anh 6 tuổi. Hỏi em lên mấy tuổi?

4. Mái gà em Lê để còn thiếu 6 trứng mới tròn chục quả. Hỏi mái gà ấy đã đẻ mấy trứng?

c) Bài tập:

★ 1. a) Một thùng đựng 9 chai dầu, dùng hết 6 chai. Hỏi trong thùng còn mấy chai dầu?

b) Sau người ta lại rót vào thùng 5 chai. Hỏi bây giờ trong thùng đựng mấy chai dầu?

2. Lấy mỗi sò chung quanh, rồi cộng hay trừ đi sò giữa vòng tròn.

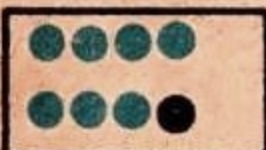
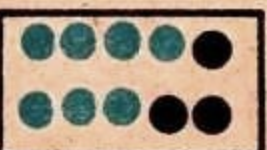


3. $1 + 6 + 1$ $2 + 1 + 6$ $1 + 6 + 3$
 $2 + 6 + 2$ $1 + 3 + 6$ $3 + 1 + 6$
 $1 + 6 + 2$ $2 + 2 + 6$ $2 + 6 + 1$
 $3 + 6 + 1$ $1 + 1 + 6$ $2 + 1 + 6$

4. $8 - 6 - 1$ $10 - 2 - 6$ $10 - 3 - 6$
 $9 - 6 - 2$ $8 - 1 - 6$ $8 - 4 - 2$
 $10 - 6 - 1$ $9 - 6 - 2$ $9 - 2 - 6$
 $9 - 1 - 6$ $8 - 1 - 6$ $10 - 6 - 3$

5. $3 + 6 - 1$ $8 - 6 + 4$ $3 + 5 - 6$
 $1 + 6 - 5$ $10 - 5 + 3$ $9 - 5 + 6$
 $2 + 6 - 3$ $7 - 6 + 4$ $3 + 5 - 6$
 $4 + 6 - 2$ $9 - 6 + 4$ $8 - 1 - 6$

THÊM 7, 8, 9 VÀ BỚT 7, 8, 9

★1.   
 $7 + 1$ $8 - 1$ $7 + 2$ $9 - 2$ $7 + 3$ $10 - 3$
 $1 + 7$ $8 - 7$ $2 + 7$ $9 - 7$ $3 + 7$ $10 - 7$

  
 $8 + 1$ $9 - 1$ $8 + 2$ $10 - 2$ $9 + 1$ $10 - 1$
 $1 + 8$ $9 - 8$ $2 + 8$ $10 - 8$ $1 + 9$ $10 - 9$

2. $2 + 7 =$ $3 + 7 =$ $8 - 7 =$ $9 - 7 =$
 $2 + 6 + 1$ $3 + 3 + 4$ $8 - 4 - 3$ $9 - 3 - 4$
 $2 + 5 + 2$ $3 + 2 + 5$

Em nhẩm : $10 - 7 =$
 $10 - 5 - 2$

3. Năm nay Thi lên 10 tuổi và Tú lên 8 tuổi. Hỏi Thi nhiều hơn Tú mấy tuổi ? Tú ít hơn Thi mấy tuổi ?

4. $1 + 7$ $7 + 1$ $8 - 7$ $8 - 1$ $3 + 7$
 $2 + 7$ $7 + 2$ $9 - 7$ $9 - 2$ $1 + 7$
 $3 + 7$ $7 + 3$ $10 - 7$ $10 - 3$ $2 + 7$

5. $8 + 1$ $1 + 8$ $9 - 7$ $9 - 8$ $2 + 8$
 $8 + 2$ $2 + 8$ $10 - 6$ $10 - 8$ $1 + 9$
 $9 + 1$ $1 + 9$ $10 - 7$ $10 - 9$ $1 + 8$

6. $1 + 7$ $3 + 7$ $2 + 7$ $3 + 7$ $1 + 7$
 $8 - 7$ $8 - 7$ $9 - 7$ $8 - 7$ $3 + 7$
 $7 + 1$ $9 - 1$ $2 + 7$ $10 - 7$ $1 + 9$
 $8 - 1$ $8 - 7$ $8 - 7$ $9 - 7$ $10 - 9$

— Trường hợp trừ hết :

★1. Mẹ mua hai bó rau cải. Mẹ đã nấu hết 2 bó ấy. Như thế không còn bó nào, ta viết :

$2 - 2 = 0$

2. a) $5 - 5$ $8 - 2 - 6$ $3 + 4 - 7$
 $6 - 6$ $4 - 2 - 2$ $3 + 5 - 8$
 $9 - 9$ $6 + 3 - 9$ $1 + 5 - 6$

b) $3 - 3$ $5 - 5$ $8 - 8$ $9 - 9$
 $6 - 6$ $7 - 7$ $4 - 4$ $2 - 2$

3. $4 + 4 - 8$ $4 + 2 - 6$ $1 + 7 - 8$
 $1 + 6 - 7$ $1 + 8 - 9$ $2 + 6 - 8$
 $3 + 7 - 10$ $4 + 5 - 9$ $2 + 8 - 10$
 $2 + 3 - 5$ $6 + 1 - 7$ $7 + 3 - 10$

4. Hôm chủ nhật Kiêm hái được 10 bó rau muống. Kiêm bán 10 bó. Em hãy đặt câu hỏi rồi giải bài toán?

5. Cô giáo có một chục cái nhãn vở. Cô thưởng cho học sinh hết 10 cái. Hỏi cô còn mấy cái nhãn vở?

6. a) Bàn tay phải của em có 5 ngón tay. Bàn tay trái cũng có bằng ấy ngón tay. Hỏi em có mấy ngón tay?

b) Em cụp lại 10 ngón. Hỏi em còn xòe ra mấy ngón tay?

7. Hãy giải các phép tính sau :

a) $1 + 0$ $2 + 0$ $3 + 0$ $4 + 0$ $5 + 0$
 $1 - 0$ $2 - 0$ $3 - 0$ $4 - 0$ $5 - 0$
 $1 - 1$ $2 - 2$ $3 - 3$ $4 - 4$ $5 - 5$

b)

Số hạng thứ nhất	7		2		4		3
Số hạng thứ hai	0	6		7	5	6	
Tổng số		8	10	10		9	7

c)

Số bị trừ	9	8	7		5	7	
Số trừ	5		5	6	0		6
Hiệu số		4		2		0	4

ÔN TẬP CHUNG PHẦN 10 SỐ ĐẦU

★1. Thêm 2 vào mỗi số sau đây :

2, 4, 6, 3, 5

Thêm 3, thêm 4 vào mỗi số trên.

2. Bớt đi 2 ở mỗi số sau này :

10, 7, 9, 5, 8

Bớt đi 4, bớt đi 5 ở mỗi số trên.

$$\begin{array}{lll} 3. & 3 + 4 + 2 & 3 + 7 - 6 & 10 - 8 + 7 \\ & 4 + 3 + 3 & 5 + 4 - 8 & 9 - 6 + 5 \\ & 2 + 7 + 1 & 2 + 8 - 9 & 8 - 7 + 9 \\ & 6 + 2 + 2 & 1 + 5 + 3 & 6 - 4 + 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{lll} 4. & 4 + 5 - 7 & 3 + 2 + 4 & 3 + 5 - 6 \\ & 1 + 2 + 6 & 7 - 5 + 3 & 9 - 4 - 3 \\ & 3 - 2 + 9 & 10 - 9 + 6 & 2 + 5 - 4 \\ & 6 - 4 + 8 & 8 - 2 + 4 & 6 + 2 - 7 \end{array}$$

5. Em An có 3 quyển vở. Em thực hiện đúng năm điều yêu cầu của Bác Hồ, nên được thầy giáo thưởng 2 quyển nữa. Hỏi em An có tất cả mấy quyển vở?

6. Các khối lớp Một và lớp Hai, học kỳ một vừa qua trồng được 10 luống rau cải. Khối lớp Một có 4 luống. Hỏi khối lớp Hai trồng được mấy luống?

7. Các em ở lớp Một và lớp Hai vẽ được 10 bức tranh để dự thi. Lớp Một có 4 bức. Hỏi lớp Hai có mấy bức tranh?

8. Trước đây, một tổ sản xuất có 5 con trâu. Bây giờ tổ mua thêm 2 con nữa. Em hãy đặt thành câu hỏi rồi giải bài toán.

★ 1. Em nuôi 5 con gà. Em bán bớt 1 con để mua sách. Hỏi em còn nuôi mấy con gà?

2. Trong lớp có 4 em được khen thưởng, trong đó có 2 em gái. Hỏi có mấy em trai được khen thưởng?

3. Tổ học tập của Mai đầu năm chỉ có 8 em. Cuối học kỳ một, tổ có 10 em. Hỏi tổ ấy đã tăng thêm được mấy em.

$$\begin{array}{ll} 4. & 6 + \square = 8 \\ & 4 + \square = 7 \\ & 8 - \square = 6 \\ & 7 - \square = 4 \end{array} \quad \begin{array}{l} \square + 2 = 8 \\ \square + 3 = 7 \\ \square - 2 = 6 \\ \square - 3 = 4 \end{array}$$

5. Buổi sáng, em Tân cắt được 5 bó lá, buổi chiều được 4 bó. Hỏi em đã cắt được mấy bó lá? Em cho thỏ ăn hết 3 bó. Hỏi còn lại mấy bó?

6. a) Nhân ngày Tết Thiếu nhi quốc tế 1-6, lớp Bồn đã mua 7 tờ giấy màu, dùng 3 tờ để cắt khẩu hiệu. Hỏi còn lại mấy tờ giấy màu nữa?

b) Các anh lớp Bồn lại mua thêm 5 tờ nữa để làm hoa giấy. Hỏi lớp Bồn có tất cả mấy tờ giấy để cắt hoa?

7. Đặt thành bài toán trong đó có 7 thêm 3; 10 bớt đi 4.

8. Thường ngày chị nấu 7 lon gạo để ăn trưa. Hôm nay nhà vắng cha và mẹ nên chị bớt đi 2 lon. Hỏi trưa nay chị nấu mấy lon gạo?

$$\begin{array}{lll} 9. & 4 + 2 + 2 & 5 + 0 + 2 & 2 + 3 + 1 \\ & 3 + 4 + 1 & 4 + 3 + 1 & 1 + 5 + 2 \\ & 0 + 2 + 2 & 2 + 4 + 2 & 4 + 1 + 2 \\ & 3 + 3 + 1 & 1 + 2 + 3 & 6 + 2 + 0 \end{array}$$

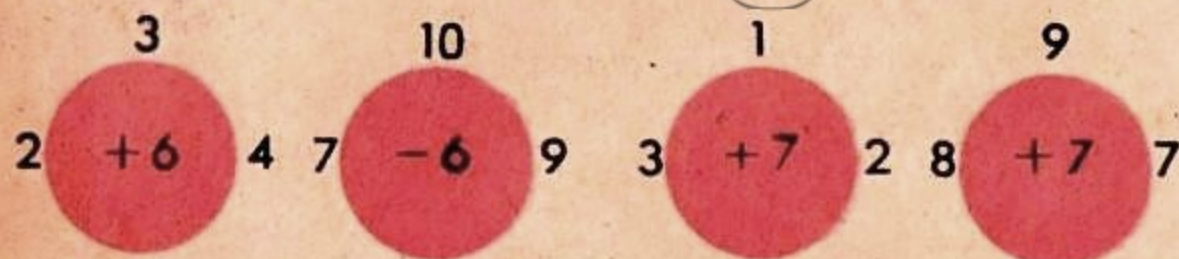
10. $6 - 1 - 3$ $8 - 3 - 3$ $9 - 3 - 3$
 $8 - 2 - 1$ $5 - 1 - 2$ $6 - 2 - 2$
 $10 - 3 - 2$ $10 - 4 - 2$ $7 - 1 - 3$
 $9 - 4 - 1$ $7 - 3 - 2$ $8 - 3 - 2$

★ 1. Cháu Kim diệt được 10 con ruồi, cháu Thoa diệt kém cháu Kim 2 con. Cháu Thoa diệt được mấy con ?

2. Đội Một trồng được 9 cây dừa xung quanh trường. Đội Hai trồng kém 2 cây. Hỏi đội Hai trồng được mấy cây dừa ?

3. Nhân Ngày Thiệu nhi quốc tế 1-6, cô giáo thưởng tranh cho hai đội thiệu nhi. Đội Một được 8 tranh, đội Hai được hơn 2 tranh. Hỏi đội Hai được thưởng bao nhiêu tranh ?

4. Lấy mỗi số chung quanh, rồi cộng hay trừ đi số giữa vòng tròn.



5. $4 + \square = 5$ $\square + 1 = 6$ $3 + \square = 7$
 $3 + \square = 5$ $\square + 2 = 7$ $5 + \square = 7$
 $\square + 3 = 8$ $\square + 6 = 8$ $4 + \square = 9$

6. Các em tự đặt ra một số phép tính cộng sao cho kết quả của mỗi phép tính là 10.

7. Các em tự đặt ra một số phép tính trừ sao cho kết quả của mỗi phép tính là 3.

8. Các em hãy sắp xếp các phép tính sau đây theo thứ tự : bài nào có kết quả là 1 thì viết trước rồi đến bài có kết quả là 2, là 3, v.v...

$9 + 1$ $5 + 2$ $7 - 6$ $9 - 5$ $10 - 4$
 $7 - 4$ $6 + 2$ $10 - 8$ $2 + 7$ $8 - 3$

TRÒ CHƠI VÀ TOÁN VUI

★ 1. a) Em viết số nào vào mảnh giấy trắng để cộng với 4 được 10 ?

b) Em viết số nào vào mảnh giấy trắng để cộng với 4 được 9 ?

c) Em viết số nào vào mảnh giấy trắng để trừ đi 4 còn 5.

d) Em viết số nào vào mảnh giấy trắng để trừ đi 4 còn 3.

2. a) Em hãy nghĩ một số, bất cứ số nào (từ 1 đến 5). Em hãy cộng số em nghĩ với 5, được bao nhiêu lại trừ đi số em đã nghĩ. Kết quả bằng 5, có đúng không ?

b) Em hãy nghĩ một số bất cứ số nào (từ 1 đến 7). Em hãy cộng số đó với 3, được bao nhiêu trừ đi 1, được bao nhiêu lại trừ đi số em đã nghĩ. Kết quả bằng 2, có đúng không ?



BẢNG CỘNG TRONG PHẠM VI 10

1.

1 + 1				
2 + 1	2 + 2			
3 + 1	3 + 2	3 + 3		
4 + 1	4 + 2	4 + 3	4 + 4	
5 + 1	5 + 2	5 + 3	5 + 4	5 + 5
6 + 1	6 + 2	6 + 3	6 + 4	
7 + 1	7 + 2	7 + 3		
8 + 1	8 + 2			
9 + 1				

$5 + 2 = 7$
 $2 + 5 = 7$

BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

2.

10 - 1	9 - 1	8 - 1	7 - 1	6 - 1	5 - 1	4 - 1	3 - 1	2 - 1
10 - 2	9 - 2	8 - 2	7 - 2	6 - 2	5 - 2	4 - 2	3 - 2	
10 - 3	9 - 3	8 - 3	7 - 3	6 - 3	5 - 3	4 - 3		
10 - 4	9 - 4	8 - 4	7 - 4	6 - 4	5 - 4			
10 - 5	9 - 5	8 - 5	7 - 5	6 - 5				
10 - 6	9 - 6	8 - 6	7 - 6					
10 - 7	9 - 7	8 - 7						
10 - 8	9 - 8							
10 - 9								

$7 - 2 = 5$
 $7 - 5 = 2$

1,2. Hãy chép và tự giải vào vở những phép tính cộng và trừ trong 2 bảng trên.

CÁC SỐ ĐẾN 20

ĐỀM, ĐỌC VÀ VIẾT CÁC SỐ ĐẾN 20

— Đếm các số đến 20:

★ 1. Đếm 10 que tính bó thành 1 bó. Thêm 1 que tính vào 10 que ấy thành mười một que tính. 10 que tính thêm 2 que nữa thành mười hai que tính.



2. 10 que tính thêm 3 que tính nữa thành bao nhiêu que tính?

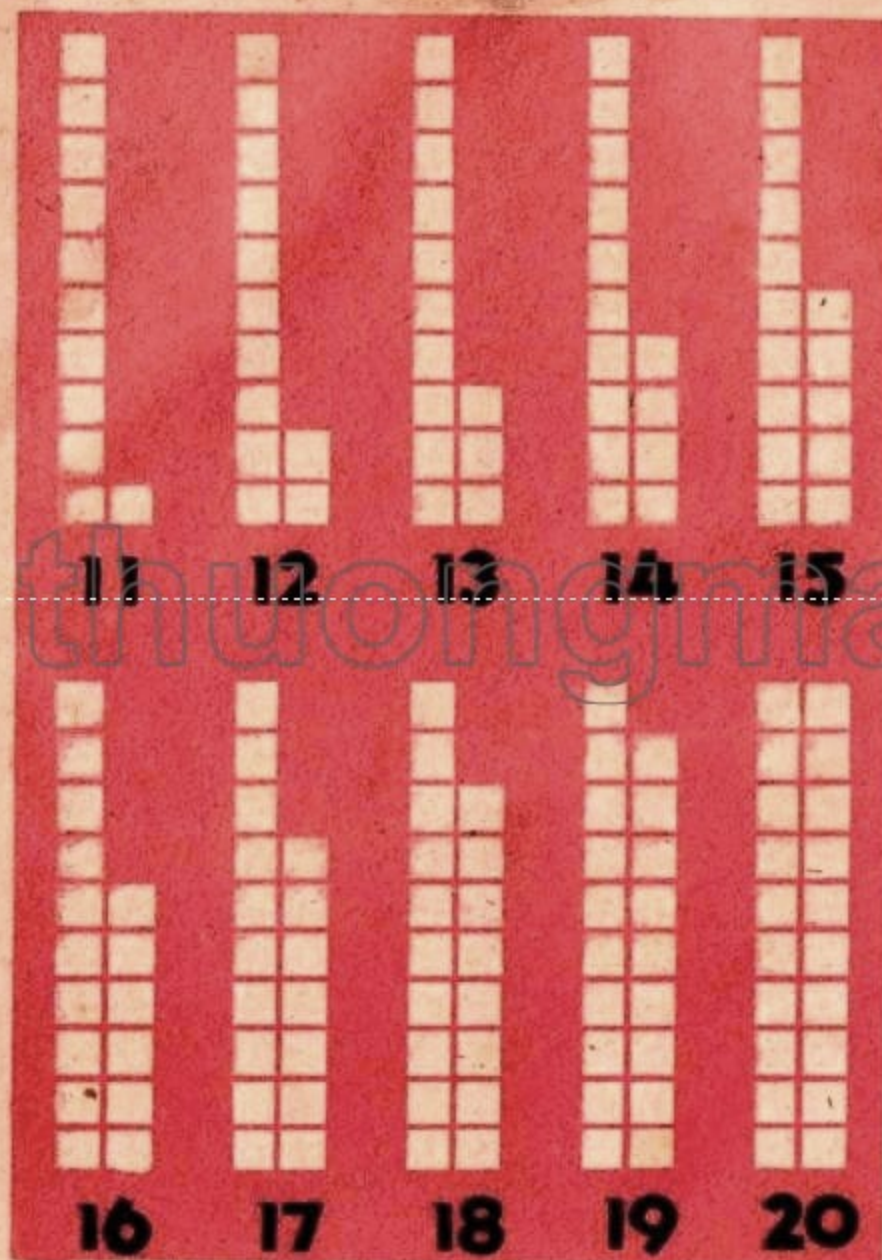
3. Em có mười ba que tính, hỏi phải thêm vào mấy que nữa để thành mười bốn que tính?

4. Em có mười bốn que tính, hỏi phải thêm vào mấy que nữa để thành mười lăm que tính?

5. a) Thêm bốn que tính vào mười que tính. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính?

b) Thêm 5 que tính vào 10 que tính. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính?

6. a) Ở các hình vẽ dưới có mấy ô vuông ?
 b) Vẽ mười hai ô vuông. Đầu tiên vẽ 10 ô vuông thành 1 cột, còn bao nhiêu ô vẽ thành cột khác.
 c) Vẽ mười ba ô vuông, mười bốn ô vuông, mười lăm ô vuông.



- ★1. a) Thêm 6 que tính vào 10 que tính. Hỏi có tất cả mấy que tính ?

- b) Thêm 7 que tính vào 10 que tính. Hỏi có tất cả mấy que tính ?
 c) Có mười bảy que tính. Hỏi phải thêm mấy que nữa để thành mười tám que tính ?

2. a) Thêm 9 que tính vào 10 que tính. Hỏi có tất cả mấy que tính ?

- b) Có mười tám que tính. Hỏi phải thêm mấy que tính để thành mười chín que tính ?

3. a) Thêm 1 que tính vào mười chín que tính thành hai mươi que tính.

- b) Xếp 10 que tính hay còn gọi là 1 chục que tính vào 1 chục que tính nữa. Vậy ta có mấy chục que tính ?

- c) Hai mươi que tính là mấy chục que tính ?

4. a) Đếm 20 que tính.
 b) Đếm từ 1 đến 20.

— Đọc các số đến 20 :

- ★1. a) Một bó que tính có 1 chục que và 8 que. Hỏi tất cả có mấy que tính ?
 b) Một số bằng 1 chục và 8 đơn vị. Hỏi số ấy là bao nhiêu ?

2. Gọi tên các số sau này, mỗi số đó bằng :

- 1) 1 chục và 7 đơn vị
 2) 1 chục và 9 đơn vị
 3) 1 chục và 4 đơn vị
 4) 2 chục.

3. Có mấy chục và mấy đơn vị trong các số sau này : mười một, mười lăm, mười sáu, hai mươi, mười.

— **Viết các số đến 20 :**

- ★1. a) Ở hình vẽ bên có mười hai cái chấm. Kể từ bên phải, cột thứ hai có 1 chục cái chấm. Tôi viết 1 tức là 1 chục. Cột thứ nhất có 2 cái chấm tôi viết 2 tức là 2 đơn vị. Vậy tôi có số mười hai : 12.
b) Đếm xem cột thứ hai có mấy cái chấm? Cột thứ nhất có mấy cái chấm? Hình vẽ bên có tất cả mấy cái chấm? Viết số đó.

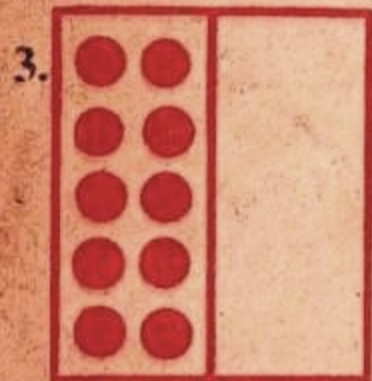


12



15

2. a) Trong số 18 có mấy chục và mấy đơn vị?
b) Trong mỗi số 15, 11, 19 có mấy chục và mấy đơn vị?



10

- a) Ở hình vẽ bên có mười cái chấm. Cột thứ hai có 1 chục cái chấm, tôi viết 1 tức là 1 chục. Cột thứ nhất không có cái chấm nào, tôi viết 0 nghĩa là không có đơn vị nào?
Vậy tôi có số 10.
b) Số 20 có mấy chục và mấy đơn vị?

— **Đọc và viết các số đến 20 :**

- ★1. a) Đặt chữ số 1 vào cột thứ hai kể từ bên phải, rồi đọc số ấy.
b) Đặt chữ số 1 vào cột thứ nhất, rồi đọc số ấy.

Chục	Đơn vị

2. a) Đặt chữ số 1 vào cả 2 cột rồi đọc số ấy.
b) Lấy chữ số 1 ở cột thứ nhất rồi lần lượt thay bằng các chữ số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Lần lượt đọc những số ấy.

3. Đọc những số dưới đây rồi viết vào vở : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.

4. Điền số vào các ô còn bỏ trống :

11		13		15		18		20
-----------	--	-----------	--	-----------	--	-----------	--	-----------

5. Số 12 do mấy chữ số ghép thành? Chữ số hàng chục bao nhiêu? Chữ số hàng đơn vị là bao nhiêu?

Kể từ bên phải, chữ số thứ nhất thuộc hàng đơn vị, chữ số thứ hai thuộc hàng chục.

6. Đọc xuôi và đọc ngược các số từ 1 đến 20 ở trên thước kẻ.

MỤC LỤC

	Trang
— Giới thiệu trường học, lớp học và tư thế học sinh ngồi trong lớp	3
— Những bài học về các khái niệm ban đầu	4 - 19
— Những bài học về các số từ 1 đến 5	20 - 47
— Những bài học về các số từ 6 đến 10	48 - 97
— Số không	98 - 101
— Số chẵn, số lẻ	102 - 103
— Bảng cấu tạo các số đến 10	104 - 106
— Những bài tập về thêm, bớt và cộng trừ trong phạm vi 10	107 - 129
— Kiểm tra (Thầy giáo tự ra bài)	
— Ôn tập chung phần 10 số đầu	129 - 132
— Trò chơi và toán vui	133
— Bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10	134
— Kiểm tra (Thầy giáo tự ra bài)	
— Các số đến 20 (đếm, đọc, viết)	135 - 139
— Kiểm tra cuối năm học (Thầy giáo tự ra bài)	

Xin lưu ý:

1. Nội dung các bài dạy về những khái niệm ban đầu, những số trong phạm vi 10 và số 0 được soạn mỗi bài trong hai trang, đủ dạy trong một tiết. Dòng chữ ở đầu mỗi trang (in trên nền màu) nhằm gợi ý những vấn đề trọng tâm của từng bài. Những câu hỏi in chữ nhỏ ở dưới mỗi trang nhằm gợi ý nêu vấn đề cho học sinh trả lời.

2. Nội dung các kiến thức cơ bản cần thiết phải dạy trong mỗi tiết thuộc phần thêm, bớt, cộng, trừ trong phạm vi 10 và phần đếm, đọc, viết các số đến 20 được đánh dấu bằng chữ số màu. Ký hiệu sang bài mới là dấu sao (★) màu.

TOÁN LỚP MỘT PHỔ THÔNG

(In lần thứ hai có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG

In 550.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 tại Nhà in Nguyễn Tấn Long, 387 Võ Văn Tần, Thành phố Hồ Chí Minh, xong tháng 6-1976; nộp lưu chiểu tháng 6-1976.

BAN GIÁO DỤC NHÀ TRẺ QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP I

BẠCH ĐĂNG

PHIẾU THEO DÕI

BAO QUẢN SÁCH GIÁO KHOA

Năm học	HỌ TÊN HỌC SINH	Chất lượng		
		Đầu năm	Cuối năm	Sau hè
1980 - 1981	Quách Minh Đạt			
1981 - 1982				
1982 - 1983				
1983 - 1984				
1984 - 1985				
1985 - 1986				
1986 - 1987				
1987 - 1988				
1988 - 1989				
1989 - 1990				
1990 - 1991				
1991 - 1992				
1992 - 1993				
1993 - 1994				
1994 - 1995				
1995 - 1996				
1996 - 1997				
1997 - 1998				
1998 - 1999				
1999 - 2000				
2000 - 2001				
2001 - 2002				
2002 - 2003				
2003 - 2004				
2004 - 2005				
2005 - 2006				
2006 - 2007				
2007 - 2008				
2008 - 2009				
2009 - 2010				
2010 - 2011				
2011 - 2012				
2012 - 2013				
2013 - 2014				
2014 - 2015				
2015 - 2016				
2016 - 2017				
2017 - 2018				
2018 - 2019				
2019 - 2020				
2020 - 2021				
2021 - 2022				
2022 - 2023				
2023 - 2024				
2024 - 2025				
2025 - 2026				
2026 - 2027				
2027 - 2028				
2028 - 2029				
2029 - 2030				

nam

lang

uonngmaitruongxua.v

21

ch

Giá: 42 xu

<https://tieulun.hopto.org>